ó 10
4 năm 1918

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

CÁI QUAN-NIỆM DÂN TA ĐỐI VỚI CHỦ-NGHĨA « ĐÔNG-DƯƠNG THỐNG-NHẤT »

Bài luận thống-nhất kỳ thứ 8 chúng ta đã lược dịch lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Xa-lộ ; thì chính ý ngài muốn đề-xướng ra cái chủ nghĩa « *Đông-dương thống-nhất* », để hợp các đoàn-thể mà gây thành một nước « *Đệ-nhị Pháp-quốc ở cõi Á-châu* » ; tức là ngài muốn vì các nước trong xứ Đông-dương mà tổ-chức ra cái thể-chế « liên-bang » vậy. Xứ Đông-dương ta có ba nước : Việt-nam-tổ-quốc và Cao-man, Ai-lao. Ba nước ấy kết làm « liên-bang », nghĩa là do nhà nước Đại-Pháp lấy cái tư-cách Bảo-hộ mà cầm quyền minh-chủ, khiến ba nước liên-hợp với nhau, cùng lòng cùng sức lo-toan về việc bảo-thủ mà nơi tới cái mục-đích chung. Còn thuộc về nội-chính, thì các nước vẫn được quyền tự-trị, giữ lấy quốc-thể, cương-giới, chủng-tộc, mà lo về kế sinh-hoạt trong nước cho được phát-đạt. Nói tóm lại thì An-nam vẫn là An-nam, Cao-nam vẫn là Cao-man, Ai-lao vẫn là Ai-lao, nước nào cũng đều có quân-chủ riêng, quốc-thổ riêng, không hề kiêm-tính lại làm một. Chỉ trên ba nước ấy có một cái cơ-quan rất cao là chánh-phủ Bảo-hộ, để liên-lạc ba nước mà chủ-trương về sự phòng-giữ và sự giao-thông, khiến xứ Đông-dương thành ra cái đoàn-thể lớn, đủ có sức mạnh mà đối-phó với liệt-quốc vậy.

Như thế, thì cái đoàn-thể lớn của xứ Đông-dương ta, tất nhiên được vững bền ; cái tiền-đồ về sự thống-nhất, tất nhiên có trật-tự. Tuy vậy, nếu muốn cho đoàn-thể lớn được vững bền, thì trước hết phải làm sao cho đoàn-thể nhỏ cũng được vững bền ; muốn cho đoàn-thể lớn được thống-nhất, thì trước hết phải làm sao cho đoàn-thể nhỏ cũng được thống-nhất. Ví dụ như công-việc một làng ; trong làng có mấy họ, hễ nhân-dân trong họ mà hòa-hợp với nhau, thì việc làng mới được hòa-hợp mà trông bề thịnh-vượng. Nếu nhân dân trong các họ cùng nhau mâu-tuẫn chia lìa, thì tất nhiên tình-thế trong làng cũng vậy, không tài nào mà nói sự hòa-hợp được. Xứ Đông-dương ta có ba nước, khác nào như một làng có ba họ, nhà nước Bảo-hộ tức là cái địa-vị hương-trưởng, mà vua các nước trong xứ Đông-dương này tức là cái địa-vị tộc-trưởng vậy. Muốn một làng xum-họp mà ông hương-trưởng có thể chỉnh-đốn được việc làng, thì phải khiến cho các họ

đều thuận-hòa, mà ông tộc-trưởng có thể thống-suất được dân trong một họ. Bởi vì xã-hội vẫn trọng về đường trật-tự, hễ giải-quyết được mối căn-bản, thì toàn-bộ cũng nhân đấy mà giải-quyết được.

Kia như nước Cao-nam và Ai-lao, thì chúng ta không cần nói làm gì, chúng ta chỉ xét riêng một cái bộ-phận trọng-yếu của xứ Đông-dương là nước Việt-Nam ta mà xem. Nhân-dân nước ta thuần là một chủng-tộc ; từ Bản-triều mở mang thổ-vũ, thống-nhất giang-sơn, kẻ bắc người nam, ở chung một nước, thờ chung một chúa, sự thống-nhất đã hiện-hình trên lịch-sử, có lẽ nào mà nói sự chia lìa cho được. Nhưng mà đến bây giờ chúng ta thường thấy tình-ý nhân-dân trong nước không được liên-hợp, xứ này đối với xứ nọ, hình như đều có cái tường ngăn đứng giữa mà sinh ra lắm nỗi riêng tây. Xét cho kỹ, thì thiết-tưởng rằng sự riêng tây ấy không phải là vì những vấn-đề thuộc về chủng-tộc, ngôn-ngữ và phong-tục, mà thật là vì cái vấn-đề chính-trị vậy. Nước ta có ba xứ, mà cách nhà nước Đại-Pháp chiếu-cố đến nước ta, thì mỗi xứ một khác, Nam-kỳ thì về phần thuộc địa, Trung-kỳ thì bảo-hộ, mà Bắc-kỳ thì lại tòng-nghiêm-bảo-hộ. Nếu bình-tĩnh mà xét, thì vô-luận thể-chế chính-trị khác nhau thế-nào, cái tôn-chỉ của nước Đại-Pháp đối với nước Việt-nam, cũng đồng-thị là muốn cho dân ta được tiến-bộ, nước ta được giàu mạnh cả. Nhưng mà cách chính-trị lại bất-nhất như thế, khác nào như nuôi con một nhà mà cho ăn khác mâm, ngồi khác chỗ, cho nên hay sinh ra những sự chia lìa. Năm trước có người nói với tôi một việc tuy là việc nhỏ mọn, nhưng cũng đủ chứng cho cái kết-quả của sự chia lìa dân nước ta sau này ra thế nào. Có một người Trung-kỳ, đi vào buôn-bán ở Nam-kỳ, nói truyện với một người nhà quê xứ Nam-kỳ, người nhà quê ấy hỏi : « Ở trong nước ông có nhiều người Đại-Pháp ở không ? » Người đi buôn kia bèn sửng-sốt mà hỏi lại rằng : « Thế thì ông ở đây là nước nào ? Ông có biết xứ-sở này có quan-hệ gì với nước An-nam và nước Đại-Pháp hay không ? » Người ấy trả lời lại rằng : « Chúng tôi là người *Cô-sanh-xin* (Cochinchine), nước An-nam và nước Đại-Pháp đều là ngoại-quốc, duy hiện-thời thì chỉ có quan Đại-Pháp cai-trị chúng tôi mà thôi ». Khá thương thay ! Dân cùng một nước mà không nhận nhìn nhau được, thế mà cầu cho liên-lạc tình-ý để toan-lo những sự-nghiệp chung, tôi thiết tưởng cũng là một cái vấn-đề rất khó vậy. Đại-phàm cuộc đời hễ không có cái mối gì để mà liên-hệ lòng người, thì càng ngày càng xa, càng ngày càng cách ; ngày nay cách nhau một bước, tất nhiên ngày khác xa đến muôn trùng, biết đâu sau này người Bắc-kỳ đối với người Trung-kỳ, không như là người Nam-kỳ đối với người Trung-kỳ ru ?

Như trên này đã nói, thì đủ biết sự ngăn rào trong ba xứ, tất-nhiên ngày sau thành ra một cái kết-quả không được tốt. Nhưng mà muốn phá những ngăn rào ấy tưởng không thể chỉ lấy một câu « *Đồng-tâm hợp-lực* » ở ngoài miệng, mà trông cho thành hiệu được, chúng ta cũng chỉ trông mong về cách xử-trí của chánh-phủ mà thôi. Từ mấy năm nay chánh-phủ Bảo-hộ hết sức chỉnh-đốn mọi việc trong nước, như là trên lục thì đắp đường hỏa-xa, dưới bể thì có hỏa-thuyền, để nhân-dân qua lại cho được tiện ; gần đây lại lập đội thương-thuyền, đặt trường Đại-học, phàm công việc gì cũng đều muốn liên-hợp cả Trung, Nam, Bắc ba kỳ để chung lo về sự kinh-tế, sự giao-thông và cố-kết cái tinh-thần của người ba xứ, khiến cho xứ này đối với xứ khác, có cái quan-niệm chi-thân chí-thiết, mà cùng nhau giắt tay lên đường tiến-bộ. Tuy thế, phàm những mối liên-lạc ấy phải nhờ có mối liên-lạc thuộc về đường chánh-trị, thì đoàn-thể

mới có thể vững bền. Nhưng mà chỉ hiềm vì bây giờ cái mối liên-lạc thuộc về đường chánh-trị, còn bị hạn-chế về những điều-ước của Pháp-Việt hai nước đã kết nhận từ trước. Cho nên cái vấn-đề ấy không phải là một cái luận-đề của chúng ta giải-quyết được, sự giải-quyết ấy thì hãy dốc lòng trông cậy ở nhà nước Đại-Pháp cùng Triều-đình nước ta. Nay chúng ta chỉ cảm-giác về cái chủ-nghĩa « *Đông-dương thống-nhất* » của quan Toàn-quyền Xa-lộ đã đề-xướng, mà vì cái bộ-phận trọng-yếu của Đông-dương là nước Việt-Nam ta lo thế nào cho hợp sức đồng lòng kết thành một đoàn-thể vững bền, để không phụ cái ơn tác-thành của quan Toàn-quyền, và không khiến cho cái đoàn-thể lớn xứ Đông-dương hoặc nhân sự riêng tây của đoàn-thể Việt-Nam ta mà có trở-ngại cho cái công-nghiệp thống-nhất. Bởi vì thế-lực của xứ Đông-dương mạnh hay là yếu là rất có quan-hệ đến cái mệnh-vận của nước Việt-Nam ta ; mà nước Việt-Nam ta mạnh hay là yếu lại có quan-hệ đến cái tiền-đồ của xứ Đông-dương vậy. Kìa như ba nước ở Đông-dương vẫn là không đồng chủng-tộc, không đồng phong-tục, không đồng ngôn-ngữ, mà quan Toàn-quyền hãy còn lo liên-hợp mà thống-nhất, để cầu cho Đông-dương được mạnh ; huống chi là ba xứ ở trong nước Việt-Nam ta vẫn là đồng chủng-tộc, đồng phong-tục, đồng ngôn-ngữ, mà chúng ta lại nỡ nào kẻ Tần người Việt, qua-phân ngõa-giải, để cho nước Việt-Nam yếu hay sao ? Thế cho nên sự thống-nhất thuộc về đường chánh-trị thì trông mong ở chánh-phủ, mà thống-nhất thuộc về ý-chí thì lại cốt ở quốc-dân ta vậy.

Ý-chí vì sao mà thống-nhất ? là vì lòng người có thống-thuộc, thì ý-chí tự-nhiên được thống-nhất. Nếu lòng người không có thống-thuộc, thì dầu có lấy sự công-lợi công-ích chỉ đường dẫn nẻo, mà bảo phải đồng lòng hợp sức, để kết đoàn-thể với nhau, tôi thiết-tưởng cái thế-lực trong đoàn-thể cũng chưa chắc là mười phần bền chặt. Vì sao ? hễ cái trình-độ quốc-dân còn thấp thì cái nghĩa công-cộng lợi-ích, ít người biết cho được rõ, mà sự tự-do càn-dỡ thường lắm kẻ sai nhầm. Thế cho nên hai chữ « dân quyền » người Pháp người Mĩ xướng ra thì được thành công, mà người nước khác xướng ra thì bị thất-bại ; sự thất-bại ấy là vì trình-độ dân chưa xứng đáng mà vội nói dân-quyền, thì tự-nhiên cái trật-tự trong nước phải bị rối loạn. Nước ta xưa nay là một nước quân-chủ, trọng về phần trật-tự ; người đại-biểu cho dân, cái hình ảnh của nước, toàn là thuộc về một mình ông Nguyên-thủ trong một nước. Đương cái thời-đại nam-bắc thống-nhất ngày trước, thì tuy vẫn không bằng như bây giờ nhờ có nhà nước Đại-Pháp bảo-hộ mà khiến cho sự chánh-trị trong nước càng ngày càng được rõ ràng phát-đạt. Nhưng mà khi trước phàm những nhân-dân trong nước đều phục-thuộc ở dưới quyền quân-chủ, bởi thế cho nên cái cảm-niệm càng sâu mà tình thân-ái càng thiết. Huống chi là nước ta tuy rằng noi theo cái chánh-thể chuyên-chế, nhưng mà lịch-đại-đế-vương cũng đều giữ một niềm « vâng kinh mệnh giời, thương yêu con đỏ », mà trị nước trị dân, chưa hề có ông nào lạm-dụng cái độc chuyên-chế như là vua Tần-hoàng 秦皇 vua Tùy-dượng 隋煬 ở nước Tàu. Thế cho nên thủa trước chánh-lệnh nhất-trí, ý-chí hợp-hòa, không cần phải nói liên-lạc mà tự nhiên liên-lạc. Nước ta bây giờ muốn thu-phục lại cái tình-cảm liên-lạc ngày trước, muốn phá những sự ngăn rào của dân các xứ, thì phải khiến cho người trong nước, đều có cái quan-niệm thống-thuộc mới được. Thống-thuộc là thế nào ? là ai ai cũng phải quay đầu trông về nơi đế-quyền của nước ta vậy.

Song-le, nước Việt-Nam bây giờ mà nói nghĩa thống-thuộc, cũng là một cái vấn-đề rất khó. Vì sao ? Nước có ba kỳ, mà Nam-kỳ thì đã thành thuộc-địa của nhà

nước Đại-Pháp, cho nên cái dân-ý xứ Nam-kỳ thống-thuộc về đâu, thì trong bài luận này tôi không nói đến, tôi chỉ luận về hai xứ bảo-hộ là Trung-kỳ và Bắc-kỳ.

Chúng ta nên biết rằng bây giờ nhà nước bảo-hộ muốn thi-hành tân-chính hay là cải-lương pháp-luật, thế tất phải lấy dân-ý của An-nam làm cốt; nhưng tôi xin hỏi : bằng vào đâu mà tìm cho được cái « *công-cộng dân-ý* » của người An-nam ? Tất-nhiên phải do đức Hoàng-thượng ta làm một người đại-biểu cho cái dân-ý nước ta vậy. Bởi vì đức Hoàng-thượng là làm chủ-tể cho nhân-dân, mà Triều-đình là làm then máy cho việc chánh-trị. Ví-dụ : như có một ông kỹ-sư dùng một bộ máy, trước hết phải chỉnh-đốn cái bộ-phận cốt-yếu, thì các bộ-phận khác đều nhân đấy mà tương-ứng. Nếu bằng phân-khai ra từng cái một mà ứng-dụng, thì trục nhớn trục nhỏ không liên-hợp nhau, tài nào mà khiến cả toàn-bộ cơ-quan cũng nhất-tề-hoạt-động cho được. Hiểu cho rõ cái lý-do như thế, thì đủ biết lâu nay trong ý quan Toàn-quyền Xa-lộ, ngài muốn tôn trọng cái đế-quyền nước ta, giúp đỡ đức Hoàng-thượng để cố chỉnh-đốn những việc chánh-trị trong nước, thật là cái ý-kiến rất cao xa vậy. Vả lại quan Toàn-quyền là người Đại-Pháp, quen ở trong một nước trọng về dân-quyền, mà ngài trọng-nhậm xứ Đông-dương này thấy dân-tình quốc-tục của ta, ngài còn muốn duy-trì cái đế-quyền, để làm cái mối liên-lạc cho dân trong một nước; huống chi chúng ta là thần-dân của nước Nam ư ? Đại-phàm ở chung trong một nước mà không có quốc-hồn, thì coi nước cũng như là cái nhà ngủ trọ mà thôi. Đã coi nước như là cái nhà ngủ trọ, thì phàm những người vào trong cái nhà trọ ấy, hoặc người qua kẻ lại cũng cho như là khách qua đường, có cần gì mà phải liên-lạc. Muốn liên-lạc lòng dân, thì trước hết phải tưởng đến cái quốc-hồn. Mà vua ta chính là quốc-hồn của ta đấy. Ai ai cũng đều lấy cái quốc-hồn làm trọng, không hề coi nước là nhà ngủ trọ, mà lại coi nước như là cái từ-đường của một họ, coi vua trong nước như là ông thủ-tự trong từ-đường. Từ ấy thì vì bụng tôn vua mà yêu nước, vì yêu nước mà liên-lạc lòng dân trong một nước, tình thân-ái, nghĩa bảo-giữ, có thể được thập-phần-cố-kết. Thế cho nên chúng ta thiết tưởng rằng: Muốn liên-lạc xứ Đông-dương, trước hết phải liên-lạc nước Việt-Nam ; muốn liên-lạc nước Việt-Nam trước hết quốc-dân ta phải khuynh-hướng về cái chủ-nghĩa « *tôn-quân* ». Vì là tôn-quân thì liên-lạc nước Việt-Nam được, mà liên-lạc nước Việt-Nam tức là liên-lạc xứ Đông-dương, mà liên-lạc xứ Đông-dương tức là tỏ lòng trung-thành với nhà nước Đại-Pháp vậy.

Nhưng mà hai chữ « tôn-quân » cũng có một cái ý-nghĩa rất cao-thượng. Tôn-quân như thế nào? Người làm tôi thì phải hết cái trách-nhậm làm tôi, người làm dân thì phải hết cái trách-nhậm làm dân, giúp nên những sự-nghiệp chung, thuận theo những đức-chánh mới, làm sao cho ở trên thì vua được vinh-hiển, ở dưới thì nước được thái-bình. Ấy gọi là tôn-quân ; chứ không phải chỉ lấy sự qui-gối niệm-tay, ca-công tụng-đức, là đủ cái trách-nhậm tôn-quân đâu. Chúng ta nên lấy một lời đan-giản giải nghĩa hai chữ « Tôn-quân » như thế này : Muốn tôn-quân thì phải làm sao cho không nhục quốc-thể.

Nước ta khi trước còn đương lúc đóng cửa chưa giao-thông với ngoại-quốc, thì sự cử-động của dân trong nước không trực-tiếp với tai mắt người ngoại-quốc, nếu người nào có làm điều gì nhầm-lỗi, chẳng qua là chỉ đối với pháp-luật trong nước mà chịu cái tội đáng chịu, chứ không can-hệ gì đến sự vinh-nhục của quốc-thể. Đến bây giờ thì không thế ; cuộc đời giao-thông, phàm người dân trong nước làm việc gì, dầu phải dầu chăng, người ngoài cũng đều trông thấy. Cho nên dân ta

phải nên làm sao mà khiến cho người ta trọng mình, không nên để cho người ta khinh mình. Như là làm ông quan thì thanh-liêm cần-cán, làm người dân thì lạc-nghiệp an-sinh, làm người học trò thì khai-trí tiến-hóa, cho đến các hạng người trong nước, ai ai cũng luyện thành một cái tư-cách xứng-đáng, để làm cái vẻ tốt đẹp cho nước nhà. Tôi thiết tưởng anh em đồng-bào trong nước ai ai cũng đều được như thế, tất nhiên nhà nước bảo-hộ cũng bình-tâm mà nghĩ rằng : Thế này thì nhân-cách dân An-nam có kém gì nhân-cách dân các nước, cái khuyết-điểm của dân An-nam, chẳng qua là văn-minh học-thuật chưa được lan khắp mà thôi. Nếu ta nhân cái cơ-hội này mà dạy bảo vun giồng cho họ, thì dân-tộc này tất nhiên cũng có một ngày kia được như ý ta sở-nguyện. Như thế thì những lời bỉ nhục quá-đáng cũng bớt, mà tấm lòng nghi-kỵ cũng tiêu đi dần dần.

Rồi từ đấy mà Chánh-phủ Bảo-hộ có ý kiến-trọng người nước ta, tín-nhiệm Triều-đình ta, mà vua ta nhân cơ-hội ấy cũng được nhờ nhà nước Bảo-hộ giúp đỡ để mưu toan mọi việc mà tạo-thành cái hạnh-phúc cho dân trong một nước. Như thế thì đế-quyền có lẽ nào mà không được tôn trọng. Học-thuyết Á-châu ta có câu rằng : « Đạo làm con lấy sự dương-danh hiển-thân làm hiếu ». Kia như những sự phụng-dưỡng trong gia-đình, dẫu cho cực-kỳ phong-hậu thế nào, cũng chẳng qua là cái nghĩa-vụ làm con phải như thế, ví bằng người con trong một đời không lập được công-nghiệp gì cho cha mẹ được hưởng về phần danh-dự, ấy thật là bất-hiếu. Vua là cha, mà thần-dân trong nước là con ; thần-dân mà đều sửa sang cái nhân-cách cho trọn-vẹn, để làm vẻ vang cho nước nhà, tức là sự hiển-dương của thần-dân đối với vua vậy. Nay thử hỏi : Nếu như có một người con ở nhà đối với cha mẹ, thì miếng-ngon vật-lạ phụng sự hết lòng, mà ra khỏi cửa thì cờ-bạc đàn-điếm làm lắm việc trái phép, để sự lo cho cha mẹ. Như thế có thể gọi được là hiếu không? Lại như có một ông quan mới ra làm quan, đối với vua thì xưng-đế xưng-thiên, ca-công tụng-đức, mà khi lâm-dân hành-chánh, thì phần chánh-trị không được xiêng-năng, của hối-lộ lại càng thêm vơ-vét, để làm một sự chê-cười cho dư-luận người ngoại-quốc, mà nhục đến mệnh-lệnh nhà vua. Như thế có gọi được là tôn-quân hay không? Thế cho nên khuyên quốc-dân ta như muốn tôn-quân thì phải tự trọng cái nhân-cách của mình trước.

Tôi không dám nói rằng sự tôn-quân về hình-thức là không chính-đáng, nhưng mà hình-thức phải có tinh-thần. Huống chi trong bài này là tôi chỉ nghiên-cứu về cái tinh-thần tôn-quân để cố cầu cho liên-lạc được cái ý-chí của một dân một nước, thì sự tôn-quân ấy, chính là nghĩa Ái-quốc, tức là có quan-hệ đến những sự giữ gìn giống nòi ; lo toan đường sinh-hoạt của dân trong nước, không phải là chỉ thuộc về sự duy-trì cương-thường luân-lý mà thôi đâu. Xứ Á-châu ta như nước Nhật-bản vẫn là một nước tôn-quân, vì cái quan-niệm tôn-quân ấy mà các mạc-phủ đều qui-chánh cho Thiên-Hoàng. Vả lại vua Minh-trị Nhật-bản có tài anh-minh quả-đoán, chọn dùng người mới, bắt chước theo lối chánh-trị Âu Mỹ, ban bố chánh-thể lập-hiến mà cải lương chánh-trị trong nước, khiến cho nước Nhật-bản duy-tân vừa được mấy mươi năm mà trong nước đã phú cường, đến bây giờ thành ra một nước « đại-cường-quốc » ở châu Á. Ấy là một cái chứng-cớ rằng chủ-nghĩa tôn-quân của người Á-châu ta có ích-lợi cho nước. Còn như dân trí nước Xiêm-la vẫn là đê-liệt hơn dân nước ta, nhưng mà dân nước ấy chỉ biết phục-tòng ở dưới mệnh-lệnh quân-chủ. Vả lại Xiêm Tiên-Hoàng là một ông vua hùng-vũ, thấy cuộc đời gặp hội giao-thông, thì du-lịch các nước

Âu-tây xét xem chánh-trị, rồi từ đấy đón các người chánh-khách của ngoại-quốc về mà giúp đỡ cho sự chánh-trị, đón các quan Võ-tướng của ngoại-quốc về mà luyện tập lấy quân-đội, đối với sự nội-chánh, thì cải-lương chánh-trị mới, ban-hành pháp-luật mới ; đối với sự ngoại-giao, thì mở thương-cảng và đặt lãnh-sự khắp các nước, đến bây giờ trong trường giao-thiệp thế-giới, còn có một cái vị-trí của nước Xiêm-la, mà trận đánh long giời lở đất ngày nay nước Xiêm-la lại cùng các nước văn-minh bên Âu-tây tham-dự một phần trách-nhậm trong hàng binh-cách. Ấy không phải là một cái chứng-cớ rằng quân-chủ xứ Á-châu này có ích-lợi cho nước hay sao ? Chúng ta lại thử xem như một nước láng diềng kia ; từ khi phá đổ đế-chánh trong nước rồi, tưởng đâu dân-quyền từ ấy mà phát-đạt được. Nào có biết đâu ngày nay thì đảng này, ngày mai thì đảng khác, cùng nhau tranh đua, cùng nhau khuynh-loát, không biết bao giờ cho thôi, rồi vì đó mà diễn-thành một cái cảnh-tượng nguy-hiểm cho nước nhà. Tuy rằng nhân-tài nước ấy cũng đông đúc, quốc-lực nước ấy cũng hùng-hậu, mà lại thành một cái kết-quả như thế ; ấy là vì trình-độ của dân không bằng dân Âu-Mỹ mà đã vội xướng cái nghĩa dân-quyền tự-do, thì tất nhiên trật-tự trong nước phải bị rối loạn. Xét cho kỹ, thì cái nghĩa dân-quyền tự-do tuy vẫn là một vật quí báu của nhân-loại ; nhưng mà muốn hưởng-thụ và sử-dụng cái vật quí báu ấy phải có giá-trị, giá-trị tức là cái trình-độ văn-minh của quốc-dân vậy. Nếu cái trình-độ văn-minh chưa được hoàn-toàn, mà vội nói dân-quyền tự-do, thật là một sự rất nguy-hiểm.

Tuy đức Hoàng-thượng ta ngài cũng đã xét cái vận-hội ngày nay mà cải-lương chánh-trị, khiến cho hợp với thời-nghi, thỏa tình lẽ-thứ ; tuy nhà nước Bảo-hộ cũng đã hiểu rõ cái tình-thế nước ta, mà tôn-trọng đế-quyền của ta, để cố liên-lạc ý-chí của dân trong nước kết thành một cái đoàn-thể có sức mạnh. Nhưng mà cốt nhất là ở quốc-dân ta phải nhân cơ-hội ấy mà biết nghĩa thống-thuộc, biết tình liên-lạc, biết giữ lấy cái căn-bản trong nước mà phục-tòng dưới mệnh-lệnh Chí-tôn. Phàm vua ta có xướng ra một cái công-cộng-sự-nghiệp hay là ban-bố tân-chánh gì thì quốc-dân ta phải nhận-chân mà thi-hành. Đại-để việc gì cũng thế, cốt là ở cái lòng công-nhận ; hễ lòng công-nhận có quả-quyết, thì sự thi-hành mới có hiệu-lực. Nay nhà nước Bảo-hộ đã cho đế-quyền nước ta là đáng trọng mà hết lòng giúp đỡ để sửa sang các việc nội-chánh, thế thì dân ta có lẽ nào trì-nghi quan-vọng, mà không sớm quay đầu về cái chủ-nghĩa tôn-quân hay sao ?

Vả chăng, muốn đem hàng ức hàng triệu con người mà đúc thành một cái thể « kết-tinh, » tất-nhiên phải có cái yếu-điểm gì để ràng-buộc lấy tấm lòng của hàng ức hàng triệu con người, thì cái thể-chất kết-hợp ấy mới có thể bền chặt được. Ví-dụ như một nhà tôn-giáo kia ; thập-phương giáo-đồ, vẫn là không phải sinh cùng nhau một chủng-tộc, ở chung nhau một quốc-thổ, nhưng mà vì phụng-sự một giáo-chủ, thì coi nhau như anh em cật-ruột, mà lòng thân-ái không bao giờ thôi. Lại như một nhà tôn giáo kia, đương khi đêm tối nhà vắng, nhất-cử nhất-động vẫn một mình mình biết, không còn có sợ ai nghe thấy đến nữa, nhưng mà vì tấm lòng tín-ngưỡng tôn-giáo, thì khi nào cũng phảng-phất như đức Thượng-đế ở trước mặt mình, mà không dám làm những sự trái đạo trái lẽ. Xem như thế thì nước ta bây giờ nếu muốn liên-lạc cái cảm-tình của dân một nước và vãn-hồi cái thói khiêu-bạc của người đời nay, chi cho bằng tôn-trọng đế-quyền mà khiến lòng người có chỗ thống-thuộc, có chỗ kính-sợ. Hiện nay chánh-phủ Bảo-hộ đương giắt tay chúng ta mà chỉ cho cái hình-ảnh tổ-quốc ; tôn-trọng cái quốc-

thể nước ta, mà muốn cho chúng ta được bảo-tồn lấy cái tinh-thần của dân-tộc. Thế thì chúng ta phải tự mình quan-cảm, tự mình thương yêu lấy nhau, mà cùng lòng cùng sức giúp đỡ cái dế-quyền nước ta, gây dựng những cơ-nghiệp chung, thi-hành những chánh-trị mới, khiến cho vận-hội nước càng ngày càng phát-đạt, không đến nỗi phụ ơn tác-thành của nhà nước Bảo-hộ. Nếu được như thế, thì tuy chưa dám tự-quyết rằng nước ta đã tới bậc phú-cường như là các nước Âu-tây, nhưng cũng có thể chắc cho rằng cái đoàn-thể nước ta đã kết-thành một cái cơ-sở bền chặt. Rồi từ đấy trên nhờ có chánh-phủ Đông-dương cầm giắt nước Việt-nam ta và nước Cao-man nước Ai-lao mà kết thành một cái đoàn-thể lớn để làm một nước « Đệ-nhị-pháp-quốc cõi Á-châu ». Khi bấy giờ thì thuộc về những kế sinh-tồn ở trong nước, các nước có thể tự-trị lấy ; còn thuộc về những cuộc bảo-tồn đối với thế-giới, thì nhờ có Chánh-phủ Bảo-hộ đứng chủ-trương cho. Lấy nước Việt-Nam làm cái tài-liệu rất trọng-yếu, mà đắp thành cái lâu-đài « *liên-bang* », rồi lại nhờ có cái lâu-đài « liên-bang » trang-nghiêm rực-rỡ ấy mà che-chở cho nước Việt-Nam. Hễ cái thế-lực cõi Đông-dương được bành-trướng, thì sự vinh-hạnh của nước Việt-Nam ta cũng ở đấy. Khuyên đồng-bào ta không nên quan vọng, không nên chia lìa, phải hết lòng liên-lạc cái ý-chí của một dân một nước, kết thành đoàn-thể mà giúp cho cái chủ-nghĩa *Đông-dương thống-nhất* của quan Toàn-quyền Xa-lộ ta đã đề-xướng được chóng đến ngày thành-lập.

NGUYỄN BÁ-TRÁC

Jeunes gens,
vous ferez demain
l'opinion du monde.
Au monde qui hésite
entre les vieilles idées et les nouvelles,
où les phénomènes de l'antique barbarie
se confondent
dans une étrange expérience
avec les progrès merveilleux
de la civilisation,
donnez ce dogme :
le plus grand des crimes
contre l'humanité,
c'est de tuer une nation
ou de la mutiler.
Partout où des hommes
consentent à vivre ensemble,
dans les mêmes lois,
avec les mêmes sentiments et les mêmes
passions, cette existence collective
est légitime, elle est auguste,
elle est sacrée, elle est inviolable.

ERNEST LAVISSE

Các thày thiếu-niên ngày nay,
cái dư-luận của thế-giới sau này,
là bởi tay các thày làm ra đó.
Thế-giới bây giờ
còn đương phân-vân
chưa biết theo cái tư-tưởng cũ
hay cái tư-tưởng mới,
những thói dã-man đời xưa,
cùng với những vẻ văn-minh ngày nay,
còn đương trộn lẫn nhau
trong cái lò thí-nghiệm kỳ lạ ;
các thày phải dạy cho thế-giới biết
cái chân-lý sau này :
là không tội gì đối với nhân loại
to bằng cái tội
làm tiêu diệt mất một dân một nước
hoặc đem nó ra mà phân cát.
Phàm nhiều người đã họp nhau lại,
thuận nhận cùng sống với nhau,
cùng theo một pháp-luật,
cùng một tấm tinh-ý,
cùng một lòng dục-vọng,
thì sự sinh-tồn chung ấy là chính-đáng,
đáng tôn trọng, đáng sùng-bái.
mà không ai được phép phạm đến vậy.

MƯỜI NGÀY Ở HUẾ

Nhân dịp tế Nam-Giao tôi có về chơi Huế, thật là phỉ cái lòng mong mỏi đã lâu nay. Sinh-trưởng ở một nơi đô-hội mới, không còn tí gì là cái dấu vết cựu-thời, mối hoài-cổ vẫn thường canh-cánh trong lòng. Quan-niệm về lịch-sử nước nhà, trông quanh mình không có cái cảnh-tượng gì đủ nhắc lại những sự-nghiệp nhớn nhao của đời trước, tình ái-quốc vẫn thường ngang-ngang trong dạ. Nên vẫn ước-ao được về nơi Đế-đô để chiêm-ngưỡng cái hình-ảnh của Tổ-quốc. Nay sự hi-vọng đã thành, mắt đã được trông, tai đã được nghe, tinh-thần đã cảm cái hồn xưa của loài giống, thân-thể đã gội cái khí thiêng của núi sông, muốn đem những sự kiến-văn, sự cảm-giác, sự tư-tưởng trong mười ngày ở chốn Trường-an thuật lại cho các bạn đọc báo nghe, tưởng cũng giúp được một phần cho cái quan-niệm của quốc-dân đối với Tổ-quốc vậy.

***

Xưa chầy Kinh mất hai mươi ngày, nay nhờ có xe hỏa xe hơi đi đường bộ chỉ vừa đầy hai ngày tròn. Bắt đầu đi từ Hà-nội ngày 19 tháng 3 tây, ngày 21 tới Huế, ở Huế 12 ngày, ngày 2 tháng 4 bắt đầu về, chiều ngày 3 tới Hà-nội, vừa đi vừa ở vừa về cả thảy 16 ngày. Đi qua mười tỉnh: Hà-đông, Hà-nam, Nam-định, Ninh-bình, Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình, Quảng-trị, Thừa-thiên; trải nhiều cảnh khác nhau: khi ruộng lúa, khi đồng cỏ, khi non thấp, khi núi cao, khi xa-mạc, khi cao-nguyên, khi qua sông, khi men bể, giải Hồng-lĩnh, núi Hoành-sơn, bến sông Gianh, truông nhà Hồ, những nơi có tiếng to tiếng dữ ngày xưa lần lượt trình bầy ra trước mắt, chỉ khác cổ-nhân là thân không phải chịu khó nhọc mà trong khoảng hai ngày thu được một mảnh giang-sơn của cố-quốc. Ở vào thời-đại khai-thông cũng có nhiều điều tiện-lợi; nhưng có nhẽ kém cái thú riêng của các cụ ngày xưa thong-dong bầu rượu túi thơ, đi đến đâu đề-vịnh đến đấy, chẳng quản ngày qua tháng lại, cái thân nhàn không hệ-lụy với thời-gian! Ngày nay thời-giờ đã coi là vật rất quí ở đời, người đời đối với ngày giờ đã sinh lòng bủn-sỉn, thì cái hồn thơ lấy đâu mà lai-láng được như xưa! Cho nên điện-khí, hơi nước, xe hỏa, xe hơi, không phải là những «thi-khố» thiên-nhiên của giời đất.

Sáu giờ sáng ngày 19 lên xe hỏa về Vịnh, năm giờ chiều tới nơi. Từ Hà-nội đến Ninh-bình là phong-cảnh đất đồng-bằng, đất bằng giời phẳng, bát-ngát mênh-mông, người đứng giữa như giam mình trong cái ngục nhớn. Ai sinh-trưởng ở chốn đồng-bằng xứ Bắc, từ thủa nhỏ đầy mắt chỉ là cái cảnh giời biếc ruộng xanh, song-song bất-tuyệt, mới biết cái khổ lạ như cái khổ kẻ tù-nhân, khao-khát những cảnh núi non cao thẳm, gò đống khi-khu. Theo sách địa-lý thì những bậc anh-tài hùng-kiệt thường sinh ra ở gần nơi cao-phong tuấn-lĩnh: mắt nhìn những cảnh-tượng nhớn nhao, lòng tất rộng-rãi mà trí tất cao sâu. Sách tây cũng thường nói người Ấn-độ đời xưa sở-dĩ sáng-lập ra được những tôn-giáo triết-lý cao thâm như đạo Thích-ca, đạo Phệ-đà, cũng là bởi sinh-trưởng ở dưới núi Tuyết-sơn, tinh-thần thường theo ngọn núi cao mà bay bổng lên chốn không-gian vô-cực. Như thế thì xứ đồng bằng hiếm người anh-tuấn cũng là phải: người đồng bằng cái trí không lên khỏi ngọn cây tre! — Từ Ninh-bình giở vào mới thấy nhiều núi non, trước còn thấp, rồi cao dần mãi lên. Núi thường đột-khởi ở giữa cánh đồng, đá trắng mọc rêu xanh, đen đen đốm đốm, trông xa như những mảnh thành bị tàn phá

đã lâu ngày, hay là những bức tường đổ nát của cái lâu-đài Khổng-Lồ từ đời thượng-cổ. Trông những núi đó không khiếp sợ mà chạnh thương, vì nó trơ-vơ xơ-xác giữa đồng, có cái hình-dạng tiêu-điều như người đau đớn trong lòng : mộc-thạch cũng có linh-hồn chở chẳng không ! Nhưng từ vùng Thanh-Nghệ giở vào thì núi đã thấy liên-tiếp nhau mà thành từng rặng dài, đá thường lẫn đất, cỏ cây rậm rạp, không xơ-xác như những núi trên kia. Hình tròn sắc mượt, như một đàn voi cực lớn theo nhau tự trong rừng Vạn-tượng ra đến bờ bể Đông. « Hồng-lĩnh cửu-thập-cửu phong » là bắt đầu từ đấy. Xe lửa chạy nhanh, không thể đếm được có đủ chín mươi chín ngọn không. Nhưng túng-sử đếm được mà cái số hoặc nhiều hơn hay ít kém thì có hề chi ; cái tên của cổ-nhân đặt vẫn là có ý-vị, dẫu không đúng cũng chẳng giảm đi chút nào. Ôi ! cái hồn thơ của cha ông !.....

Đêm hôm ấy ngủ tại Vịnh, sáng hôm sau lên xe hơi đi về Đông-hà. Xe hơi có thể đi từ Vịnh về Đông-hà trong 12 giờ, nhưng xe hỏa tự Đông-hà về Huế chỉ có một chuyến chạy chín giờ sáng, vả Đông-hà là một nhà ga cùng-tịch ở đêm không tiện, nên ước năm sáu giờ chiều tới Đồng-hới là tỉnh-lỵ tỉnh Quảng-bình ngủ đêm đấy, sáng hôm sau đi nốt từ Đồng-hới về Đông-hà, vừa gặp chuyến xe lửa về Huế, đúng 12 giờ trưa thì tới Kinh-đô. Nếu sở xe hỏa chịu đặt một chuyến bảy tám giờ tối thì hành-khách khỏi phải ngủ đêm ở Đồng-hới, khỏi phải mất nửa ngày hôm sau, mà ước nửa đêm ngày thứ hai đã tới Kinh. Cứ xem khi ở Huế ra Hà-nội chỉ vừa đầy hai ngày thì đủ biết : 6 giờ sáng lên xe hỏa tự Huế ra Đông-hà, 8 giờ đến Đông-hà, 9 giờ lên xe hơi ra Vịnh, 10 giờ tới Vịnh, ngủ đêm ở đấy, sáng sớm mai lên xe hỏa ra Hà-nội, 5 giờ chiều tới nơi. Người yếu sức cũng hơi nhọc mệt một đôi chút, nhưng trông phong-cảnh hai bên đường đủ làm cho quên cái nỗi lưng mỏi chân chồn.

Từ Vịnh giở vào đi xe hơi là theo con đường Thiên-lý cũ gần bờ bể. Phải một quãng ở khỏi Nghệ đường mới đắp xấu quá, hôm đi lại vừa gặp giời mưa to đêm hôm trước, đường sũng nước thành bùn lầy, bánh xe bết xuống không đi được, hành-khách phải xuống đẩy cho phu đẩy mất năm sáu trăm thước tây. Chuyến ấy có bốn người đi, hai vợ chồng ông quan ba với hai anh em nhà báo mình là ông Chương-dân và tôi. Bốn người cùng lội bì-bõm, nhìn nhau mà buồn cười thay. Quan ba cùng phu-nhân tính vui mà nhã-nhặn, thực là một đôi bạn đi đường qui hóa. Suốt một ngày chuyện-trò ân-cần vui-vẻ, cùng nhau bình-phẩm cái bức tranh thiên-nhiên đương bầy ra trước mắt. Đến lắm chỗ phong-cảnh núi-non đẹp, phu-nhân nói nhớ đến những cảnh quê-hương bên mẫu-quốc. Chẳng hay phu-nhân có biết hai người Việt-Nam ngồi đấy trông cảnh ấy trong lòng cũng đương vấn-vương về tổ-quốc không?... Quan ba người đẫy-đà, ngồi trong xe khi chật, tủm-tỉm cười mà nói : « Tôi to nhớn quá, ngồi chật mất cả chỗ, không được thanh-tú như các ông là những bậc văn-nhân... » Than ôi ! Câu đó cũng là một câu nói nhã mà khiến cho chúng tôi luống những rầu lòng. Trông người mạnh-mẽ ta yếu-ớt mà buồn thay cho cái tư-cách văn-nhân của giống mình. Ngoài những khi ngồi xe như lúc này, cái tư-cách ấy há đáng người ta thèm lắm ru ? Ngay khi lóng cóng lội bùn vừa rồi cũng đủ biết cái tư-cách văn-nhân không đủ ra đối-đãi với đời. Ngán thay !

Xe hơi đi phăng-phăng như nuốt đường, gió lộng từ phía như đập vào mặt đập vào tai mà thành một thứ âm-nhạc riêng lẫn với tiếng *phành-phạch* của cái máy động-cơ trong xe. Người

nhà quê trong Trung-kỳ này vụng tránh xe lắm. Nghe hiệu còi không biết đứng nép ngay vào bên đường mình đương đi, lại hình như cuống cẳng lên mà đâm quàng sang bên kia, hoặc cứ chạy mãi cho đến chỗ nào có cái cửa hay cái ngõ ngang mới rẽ vào, rồi cắp nón quay lại nhìn, mặt ngơ-ngác ! Thường xe hại người cũng vì thế. Nhưng mà nghĩ cho kỹ chẳng nên trách chi người nhà quê. Phàm cái gì có hiểu, có giải được cái lý-do nó thế nào thì làm mới phải đường : người nhà quê trông cái xe hơi chạy vùn-vụt, tưởng là có cái ma-lực gì nó đưa đi như mây như gió, lại không hiểu những người ngồi trong xe ấy có công việc gì mà đến nỗi chạy bạt hơi bay tóc như lũ cuồng như vậy, nên trông thấy cái xe đi đến kinh-ngạc khiếp-sợ, bối rối lên mà không biết tới lui thế nào.

Hai bên đường xe chạy, phong-cảnh có cái vẻ buồn rầu lặng lẽ : toàn-thị là một rải đất hoang, xa xa mới có một thôn-lạc năm ba nóc nhà lơ-thơ ; ngoài là bãi cát trắng xóa, trong là rẫy núi xanh om. Cái xe bon-bon chạy giữa tưởng như con thú rừng lạc vào trong xa-mạc, kinh-hoảng mà chạy cuồng. Ngoài xa nữa là bể khơi một mầu xanh ngắt, sóng rạt gần bờ trông như một rải bạc trắng xóa. Phong-cảnh ấy tưởng những lúc bão bể mưa ngàn, tiếng sấm trên núi họa với tiếng sóng ngoài khơi, thì kinh-hãi biết chừng nào ! Hoặc buổi chiều mặt giời đã xế, cây cỏ rầu rầu, nghe tiếng con chim lạc đàn kêu giữa bãi trường-xa, thì thê-thảm biết chừng nào ! Mình ngồi trong xe chạy vùn-vụt, mà trông cảnh ấy trong lòng còn lạnh-lẽo thay, huống chi là những khách đường xa, người lữ-thứ đi đến đấy, tấm lữ-hoài ngao-ngán biết là bao !

Miền hải-tần đó không phải là cái đất người ở được. Núi tuy có cây mà là những cây cằn-cọc, không phải là cái lợi-nguyên cho cư-dân. Đất chộn lẫn với cát, không phải là cái chất nuôi được giống sinh-vật. Trông cây cỏ mọc đấy mà thương thay ; có lắm giống giá vào chỗ đất tốt sức nhớn được bằng cây da cây đề, mà ở đây không sao lên được hơn ba bốn mươi phân tây. Thực là cái cảnh sơn-cùng địa-lịch vậy.

Nếu suốt đường cứ một cái cảnh tiêu-điều như thế thì mắt cũng phải chán mà lòng cũng phải ngán. Nhưng ước nửa đường thì đến rặng Đèo-Ngang. Phong-cảnh ở đây mới thực là ngoạn-mục, chẳng khác gì một bức tranh sơn-thủy vậy. Núi Đèo-Ngang tức tên chữ là Hoành-sơn. Ta thường dùng nhầm chữ Hoành-sơn mà dịch tên tây *Chaîne Annamitique* là gồm cả cái rẫy núi dài chạy dọc suốt đất Trung-kỳ, theo lưu-vực sông Cửu-long, trên liền-tiếp với các núi miền Thượng-du Bắc-kỳ, dưới đến tận đồng-bằng Lục-tỉnh. Thực Hoành-sơn chỉ là một chi núi của rẫy núi nhớn ấy, chạy thẳng ra bờ bể, chắn ngang đường Thiên-lý tự Bắc vào Kinh, nên gọi là Đèo-Ngang. Bài thơ bà huyện Thanh-quan :

Bước tới Đèo-Ngang bóng xế tà,...

tức là vịnh núi ấy. Ngày xưa khách bộ-hành đi đến đấy tất phải trèo đèo, trèo ngược lên, rồi lại trèo dốc xuống, lấy làm một bước đường rất gian-hiểm. Khi đêm các vì sơn-quân vẫn thường lẫn-quất ở đấy. Ngày nay đã có con đường chạy quanh núi như xoáy trôn ốc, xe hơi đi ước mất hơn nửa giờ, đến lưng chừng núi trông xuống không cảnh gì xinh bằng. Thực là :

Dừng chân đứng lại giời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Cảnh vui này mới bõ cảnh buồn lúc nãy. Trên núi thì cỏ cây chen đá lá chen hoa, dưới đồng thì ruộng lúa xanh rì dòng nước cuốn, ngoài bể thì giời nước mênh mông sắc một mầu. Đến cửa « Hoành-sơn-quan » xe đỗ tôi trèo lên xem. Cửa nay đã mất cánh, rêu

mọc cỏ che, Cạnh có cái bi-đình, trong khắc bài bia ngự-chế của Đức Thiệu-trị. Trông cái của cỏn con ấy, không thấy gì là cái cảnh-tượng một chốn « hùng-quan »! Đứng đấy mà lại sực nhớ đến hai câu thơ của bà huyện :

Nhớ nước đau lòng con quốc-quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia.

Tuy bấy giờ không nghe tiếng con quốc cái gia nào kêu, mà nỗi thương nước nhớ nhà như chan chứa trong lòng.

Nghe nói gần đấy có cái đền thờ bà Liễu-Hạnh linh lắm, nhưng đường xuống dốc quá, không thể đi tới nơi.

Khi xuống xe thấy một ông lão già ngồi bên đường như người hành-khất, hình-dáng tiều-tụy, không nói không năng. Than ôi! Khoảng vắng đường dài, trên rừng dưới bể, lão ở đâu đến, lão ngồi chi đây? Hay là lão cực nỗi đời khốn-khổ, đem thân tự hiến cho sơn-quân? Thương thay!

Lúc đã xuống đến chân núi ngửng trông lên thấy con đường mình vừa đi như một dải lụa vòng quanh núi, khác nào như cái giây trắng buộc quả bầu xanh vậy.

Hết rặng Đèo-Ngang lại đến cái cảnh đất cát cây cằn như trước. Đi một ít lâu nữa thì tới một nơi có tiếng dữ ngày xưa, tức là nơi truông nhà Hồ, thuộc tỉnh Quảng-bình, làng Hồ-xá. Truông là một khoảng đất cây cỏ rậm rạp, không có đường đi lối lại. Ngày nay thì không có cái cảnh-tượng như thế nữa, cây cỏ ở đấy cũng cằn cọc như ở trên kia, nhưng xưa thực là một nơi sào-huyệt của bọn cướp đường, khách bộ-hành lấy làm nguy-hiểm hơn cả, nên đi qua đấy phải đông người mới dám đi. Những buổi nhiễu-nhương khách đi qua thường bị bọn cướp bắt đem vào trong xa bóc lột, quân quan không biết đường nào mà tìm bắt, vì cây cỏ rậm quá. Thuộc về lịch-sử nơi truông nhà Hồ ấy, ở đường trong có tương-truyền truyện như sau này: Ông Nguyễn Khoa-Đăng làm chức *nội-tán* cho chúa Minh-vương (1691-1725) nghe nói nơi truông nhà Hồ có nhiều giặc cướp, hay bóc lột khách đi đường, bèn lập kế trị cho yên. Ông cho tải đến nơi ấy ước hai mươi cái hòm to đóng kín, trong phục người, để giả làm một bọn nhà buôn chở đồ hàng đi qua. Đám cướp vẫn rình ở đấy trông thấy bọn khách đông, lại nhiều đồ hàng, tưởng là một dịp béo bở lắm, xông vào đánh cướp, rồi đem đến nơi bụi rậm chia nhau. Trong hai mươi cái hòm ấy một cái có khoan lỗ thủng, người nằm trong ấy đi đến đâu rắc giấy đến đấy, để cho quân lính theo sau biết đường mà tìm vào. Đương khi bọn cướp họp lại đông đủ cả để bàn nhau chia của thì người trong hòm đâm xổ ra, quân ở ngoài kéo ùa vào, vây bốn bề, bắt được cả bọn, không thiếu đứa nào. Từ đấy cả miền đó được yên. Sau ông truyền cho người bộ hành nào đi qua đấy cũng phải cắt những cây mọc bên đường. Hai đầu đường đã để dao sẵn cho mà dùng. Cứ thế mãi, không bao lâu mà con đường thành ra quang-đãng, người đi lại giao-thông như thường; từ đấy không có tiếng giặc cướp gì nữa. — Lại gần Kinh, giáp bể, ở nơi tên là Bàu-ngược, thuộc huyện Quảng-điền, có một cái đầm nước gọi là phá Tam-giang, cũng có tiếng dữ lắm. Nay xe hơi không đi gần đến đấy, nhưng xưa hành-khách về Kinh tất phải chở thuyền qua đấy. Nhất là về mùa thu mùa đông, sóng gió nhiều, thuyền thường đắm luôn, rất là nguy-hiểm, vì chỗ ấy nước vừa sâu mà đường đi lại quanh-co khúc-khuỷu. Tục truyền là đấy có ba cái Sóng-thần dữ lắm. Ông Nguyễn Khoa-Đăng muốn trị cho được, bèn truyền đóng một chiếc thuyền rất vững-vàng, đặt chiếc súng thần-

công ở trong. Ra đến giữa phá ông nổ hai phát súng bắn tan được hai cái Sóng-thần, còn cái thứ ba thì chạy ra bể mất. Đêm hôm ấy ông cho đào liền một con sông thẳng đấy, từ đó thuyền bè không hay đắm nữa.

Nhân hai việc tục truyền đó mà có câu hát như sau này :

— Thương anh em cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam-giang.
— Phá Tam-giang nay rày đã cạn,
Truông nhà Hồ nội-tán cấm nghiêm. (1)

Xe hơi đi đến Đông-hà thì thôi. Đấy là đầu đường xe hỏa Quảng-trị. Có một nhà ga nhỏ với năm ba cái hàng quán con ở giữa khoảng đồng không mông quạnh. Xe hơi tới nơi, đợi ít lâu thì có chuyến xe hỏa về Huế. Hai bên đường cũng vẫn nhiều đất rậm bỏ hoang, chưa ra cái cảnh-tượng trù-mật. Xe hỏa chạy gần tỉnh-lỵ tỉnh Quảng-trị, nhưng không đi qua.

Vào đến địa-phận Thừa-thiên thì phong-cảnh thấy khác ngay. Làng xóm đông-đúc, ruộng lúa xanh rì, không phải đất bỏ hoang như trên kia nữa. Dẫu không biết rằng đã sắp đến Huế, cũng đoán được rằng sắp tới một nơi đô-hội nhớn. Quả-nhiên ước một giờ đồng-hồ thì xe hỏa tới Kinh-đô : bấy giờ vừa đúng 12 giờ trưa....

Kể chi những nỗi dọc đường...,

tới đây mới nhớ đến câu thơ ấy trong truyện *Kiều*, thì ra từ trên toàn-thị là những nỗi dọc đường cả, mà chính truyện trong « mười ngày ở Huế » chưa từng kể đến. Ôi ! cổ-nhân có tính hay thơ, mà tôi đây thực là thơ-thẩn vậy. Thơ-thẩn thẩn-thơ, giời đã bẩm-sinh cho cái tính luyến cảnh luyến người, bình-sinh đã từng biết người nào cảnh nào, những khi hồi-tưởng đến không thể dứt cho đành. Thôi thì

Dở hay cũng bởi tính giời biết sao ?

tưởng các bạn đọc báo cũng lượng cho vậy.

Từ đây xin thuật truyện Trường-an.

* * *

Cổ-ngữ Âu-châu có câu : « Trăm con đường đều quay đầu về thành La-mã ». Có ý nói thành La-mã là nơi trung-tâm của lịch-sử Âu-châu đời xưa, đâu đâu cũng qui-phục về đấy, muôn sự đều do đấy mà ra. Cái ánh-sáng của văn-minh nước La-mã nhóm lên từ đấy mà chiếu khắp thế-giới, cái oai-quyền của quân-đội nước La-mã dấy lên từ đấy mà trấn-áp hoàn-cầu ; cái then máy của cuộc thống-nhất nước La-mã cũng do tự đấy mà vận-động ra suốt cõi Âu-châu. Từ xưa đến nay phàm nước nào đã có một cuộc lịch-sử lâu-dài đều có một nơi trung-tâm như thế : nước nào cũng có một thành La-mã vậy. Thành La-mã của Việt-Nam ta là ở đâu ? Tức là nơi Đế-đô bấy giờ, đất Thuận-hóa khi xưa, kinh-thành Huế ngày nay vậy.

Lấy lịch-sử mà xét, lấy địa-thế mà chứng, lấy cái tình-thế chính-trị ngày nay mà chiêm-nghiệm, lấy lòng khuynh-hướng quốc-dân sau này mà dự-đoán, thành Huế thực là chốn căn-cứ, nơi yếu-điểm của giống Việt-Nam, xưa đã nhờ đấy mà gây-dựng nên bờ cõi, nay lại nhân đấy mà nổi lên cái tư-cách một dân-quốc hoàn-toàn. Ôi ! Phàm đã gọi là một dân-quốc không thể giây phút thiếu cái tư-tưởng, cái tinh-thần một dân-quốc. Tư-tưởng ấy, tinh-thần ấy gọi một tên tức là cái quốc-hồn vậy. Quốc-hồn của Việt-Nam ta ngày nay

(1) Họ Nguyễn-Khoa là một vọng-tộc ở tỉnh Thừa-thiên. Khi ở Huế tôi có được tiếp truyện một ông Nguyễn-Khoa, sau này sẽ kể qua cái lịch-sử họ ấy, theo một bài khảo-cứu trong sách Biên-tập của hội « Đô-thành-hiếu-cổ-xã ».

phải tìm ở đâu cho thấy ? Thiết-tưởng phi ở Huế không đâu thấy vậy.

Ấy trước khi bước chân xuống đất Huế, cái tư-tưởng tôi chiền-miên như vậy. Tôi chưa biết Huế tôi đã yêu Huế rồi, yêu vì cái nghĩa cao-thượng nó ngụ ở trong cái tên ấy, yêu vì cái cảm-tình vô-hạn nó chan-chứa trong lòng tôi. Bình-sinh tôi học-vấn được đến đâu, cảm-giác được đến đâu, tư-tưởng được đến đâu, hi-vọng được đến đâu, bấy giờ tựa hồ như con sông vỡ đê mà tràn ngập cả trong tâm-giới tôi vậy.

Đương mộng-tưởng mơ-màng thì xe hỏa dừng trước nhà ga Huế. Sực tỉnh trong bụng nửa mừng mà nửa lo. Mừng rằng nay đã tới nơi rồi, lo rằng không biết sự thực có xứng với cái mộng không, hay là quen thói thường chỉ đủ khiến cho mình thất-vọng...

Thường cần đọc trong sách *Đại-Nam nhất-thống chí*, thiên Kinh-sư, có tả địa-thế cùng lược lịch-sử nơi kinh-thành Huế như sau này :

« Chốn Kinh-sư gồm cả núi bể trong nước mà ở vào giữa khoảng Bắc Nam, khí-hậu hòa-bình, sơn-thủy kỳ-tú. Đường bể thì có cửa Thuận-an, cửa Tư-hiền làm hiểm, đường lục thì có ải Quảng-bình, ải Hải-vân làm trở. Sông nhớn bao mặt trước, núi cao chắn mặt sau. Ba nguồn Bồ Trạch bọc bên tả bên hữu. Đầm Tam-giang, đầm Thanh-lam, đầm Hà-trung làm then làm chốt. Thực là một nơi hổ chồm rồng cuốn, địa thắng hình cường ; đất hiểm-yếu của giời đất, làm thượng-đô cho đế-vương. Kể từ khi nước Nam dựng nước, thuộc về nhà Trần là đất Thuận-hóa, thuộc về nhà Lê là Thuận-hóa-thừa-tuyên, đều xưng là nơi trọng-trấn. Về Bản-triều, đức Thái-tổ Gia-dũ Hoàng-đế chịu mệnh Giời mở nền nước ở cõi Nam, trước đóng ở Ái-tử, sau di ra Trà-bát (tên làng thuộc tỉnh Quảng-trị, huyện Đăng-xương, lại di ra phía đông Ái-tử nữa ở nơi gọi là Cát-doanh). Đức Hi-tôn Hiếu-văn Hoàng-đế lại tự Cát-doanh di ra Phúc-an (tên làng, thuộc huyện Quảng-điền). Đức Thần-tôn Hiếu-chiêu Hoàng-đế lấy nơi Kim-long là đất có hình-thế, đổi ra đóng đấy. Đức Anh-tôn Hiếu-nghĩa Hoàng-đế lại dịch ra Phú-xuân (Kim-long Phú-xuân đều là tên làng). Đức Thế-tôn Hiếu-võ Hoàng-đế chia đặt trong cõi làm 12 doanh. Ở Phú-xuân thì gọi là Chính-doanh, lại xưng là Đô-thành. Đều là đất Thuận-hóa vậy. Phía Bắc cưỡi lên sông Gianh, phía Nam gồm đất Chân-lạp, Liệt-Thánh tương-truyền hơn hai trăm năm. Năm *giáp-ngọ* đời đức Duệ-tôn Hiếu-định Hoàng-đế, quân Trịnh đến chiếm. Sau bị giặc Tây-sơn trộm giữ trong ba mươi năm. Kịp đến đức Thế-tổ Cao Hoàng-đế ta dấy lên như rồng như mây, thay Giời dẹp giặc, mùa thu năm *mậu-tuất* thu-phục thành Gia-định, mùa hạ năm *tân-dậu* khắc-phục chốn cựu-kinh, mùa hạ năm *nhâm-tuất* bắt tướng giặc ở cõi Bắc ; từ đó gồm An-nam-nhất-thống-dư-đồ, bờ cõi mênh-mông, nam tới Tiêm-la Chân-lạp, bắc giáp nước Tàu, đông đến bể, tây đến Ai-lao. Giở về đất cũ, mở rộng thêm ra, định đô ở Phú-xuân, từ đấy mới xưng là Kinh-sư vậy. Đặt phép-tắc, định triều-cống, như cái nóc nhà cao hơn cả, bốn bề đều quay về đấy, như ngôi sao Bắc-đẩu tôn hơn cả, trăm sao đều chầu chung quanh. Cái nền vững-vàng thịnh-vượng của nước nhà trong ức vạn năm thực là ở đấy vậy. Rực-rỡ thay ! Vẻ-vang thay ! »

Lấy cái cảm-giác nhà ái-quốc mà đọc những nhời đó, trong lòng hưng-khởi biết chừng nào ! Người vô-tình cho là nhời văn-chương hư-sức, mà người có cảm với nước nhà qua câu văn hình như trông thấy cái hồn trong nước sinh-trưởng ở vùng Thuận-hóa Phú-xuân nơi đất cũ vậy.

Tôi vốn không tin cái thuật địa-lý của bọn thầy vườn lấy đống đất giữa

đồng, ngòi nước bên ruộng làm ngại rồng tay hồ. Nhưng tôi tin những nơi sơn-thủy kỳ-tú có ảnh-hưởng đến vận-mệnh một nước. Người ta đối với cái ngoại-cảnh không phải là không có quan-hệ. Người đồng-bằng biệt ra tính-cách đất đồng-bằng, người rừng núi biệt ra tính-cách nơi rừng núi ; thói ăn cách ở, đường sinh-kế, lối tư-tưởng, không gì là không tùy theo cái ngoại-cảnh mà khác nhau. Huống chi là những bậc đế-vương mở đất dựng nước, những nơi sông núi xinh đẹp lại không có quan-hệ với cái lòng hoài-bão nhớn nhao hay sao? Liệt-Thánh bản-triều ta đặt nền Đại-Việt ở đất Phú-xuân thực đã dự-tưởng mà biết cái cơ-đồ vĩ-đại về sau vậy.

Người khách mới đến thành Huế tưởng như bước chân vào bức tranh cảnh : chung quanh núi, giữa con sông, nhà cửa tụ họp hai bên bờ, trên bến dưới thuyền, trong xa một tòa thành cổ bao-la, thâm-nghiêm kín cổng. Cái phong-cảnh Huế sở-dĩ đẹp là thứ nhất bởi con sông Hương-giang. Con sông xinh thay ! Hà-nội cũng có sông Nhị-hà, mà sông Nhị với sông Hương khác nhau biết chừng nào ! Một đằng ví như cô con gái tươi cười, một đằng ví như bà lão già cay nghiệt. Nhị-hà là cái thiên-tai của xứ Bắc. Hương-giang là cái châu-báu của xứ Kinh. Nước trong như vắt, dòng phẳng như tờ, ít khi có tí sóng gợn trên mặt, đi thuyền trên sông như đi trong hồ vậy. Huế không có con sông Hương thì tưởng cái đẹp của xứ Huế giảm mất nửa phần. Nhưng đã có sông Hương lại có núi Ngự nữa, cái cảnh mới thực là toàn xinh. Ngự-bình không phải là một núi cao như núi Phú-sĩ nước Nhật, Hương-giang không phải là một sông rộng như sông Hoàng-hà nước Tàu, nên nói rằng sông ấy núi ấy làm hiểm-trở cho chốn Đế-kinh thì cũng là nói quá, nhưng sông ấy núi ấy thực là vẽ nên phong-cảnh xứ Huế vậy. Vả cái khí-vị của phong-cảnh Huế không phải là cái khí-vị hùng-tráng, mà là cái khí-vị mĩ-diệu ; cảnh Huế xinh mà đẹp, không phải là hùng mà cường, đáng yêu mà không phải là đáng sợ, có thi-vị mà không phải là có khí-tượng. Phải nhận kỹ như thế thì mới khỏi nhầm mà hiểu được tinh-thần của cái bức sơn-thủy hiền-nhiên ấy.

Khi mới bước chân vào một xứ lạ, cái gì nó cảm mình trước nhất là cái cảnh ngoài. Có cái cảnh ưa người, như tươi cười mà đón khách, có cái cảnh ghét người như hầm-hiu mà mời gượng, lại có lắm cái cảnh vô-tình, mình hỏi không thèm đáp, phần đó là phần nhiều. Cảnh Huế là một cảnh rất ưa người, ngoài mắt mới tiếp-xúc trong lòng đã sinh cảm-tình. Hay là lòng tôi đã nhiệt-thành sẵn mà dễ cảm như thế ? Cũng có nhẽ, nhưng bởi cái tinh-thần riêng của phong-cảnh cũng nhiều.

Nay đã có cảm-tình với cảnh Huế, phải gây lấy mối cảm-tình với người Huế nữa. Đó là cái công việc tôi trong mấy ngày về sau này...

Cái mục-đích cuộc du Kinh của tôi là chủ xem tế Nam-giao. Vậy trước nhất hẵng xin thuật chuyện Giao.

Tế Giao đinh-nhật đêm ngày 12 rạng 13 tháng 2 an-nam (tức là 24-25 tháng 3 tây). Tôi tới Kinh từ ngày mồng 9, có ý sớm mấy bữa để xem cái cảnh-tượng trong phố-phường cùng cách trần-thiết ở Giao-đàn. Mấy ngày ấy thành Huế tấp-nập những kẻ đi người lại. Hai bên đường Hoàng-thượng sắp ngự qua từ Nội-thành đến Giao-đàn đương làm rạp đặt hương-án. Những hương-án đó là do các thôn-xã mấy huyện ở gần Kinh-đô, mỗi làng phải đặt một sở, nghe nói cả thảy mấy trăm sở. Nhất là con đường thẳng lên Nam-Giao hai ngày 10-11 đi dạo chơi

không cảnh gì vui mắt bằng : cờ xanh, cờ đỏ, cờ đuôi nheo, cờ ngũ-hành, các hạng cờ cắm san-sát hai bên đường, gió thổi bay cả về một hướng, xa trông phấp-phới, tưởng-tượng như con hoàng-long ở dưới đất nổi lên mà mỗi lá cờ là một cái vẩy đương rung-động vậy! Hương-án liên-tiếp nhau, cách vài thước lại một cái, không có khoảng nào bỏ không. Mỗi sở có mấy viên kỳ-mục ngồi túc-trực. Sau lưng những hàng quán dựng lên nhan-nhản. Giữa đường kẻ đi người lại như nước chảy, nào là người phục-dịch về Giao-đàn, về các hương-án, nào là dân các nơi lại xem, đàn bà con trẻ cũng nhiều. Tôi có ý nhận những đám đông người ở đây rất nghiêm, không những như ngoài Bắc. Lính cảnh-sát có ít mà trên đường vẫn có trật-tự, không hề thấy đám đánh nhau chửi nhau, ồn-ào rộn rịp, thứ nhất là không có cái tiếng rất khả-ố là tiếng *cập-kè* của bọn sầm chợ, như những khi hội-hè ở ngoài ta.

Cái vui của người dân đây nghiêm mà không nhả. Đại-để dân xứ Huế rất có lễ-phép, dù bậc hạ-lưu cũng vậy. Xem đó đủ biết là gần cái phong-hóa của Triều-đình. Ngoài ta không hạng người nào bại-liệt bằng hạng phu xe : ở Huế bọn phu xe cũng có lễ phép, không hề nói tục nói láo bao giờ. Cái nhân-phẩm của phu xe Huế còn cao hơn phu xe Hà-nội gấp mấy lần vậy.

Ngày 11 ta, giao-đàn trần-thiết đã chỉnh-bị cả. Chiều hôm ấy tôi cùng với ông Chương-dân lên xem khắp mọi nơi, muốn thu trước lấy cái địa-đồ vào trong mắt để khi xem tế cho tường hơn. Xin thuật đại-khái như sau này.

Giao-đàn ở giữa cánh đồng, rộng ước bằng hai Văn-miếu Hà-nội. Ngày thường là cái đàn không, không có nhà cửa gì cả ; khi tế mới căng vải dựng nhà, tế xong lại triệt đi. Đàn chia làm bốn thành : thành thứ nhất cao hơn cả là *viên-đàn*, thành thứ nhì thấp kém là *phương-đàn*, thành thứ ba thấp kém nữa, đến thành thứ tư là khoảng đất bao chung quanh, bằng với mặt đất ngoài, giồng toàn thông cả. Khi tế thì chỉ trần-thiết trong ba đàn thứ nhất thứ nhì thứ ba mà thôi. Đàn thứ nhất là viên-đàn thì căng vải xanh khắp cả, làm thành cái nhà tròn, gọi là *thanh-ốc*, trong bầy như sau này : ở giữa đặt hai án chính-vị, tả thờ Thiên-hoàng (Giời), hữu thờ Địa-kỳ (Đất), đều quay mặt về phía Nam. Ở hai bên thì tả hữu mỗi bên đặt ba án phối-vị, đông tây đối nhau. Tả-nhất-án thờ đức Thái-tổ Gia-dũ Hoàng-đế (tức là đức Nguyễn Hoàng, tổ bản-triều) ; hữu-nhất-án thờ đức Thế-tổ Cao Hoàng-đế (tức là đức Gia-long) ; tả-nhị-án thờ đức Thánh-tổ Nhân Hoàng-đế (tức là đức Minh-mạnh) ; hữu-nhị-án thờ đức Hiến-tổ Chương Hoàng-đế (tức là đức Thiệu-trị) ; tả-tam-án thờ đức Dực-tôn Anh Hoàng-đế (tức là đức Tự-đức) ; hữu-tam-án thờ đức Cảnh-tôn Thuần Hoàng-đế (tức là đức Đồng-Khánh). Đức Đồng-Khánh mới thăng-phối năm nay là lần đầu, Hoàng-thượng đã kỳ-cáo trước ở Giao-miếu từ ngày mồng 1 tháng 2. Trước bấy nhiêu án đã kể trên đó, mỗi án có đặt năm cái bàn-độc để bầy những đồ tự-khí tế-phẩm. Ở trước chính-vị, ngay giữa, đặt một cái nội-hương-án, trước nội-hương-án là chỗ Hoàng-thượng đứng làm lễ. Ấy đại-khái trong thành thứ nhất trần-thiết như thế.

Thành thứ nhì thì ở trước viên-đàn về mặt nam dựng một cái nhà vuông căng vải vàng, gọi là *hoàng-ốc*. Ở chính giữa hoàng-ốc đặt một cái ngoại-hương-án (đối với nội-hương-án ở đàn trên), trước án đặt chỗ ngự-bái để Hoàng-thượng đứng tế. Hai bên tả hữu thành thứ nhì đặt tám cái án gọi là *tùng-đàn*, đông tây đối nhau. Trên đàn bắc khung

căng vải, mỗi án đặt ba cái bàn độc để bầy đồ tự-khí tế-phẩm, trước án đặt chỗ để các quan phân-hiến đứng tế. Tả-nhất-án thờ Đại-minh-chi-thần (Mặt Giời); hữu-nhất-án thờ Dạ-minh-chi-thần (Mặt Giăng); tả-nhị-án thờ Chu-thiên-tinh-tú-chi-thần (các vì sao trên giời); hữu-nhị-án thờ Sơn-hải-giang-trạch-chi-thần (các núi sông); tả-tam-án thờ Vân-vũ-phong-lôi-chi-thần (mây mưa gió sấm); hữu-tam-án thờ Khưu-lăng-phần-diễn-chi-thần (gò đống đồng điền); tả-tứ-án thờ Thái-tuế-nguyệt-tướng-chi-thần (thần các năm các tháng); hữu-tứ-án thờ Thiên-hạ-thần-kỳ-chi-thần (bách thần trong nước).

Thành thứ ba góc đông-nam đặt nơi *liệu-sở*, trử sẵn củi bằng gỗ tùng để khi tế đốt lửa làm đình-liệu, góc tây-bắc đặt nơi *ế-sở* là chỗ đem chôn mao-huyết những con sinh-vật dâng tế. Trước mỗi sở có đặt cái bàn độc, che tàn lọng. Về phía đông lại đặt nhà *đại-thứ*, căng vải vàng, che mành màn sắc vàng, để làm chỗ khi Hoàng-thượng ngự tới Giao-đàn vào nghỉ đấy, rửa tay, sửa áo, rồi mới lên làm lễ. Về phía nam, ngay ở sân dưới thềm, hai bên bầy các đồ nhạc-khí. Ngoại những trống, chuông, chiêng, khánh, là đồ thường, còn có nhiều các đồ cổ-nhạc lạ lắm. Nhất là có một cái trống bằng gỗ, hình như cái hòm hồng mặt trên, khi nào bắt đầu một khúc hát thì đánh vào đấy một hồi: gọi là cái *chúc* 柷. Lại có cái *ngữ* 敔, hình con hổ nằm trên cái hòm, trên lưng thủng đặt mười lăm miếng gỗ ken liền với nhau, khi hát xong một khúc lấy cái que siết vào thành tiếng *quẹt-quẹt*. Những đồ cổ-nhạc ấy không ra thanh-âm gì cả: ý-giả chế ra đó để cho hợp cổ-lễ mà thôi. Lại có thứ như đàn *cầm* đàn *sắt* nhỡn, cái sáo *bài-tiêu*, chỉ bầy mà khi tế không dùng đến. Cạnh những đồ nhạc-khí thì phường nhạc phường hát sắp hàng đứng hai bên. Phường hát tức là phường múa, vừa hát vừa múa, theo lối gọi là múa *bát-dật*. Cả thảy có 128 người, chia làm hai ban *văn-sinh* và *võ-sinh*, mỗi ban 64 người, có một thầy đội bát-phẩm coi, bên văn là hiệu cờ *mao*, bên võ là hiệu cờ *tinh*. Văn-sinh võ-sinh đều mặc áo xanh, nhưng bên văn thì tay áo rộng, bên võ thì tay áo hẹp. Văn-sinh tay trái cầm cái *thược* (cái sáo), tay phải cầm cái *vũ* (cái gậy); võ-sinh tay trái cầm cái *can* (cái mộc), tay phải cầm cái *thích* (cái búa) Khi tế thì vừa múa vừa hát, sắp làm 8 hàng 8 người một, bên võ hát khúc *Võ-thiên-vụ*, bên văn hát khúc *Văn-thiên-đức*.

Xét kỹ những tế-khí bầy trên các bàn độc cũng là thuần cổ cả. Thường đọc trong sách cũ thấy những tên cái *tôn*, cái *trước*, cái *biên*, cái *đậu*, cái *phủ*, cái *quỉ*, nay mới được trông, cái thì tròn, cái thì vuông, cái thì cao, cái thì thấp, hình-dáng rất lạ. Những đồ ấy dùng để đựng các thứ nước rượu, thóc gạo, hoa quả, rau rưa, thịt cá, mỗi thứ một ít, để dâng tế thần. Lại cây đèn, bộ đỉnh, cái ống hương, cái mâm bồng, cái đài, cái chén, không gì là không có cái vẻ cổ-lỗ và mộc-mạc.

Tôi muốn về Kinh để xem phong-thể cũ nước nhà, nay thật được thỏa-thích. Nội trong Giao-đàn không có một đồ vật gì là không cũ; những người hành-động trong ấy, ăn bận mũ áo xưa, trông cũng rất là cổ. Khi mặt giời đã xế, một mình đứng giữa đàn rộng mênh-mông, mơ-màng tưởng như tinh-thần đương mộng-du ở một nơi thế-giới nào khác, tự mười lăm hai mươi thế-kỷ về trước, ở đâu nơi triều-đình nhà Hán hay cung-điện nhà Đường vậy. Người đời tàu bay tàu lặn mà trong giây phút được nhác trông một cái cảnh-tượng đời thượng-cổ như thế, còn gì khoái-lạc bằng!

Xem xong Giao-đàn, xem đến Trai-cung là nhà Hoàng-thượng ra trai-giới

ở đấy một ngày trước khi hành-lễ. Cung ở ngoài đàn, xa-xa về bên hữu; chung quanh xây tường. Trong cung có hai mặt: mặt trước về hướng nam có cái sân rộng, là chỗ Hoàng-thượng ngự để bách-quan triều-yết và làm lễ mừng sau khi tế xong. Mặt sau có buồng-the, giường-sập, bàn-ghế, mùng-màn, để làm chỗ Hoàng-thượng nghỉ-ngơi. Sau cung có hai bên tả-lang hữu-lang để thị-vệ túc-trực. Bốn bề đều giồng dặt những cây tùng, ùm-tum rậm-rạp, Những cây gần cung là phần nhiều của Liệt-Thánh đời xưa giồng, lắm cây đã cao và to lắm. Ra ngoài một ít là những cây của các Hoàng-thân Vương-công giồng. Còn ngoài xa là cây của các quan đại-thần. Người nào giồng đều có cái biển đã khắc tên hàm cùng năm tháng, buộc vào cái vòng bằng sắt treo lên trên cây. Nhìn qua một lượt mà sực nhớ đến bao nhiêu những bậc danh-thần đại-công của Triều-đình ta, người thì mất đã lâu dựng nên công-nghiệp nhớn cho nước nhà, người thì mới mất tiếng thơm còn lừng-lẫy trong châu-quận, người thì hãy còn hoặc đương giúp Thánh-triều, hoặc đã về hưu nơi cố-quán, thanh-giá kẻ khen người trọng. Cũng là một cách kỷ-niệm rất có ý-nghĩa vậy. Đại-để ngày nay những cây to đến một ôm, cao đến ngất giời, là những cây giao hạt tự đời Gia, Minh, Thiệu, Tự vậy. Khoảng đất ở sau cung là những cây tùng mới giồng, mới cao được độ một thước hay hơn một thước ta, nhìn biển xem thì là những cây của các bậc đường-quan ngày nay từ tứ-phẩm giở lên, vậy.

Ngày 12 là ngày Hoàng-Thượng ngự-giá ra Trai-cung. Từ sáng sớm trong thành-phố đã tấp-nập những người đi xem, giời nắng ráo sáng sủa trông thực là vui vẻ. Tám giờ sáng ở cửa Ngọ-môn nổi chín tiếng súng. Ngự-giá từ cửa Đông-nam trong thành ra, tiền bộ hậu ủng, nghi-vệ rất nghiêm mà rất thịnh. Thực là một cảnh-tượng mắt tôi chưa từng được trông bao giờ. Đám nhiều đến hơn nghìn người, dài đến ngót một cây-lô-mét. Cờ quạt, tàn lọng, gươm giáo, voi ngựa, đồ nghi-trượng, đồ lộ-bộ, trống chuông, các phường nhạc, cho đến những đồ ngự-dụng, ngự-liễn, ngọc-kỷ, xe ngựa, xe tay, không thiếu tí gì. Hoàng-thượng thì ngồi trong loan-giá, mặc áo vàng, chít khăn vàng; các hoàng-thân vương-công cùng các quan văn võ mặc triều-phục đi theo sau. Đương khi đi chỉ đánh trống, còn quân-nhạc, đại-nhạc, nhã-nhạc, có đem mà không cử. Gần cuối đám lại có mang một cái tượng bằng đồng gọi là *đồng-nhân*. Tượng hình người, hai tay cầm cái biển khắc hai chữ *Trai-giới*. Hỏi ra thì là do một tích cũ bên Tàu ngày xưa, có người trông thấy ở dưới bể hiện lên một pho tượng đồng, sắc xanh-xanh, sáng như ngọc, trong bụng đựng toàn nước trong. Từ đấy dùng tượng-đồng để biểu sự thanh-tịnh trai-giới. Tượng mang đi đây là để đặt trong Trai-cung trước mặt Hoàng-thượng để ngài nhìn mà tâm-niệm về sự trai-giới trước khi hành-lễ. Ngự-giá tự cửa Đông-nam ra, đi qua cầu Thành-thái, phố Tràng-tiền, cầu Phủ-cam, rồi đi thẳng vào đường Nam-giao. Nhất khi chầy qua cầu Thành-thái, đứng bên bờ sông trông rất là ngoạn-mục; cờ tàn phấp-phới, trống đánh rập-rình, như con rồng dài lượn trên mặt nước vậy. Cạnh các hương-án đặt hai bên đường, những kỳ-lão đã quì sẵn, đợi khi ngự-giá đi qua thì cúi lạy. Người dân đứng xem bên bờ đường cũng bỏ nón ngồi thụp xuống. Khi giá đến Trai-cung, thì những Hoàng-thân vương-công, cùng quan văn tự ngũ-phẩm, quan võ tự tứ-phẩm giở lên đều mặc triều-phục qui-đón ở trước sân Trai-cung. Còn quan văn tự lục-phẩm, quan võ tự ngũ-phẩm giở xuống

thì quì-đón ở ngoài cửa bắc Giao-đàn. Phụng Hoàng-thượng vào Trai-cung nghỉ-ngơi rồi, bách-quan mới lui về.

Trưa hôm ấy tôi nhận được giấy tòa Khâm-sứ cho phép vào Giao-đàn xem diễn-nghi từ 4 giờ đến 6 giờ chiều. Khi ấy thì được lên tận viên-đàn xem, chớ đến khi tế có Hoàng-thượng ngự thì nghiêm-cấm không ai được vào. Nên buổi chiều hôm ấy các quan tây các bà đầm đến xem đông lắm. Diễn-nghi tức là tế thử, vì lễ-thức phiền-phức, phải tập trước cho đến khi hành-lễ các quan cùng viên-chức dự-tế khỏi nhầm-nhặt. Nghi-tiết cũng y như khi tế thực, chỉ khác không thắp hương lửa, không đọc chúc văn mà thôi; các quan bồi-tự cũng bấy nhiêu ông, chỉ trừ chủ-tế là một ngài Khâm-mạnh thay Hoàng-thượng. Vậy hình-thức thì đủ cả, duy kém có cái vẻ chân-hoạt, nên xin để dưới này sẽ thuật.

Đêm hôm ấy trên giao-đàn đèn thắp như sao sa. Bấy giờ mặt giăng đã lặn, trông lại càng sáng lắm. Nhưng trong cái vẻ rực-rỡ ấy có cái ý nghiêm-túc ở đấy. Tưởng như lúc ấy đứng trên ngọn núi cao nào mà nhìn xuống, thì ngờ là một cõi Thiên-quốc ở chốn nhân-gian vậy. Ngoài đàn thì kẻ đi người lại tấp-nập, trong đàn thì lặng-lẽ như không.

Hai giờ sáng tôi tới Giao-đàn. Vẫn biết rằng hôm nay nghiêm-cấm không mấy người được vào, vả tòa sứ cho giấy vào xem diễn-nghi hôm trước, tức là có ý để hôm sau khỏi đến nữa. Song đã mang cái tư-cách nhà báo, không có nhẽ đến hồi trọng-yếu nhất trong bài kịch mà mình lại vắng mặt ở nơi diễn-đàn. Nhưng làm thế nào cho các thầy lính canh cửa (vừa lính ta vừa lính tây) hiểu được cái nghĩa-vụ của nhà báo như thế? Khó lắm thay! Vậy tôi cứ đường-đột vào. Đến chặng canh thứ nhất mấy thầy lính ta hỏi: « Ông đi đâu? » Tôi nói: « Tôi vào có việc, đã có giấy quan Khâm đây. » Tôi đưa cho xem cái giấy phép chiều hôm trước, chắc rằng các thầy chẳng hiểu chữ chi chi. Quả-nhiên soi vào đèn thấy chữ tây cả, giả lại tôi, rồi cứ để cho vào. Cách mấy thước lại gặp thầy lính tây bồng súng đứng đấy. Thấy tôi vào nói: « Không được vào! » Tôi nói: « Đã có phép đây. » Tôi lại chìa cái giấy kia ra. Chỗ ấy bóng cây tối, thầy nhìn mãi không đọc ra chữ gì, sau nhận sắc giấy nói: « Phải có giấy đỏ mới được vào, giấy trắng không được. » Tôi nghĩ ngay một kế nói liền: « Tôi đi theo quan Toàn-quyền ngài sắp tới, đây là giấy phép riêng, phải để tôi vào mới được. » Thầy ngần-ngại một lúc, rồi trao lại tôi cái giấy, cứ để cho vào. Thế là thoát nạn! Vào đến đệ-nhị-thành gặp cụ Thượng Công, bữa trước tôi đã vào hầu ở bộ. Cụ giữ nói truyện một hồi lâu, rồi cho phép đứng ngay đấy xem. Bấy giờ nhìn trước nhìn sau, trừ những người có phần việc ở Giao-đàn, không thấy ai là người ngoài được vào xem cả, mới biết rằng buổi đó thực là một sự hạnh-ngộ cho mình vậy. Đến sau bên mình đứng chỉ thấy thêm có vài ba ông tây nữa, còn bên kia thì có quan Toàn-quyền, quan Nguyên-súy, quan Khâm-sứ với mấy quí-quan đi theo. Các ngài thì được lên tận viên-đàn xem, còn mình thì cứ đứng ở đệ-nhị-đàn đó cũng đủ thu được cái chân-tướng đêm hôm ấy.

Lúc bấy giờ trong giao-đàn có cái vẻ nghiêm-tĩnh vô cùng, như trước khi sắp sẩy ra một sự gì rất quan-trọng, ai nấy đều ngóng trông. Không có tiếng người nói, không có tiếng dế kêu. Chỉ chốc-chốc nghe tiếng lung-linh như những miếng đồng nhỏ đập vào nhau: ngoảnh lại thì là một ông quan mặc triều-phục, đeo ngọc-bội làm bằng những miếng đồng buộc với nhau (vua thì bằng ngọc thật), lúc đi đập vào chân mà thành tiếng.

Người ấy, cảnh ấy, thời-khắc ấy, khí-vị ấy, lại thêm bốn bề đuốc đốt rực giời, ngoài xa rừng thông mù-mịt, bút nào mà tả cho được cái ảnh-tượng mơ-màng như trong thơ trong mộng đời cổ-xưa vậy ?

Đúng 2 giờ 40 phút thì Ngự-giá tự Trai-cung ra Giao-đàn. Do cửa bên hữu vào, xuống xe, tiến đến nhà Đại-thứ. Tôi đứng dệ-nhị-đàn trông rõ lắm. Hoàng-thượng đội mũ *miện*, mặc áo *cổn*, tay cầm ngọc *trấn-khuê* (tức là cái hốt bằng ngọc), có hai ông quan võ cầm quạt lông che, bốn ông cầm đèn lồng, cầm nến, rồi mấy ông đi theo sau nữa. Ngài ngự vào nhà đại-thứ làm lễ quán-tẩy (rửa tay). Bấy giờ quan cung-đạo (tức là quan Lễ-bộ) quì tâu rước ngài lên nhà hoàng-ốc. Trống chuông nổi lên Hoàng-thượng tiến vào đứng trước ngoại-hương-án. Phàm các lễ-tiết là do những quan nội-tán xướng tâu, Hoàng-thượng cứ y nhời mà hành-lễ. Lại có những quan thông-tán truyền-tán xướng to lên để các quan bồi-tự ở ngoài cùng các quan phân-hiến ở các tùng-đàn cũng theo mà làm lễ. Vậy mỗi tiết kể sau này là có nhời xướng cả. Bấy giờ nghe xướng : « *Phần sài ! Ế mao-huyết!* » (Nghĩa là đốt lửa thui trâu, và chôn lông máu), thì trông thấy ở góc đàn thứ ba lửa cháy lên ngùn-ngụt. — Hoàng-thượng lễ bốn lạy ở trước ngoại-hương-án gọi là lễ « nghênh-thần. » Ngoài sân phường ca hát khúc *An-thành*, vừa múa, vừa hát. Đương đêm thanh-vắng, hơn một trăm con người đồng-thanh hát lên, nghe rất là cảm-động, tưởng thấu đến tận giời cao đất thẳm, mà xa đưa tới đứng Thiên-hoàng Địa-kỳ cái tấm lòng thành của cả một dân một nước. Những khúc hát đó bằng chữ cả, đứng xa chỉ nghe thấy tiếng *hề !* ở cuối câu : *ế... hề, hề, hề hề !...*, giọng rung-rinh chờ hợp với điệu múa — Hát xong, phụng Hoàng-thượng lên viên-dăn làm lễ « điện-ngọc-bạch » (dâng ngọc lụa). Tấu khúc *Triệu-thành*, cũng hát múa như trên kia — Rồi làm lễ « tiến-trở » (dâng cái mâm con trâu thui). Tấu khúc *Tiễn-thành* — Lại phụng Hoàng-thượng lên trước chỗ chính-hiến, làm lễ « sơ-hiến » (dâng rượu lần thứ nhất). Tấu khúc *Mĩ-thành*. Phường bát-dật múa dưới sân bằng cái *can*, cái *thích*, theo điệu võ — Phụng Hoàng-thượng quì. Quan tư-chúc đọc bài chúc-văn. Đọc xong Hoàng-thượng về nơi bái-vị — Bấy giờ các quan phân-hiến mới lên các tùng-đàn, đứng trước tám án ở hai bên đông tây quì làm lễ « hiến-bạch » (dâng lụa) và « hiến tước » (dâng rượu) — Lại phụng Hoàng-thượng lên trước chỗ chính-hiến, làm lễ « á-hiến » (dâng rượu lần thứ hai). Tấu khúc *Thụy-thành*. Phường bát-dật múa bằng cái *vũ*, cái *thược*, theo điệu văn — Kế sau làm lễ « chung-hiến » (dâng rượu lần sau cùng). Tấu khúc *Vĩnh-thành* — Đàn nhạc dứt tiếng, phường múa lui về. Phụng Hoàng-thượng lên trước chỗ ẩm-phúc, làm lễ « ẩm-phúc » và « thụ-tộ » (nghĩa là uống chén rượu cúng, nhận miếng thịt cúng). Thế là lễ thành. Các quan làm lễ « triệt-soạn », nghĩa là cất những đồ cúng xuống. Tấu khúc *Nguyên-thành*. — Phụng Hoàng-thượng xuống đàn. Đến trước ngoại-hương-án ở đệ-nhị-thành, Hoàng-thượng lễ bốn lạy đề tống-thần. Tấu khúc *Hi-thành* — Phụng Hoàng-thượng ra chỗ vọng-liệu đề xem đốt tờ chúc-văn cùng các đồ bạch-soạn. Tấu khúc *Hựu-thành* — Lại phụng Hoàng-thượng về chỗ bái-vị. Lễ xong quan Cung-đạo đưa Hoàng-thượng tự trên đệ-nhị-thành xuống cửa nam, ra cửa bên tả, rồi mời Ngài lên loan-giá về Trai-cung. Ra đến cửa tây đàn, tấu khúc *Khánh-thành*. Nghe dàu khúc này là bọn đồng-ấu hát, nên nghe hay lắm. Tiếng thanh-thanh, xa-xa, văng-vẳng, như trên cung giăng hát khúc Quảng-hàn vậy. Rõ ra cái giọng vui-vẻ tơi-bời, mừng rằng đại-lễ đã

thành, Thánh-chúa đã làm trọn cái thiên-chức đối với Giời, đối với dân, mà từ nay nhờ đức trên phúc Giời sẽ giáng cho lũ dân Nam-Việt vậy.

Bấy giờ ước 4 giờ rưỡi sáng. Từ khi khai-tế cho đến khi tế xong, cả thảy hai giờ đồng-hồ.

Trên kể đó là nói cái đại-khái mà thôi. Còn như lễ-vật nhiều ít thế nào, mũ áo khác nhau thế nào, cùng các quan bồi-tự khi lên khi xuống thế nào, ca-công nhạc-công khi tân khi dứt thế nào, thì phiền-tế lắm, không thể biết hết được, không thể nhớ hết được, mà cũng không thể thuật hết được.

Buổi sáng hôm ấy có triều-yết trong Trai-cung, nhưng người ngoài không được vào xem. Nghe nói Hoàng-thượng khi ở Giao-đàn về nghỉ-ngơi, rồi thay khăn vàng áo vàng, ngự lên ngai để các quan văn-võ làm lễ khánh-thành ở trước sân Trai-cung. Lễ xong, ông Quản-vệ bầy loan-giá, phụng Hoàng-thượng lên ngồi rước về cung, nghi-vệ cũng y-như khi đi. Chỉ khác trống chuông đều đánh, quân-nhạc, đại-nhạc, nhã-nhạc đều cử, là có ý khi đi chưa làm lễ chủ lấy nghiêm, khi về lễ đã thành chủ lấy vui vậy. Hai bên đường các kỳ-lão quì-tống ở cạnh hương-án. Cảnh-tượng không khác gì ngày hôm trước. Giá-hồi cũng do của đông-nam vào thành. Đến cửa Ngộ-môn quan Kinh-thủ đã đứng sẵn ở bên hữu để đón. Phụng-giá đến cửa Đại-cung-môn, do cửa giữa vào. Ngoài thành bắn chín tiếng súng mừng. Rồi phụng Ngự vào điện Văn-minh, lên ngai ngồi. Quan Kinh-thủ bước vào làm lễ «phục-mệnh», phụng-nạp cờ bài rồi ra. Hoàng-thượng bấy giờ tiến vào trong Nội. Quan Thị-vệ mang phần rượu *phúc* thịt *tộ* đi theo sau....

Thế là tế Nam-giao xong vậy.

Lấy cái tư-tưởng mới mà xét thì có người cho những sự tế-lễ ấy là phiền. Nhưng bất-luận rằng việc tế-tự có quan-hệ với cái thể-thống trong nước thế nào, phải sinh-trưởng ở nơi không có những sự phiền như thế mới biết rằng trong cái phiền ấy có một cái thú đặc-biệt, một cái nghĩa thâm-trầm. Tôi nói đây là lấy cái phương-diện nhà hiếu-cổ, nhà ái-quốc mà nói. Theo phương-diện ấy thì phàm cái hình-thức gì nó biểu được cái hồn xưa của tổ-quốc, dù phiền-phức đến đâu cũng không nên bỏ. Bỏ một cái, bỏ mười cái, là sóa mất cái hình-ảnh nước nhà trong con mắt bọn hậu-sinh vậy. Tôi thiết-tưởng ngày nay có nhiều nhà thiếu-niên đọc Nam-sử khao-khát muốn được trông cái vết-tích nước Nam ngày xưa thế nào mà khổ vì không tìm đâu thấy; như thế thì cái cảm-tình với nước được bao lâu mà chẳng tiêu mòn đi? Ở cái đời cấp-tiến này, người ta chỉ biết lấy cái chủ-nghĩa quyền-lợi mà đối-đãi nhau, nếu thời-hồ không có dịp nào để biểu cái nghĩa liên-lạc của người một dân một nước thì mấy nỗi mà đến quên nhà quên nước vậy!

Trong Giao-tự thực là có ẩn một cái nghĩa sâu ở đó. Tuy là do cái học-thuyết đã cổ lắm mà không phải là không hợp thời. Theo học-thuyết ấy thì Vua là con Giời mà là cha mẹ dân. Vua phải thuận mệnh Giời, lại phải mưu sự hạnh-phúc cho dân. Như thế thì Vua vừa có trách-nhiệm đối với Giời, lại vừa có trách-nhiệm đối với dân nữa, nhưng hai trách-nhiệm ấy cũng tức là một, vì cái thiên-chức của Vua là phải làm cho dân được sung-sướng, dân được sung-sướng tức là thuận-mệnh Giời. Tế Giao là Vua thay mặt con dân mà cầu Giời giáng phúc cho dân. Vậy trong tế Giao có ba bậc: trên là Giời, giữa là Vua, dưới là dân, ba bậc rất là liên-lạc với nhau, không thể dời nhau được. Giời đất là nguồn gốc của muôn giống, dân phải nhờ giời che đất chở mới sống được.

Nhưng dân không thể trực-tiếp mà cầu phục ở Giời ; phải có một người đứng giữa, một người giới-thiệu, người cao hơn cả muôn dân, thay mặt dân mà cầu Giời thì mới được. Người ấy là ai ? Là Thiên-tử, là con Giời, là Vua vậy. Ấy cái nghĩa thần-bí của tế Giao là thế. Vậy thì Vua tế Giao là biểu cái lòng tôn-trọng với Giời và biểu cái tình thân-ái với dân. Thân làm chúa-tể trong muôn nước mà kính-trọng khúm-núm dưới thềm, vái lạy cái hình-ảnh thiêng-liêng ở trên bàn-thờ kia là vì ai ? Vì dân vậy, vì lũ lê-thứ mình có cái trách-nhiệm phải chăn nuôi, phải coi-sóc vậy. Như thế thì Giao-tự cũng có quan-hệ với chính-trị, vì nhân đấy mà cái giây thân-mật nó buộc Vua với dân, buộc người dân với nhau lại càng bền càng mạnh thêm ra. Ba năm một lần tế Giao tức là ba năm lại một lần Vua trịnh-trọng ra tuyên-cáo với Giời Đất, với Tổ-tiên, với Sông Núi rằng cái hồn trong nước vẫn còn mạnh, vẫn còn bền, vẫn còn tỉnh-tao vậy. Chớ nên cho những nhời thuyết-lý về tôn-giáo đó là viển-vông, vì thử xét cả các tôn-giáo trong thế-giới có đạo nào là không có một phần viển-vông như thế không ? Nhưng trong phần viển-vông của cái đạo thờ Giời ở nước ta có một nghĩa thiệt-thực ở đấy, như ta đã giải trên kia, và có quan-hệ đến chính-thể xã-hội nước ta. Bởi thế nên tuy bề hình-thức có phiền, mà cái tinh-thần rất nên phải giữ vậy.

Ấy là lấy con mắt nhà triết-học mà giải nghĩa Giao thì Giao có cái nghĩa như thế. Nếu lại lấy con mắt nhà mĩ-học, nhà thi-nhân mà xét Giao thì Giao thực là một cảnh-tượng rất đẹp, rất trang-nghiêm của cái Việt-Nam-cổ-quốc này. Không những con mắt người mình xem ra thế, mà nhất là con mắt người ngoại-quốc lại càng phục lắm. Bao nhiêu những tay văn-sĩ Pháp đã ở qua xứ này, đã từng được xem tế Giao, sau thuật lại ra văn ra thơ cũng đều lấy làm một cái cảnh tuyệt-diệu. Tôi còn nhớ khi xưa có đọc bài tả-cảnh tế Giao của một bà nữ-sĩ Pháp, nhời văn rất cảm-động và rất lý-thú. Bà nói cái cảnh Giao-đàn băn đêm như cảnh trong mộng, đèn thắp trong đàn thành từng giẩy giọc giẩy ngang, trông xa như một chữ triện nhớn viết bằng những nét chấm sáng mà cheo lửng chừng giời ; tiếng đàn tiếng sáo thì như tiếng nước chẩy suối reo, tiếng xướng tiếng hát thì như tiếng thiên-thần địa-quỉ reo hò ở bãi bể .. Cái tư-tưởng của các bậc đế-vương ngày xưa đặt ra nghi-tiết lễ Giao cũng đã lí-kỳ lắm mới gây nên một cái cảnh huyền-diệu như thế !

Nghe dân-sĩ ở Kinh-đô nghị-luận nói rằng tế Giao lần này vừa đẹp vừa nghiêm hơn những lần trước nhiều. Có nhẽ cũng là một điềm hay cho niên-hiệu mới Vua ta vậy.

Quan Toàn-quyền, quan phó Toàn-quyền, quan Nguyên-súy đều ở Hà-nội về xem. Nhân các ngài tới Kinh, hội Đô-thành-hiếu-cổ-xã có đặt hai cuộc chơi rất nhã : một là cuộc trần-thiết những đồ dùng đồ bầy cũ của An-nam ta để khôi-phục lại hình-ảnh một cái nhà cổ ngày xưa ; hai là cuộc diễn tuồng tây để quyên tiền cho hội Hồng-thập-tự. Trần-thiết thì ở nhà Tàu-thư-viện, tức là điện Long-an cũ. Đồ cũ, nhà cũ thực là hợp cảnh. Điện này cũng là một cái châu-báu trong nghề kiến-chúc của ta. Rộng-rãi thênh-thang, trông rất là có bề-thế. Không có những lối tô-điểm rườm-rà, những sắc xanh-đỏ sặc sỡ, mầu gỗ xưa, thềm đá cổ, mà có cái vẻ thuần-túy rất đáng yêu. Cứ so sánh cái điện cổ ấy với hai nhà Quốc-tử-giám mới đương xây ngay trước mặt, thì đủ biết nghề kiến-chúc ở nước ta ngày nay có thoái-bộ mà không có tiến-bộ. Những nhà cửa mới dựng bây giờ không ra kiểu tây, không ra kiểu ta, lại thêm cái lối vẽ-vời phiền-

phức, rất là khó coi. Có lắm cái cửa đền cửa phủ tưởng như xây toàn bằng mảnh bát vỡ. Thực là một cảnh-tượng dễ làm cho chạnh lòng nhà hiếu-cổ.

Những đồ trần-thiết trong điện Long-an thì hoặc là đồ trong Nội, hoặc là đồ riêng của nhà các quan đem lại. Bầy ra từng gian, trông nghiễm-nhiên như phòng ngủ, phòng ăn, phòng khách. Bộ đồ trà bằng « pháp-lan », bộ quân cờ bằng xương, cái bình-phong khắc bài thơ nôm, đôi ngà voi mỗi chiếc dài hai thước tây, thứ nhất là một cái quạt bằng xương dài ước một thước tây mà mở rộng đến hai thước ; còn nhiều đồ quí lạ nữa, không thể kể cho hết được. Xem một lượt cũng đủ hình-dung được cái cách sinh-hoạt của các bậc thượng-lưu ở Kinh-đô về khoảng mười lăm hai mươi năm trước. Vì ngày nay những nhà sang-trọng dùng đồ Âu-châu đã nhiều.

Cuộc diễn tuồng thì ở nhà Quốc-tử-giám chiều ngày 26 tháng 3 tây. Thoạt đầu diễn mấy lớp toàn con trẻ đóng vai, ăn mặc rất đẹp, ca văn rất hay. Rồi đến một bài hí-kịch của hai nhà làm tuồng có tiếng bên Đại-Pháp. Ở Kinh-đô không có phường hát tây, các vai tuồng đều do các quí-quan cùng quí phu-nhân đóng cả, cũng như các vai trẻ con trên kia là do các cô các cậu đóng. Tuy không phải là những tay nhà nghề, mà khi ra diễn coi đã thạo lắm, chẳng kém gì ở nhà Đại-Vũ-đài Hà-nội. Khá khen thay là những nhà chủ-trương hội ấy, không sẵn người sẵn đồ mà kẻ giúp công người giúp của, vì việc nghĩa gây nên một cuộc mua vui rất tao-nhã. Hoàng-thượng, quan Toàn-quyền, các quan tây quan ta đến xem đông lắm. Hát hai tối luôn mà tối nào cũng chật nich những người. Đương hát có các cô đi quyên tiền cho Hồng-thập-tự. Chắc bữa đó thu được nhiều, vì ai đã tới đấy tất sẵn lòng giúp về việc nghĩa, huống các nhà chủ-trương lại hết tài hết sức làm cho xứng-đáng cái hảo-tâm của người xem !

Nhân dịp Nam-giao, trong thành lại mở một hội đấu hoa nữa, ở nơi vườn hoa mới lập sau điện Long-an, trước cửa bộ Học. Quan dân nhà ai có chậu bông đẹp đều đem họp tại đấy, chiều chiều những bậc giai thanh gái lịch ở chốn Trường-an, cũng đến họp mặt đông lắm, như muốn đua tài đua sắc với trăm hoa. Lại các nhà thi-nhân vịnh hoa cũng nhiều ; đem chậu bông thường kèm bài thơ theo, kẻ xướng người họa, thực là một cuộc tiêu-khiển rất phong-nhã. Nghe đâu các Cụ-lớn cũng có ngâm-vịnh. Những bài thơ đó có yết vào cái bảng ở giữa vườn hoa. Tiếc không kịp biên được những bài hay để điểm thêm chút hương thơm xứ Huế vào nhời kỷ-thuật nhạt-nhẽo này.

*
* *

Ở Kinh mà không đi cung-chiêm các Tôn-lăng thì cũng là uổng mất cái công tự Hà-nội về đây. Vả mục-đích tôi về Kinh là muốn xem những cảnh-tượng cũ của nước nhà : còn cảnh-tượng gì trang-nghiêm hùng-tráng bằng những nơi lăng-tẩm của mấy vị đế-vương ta đời trước ? Không những mấy nơi đó là những nơi thắng-tích đệ-nhất của nước ta, mà lại có thể liệt vào bậc những nơi thắng-tích của cả thế-giới nữa. Hoàn-cầu dễ không đâu có chốn nhà mồ của bậc vua chúa nào mà khéo hòa-hợp cái cảnh thiên-nhiên với cái cảnh nhân-tạo, gây nên một cái khí-vị riêng như não-nùng, như thương-nhớ, như lạnh-lẽo, như hắt-hiu, mà lại như đầy những thờ những mộng, khiến người khách vãn-cảnh luống những ngẩn-ngơ trong lòng. Mà cái cảm-giác ấy không phải là người mình mới có, dẫu người ngoại-quốc đi du-lịch đến đấy cũng phải cảm như

thế. Có người Pháp rất mến cái cảnh những nơi lăng-tẩm của ta đã từng nói, muốn đi xem lăng phải đi vào những ngày gió thu hiu-hắt, giời đông u-ám thì mới cảm được hết cái thú thâm-trầm. Bữa tôi đi xem thì tuy là giữa cảnh mùa xuân, mà bất-nhiên không những gió hiu-hắt, giời u-ám, lại nước mưa đổ xuống như chút nữa, tưởng thế cũng là quá vậy. Đêm hôm trước thuê thuyền đi, giời sáng giăng xuống, tưởng ngày mai dẫu không nắng to cũng bảnh-bao cho bọn mình leo đường núi cho dễ. Ai ngờ chưa xem được một lăng, khi giở xuống thì giời đổ trận mưa rào, ngớt được một lát, đâm ra mưa rầm suốt cả ngày. Nhưng đã đến đấy không nhẽ bỏ nửa chừng mà về. Vả có nhẽ xem ngày mưa phong-cảnh lại biệt ra một cái thú riêng nữa. Bởi thế nên tuy nước tát đầy mặt, bùn lội đẫm chân, cũng không quản dầm mưa mạo gió mà đi cho tới cái mục-đích cuộc du-lãm. Thực là hết lòng nhiệt-thành với nơi thắng-cảnh vậy.

Đi xem lăng có thể đi xe tay tự Huế, ước mất bốn năm giờ đồng-hồ. Nhưng đi xe không bằng đi thuyền, tuy mất nhiều thì-giờ hơn mà thú hơn nhiều. Thuyền chèo từ nửa đêm, ước tám giờ sớm mai tới nơi, đi xem suốt một ngày, chiều tối chèo về, nửa đêm đến Huế, cả thảy không đầy hai đêm một ngày mà được nằm nghỉ thảnh-thơi, ngắm phong-cảnh sông Hương, không mỏi mệt như ngồi trên xe. Kể các lăng-tẩm thì nhiều lắm, nhưng trước-danh nhất có bốn nơi : Thiên-thụ-lăng (lăng đức Gia-long), Hiếu-lăng (lăng đức Minh-mạnh), Xương-lăng (lăng đức Thiệu-trị), Khiêm-lăng (lăng đức Tự-đức), bốn nơi ấy là to hơn và đẹp hơn cả. Nơi Thiên-thụ xa nhất, rồi lần-lượt đến nơi Hiếu, nơi Xương, nơi Khiêm. Vậy thuyền chèo tới Thiên-thụ trước, rồi lần về các nơi khác, xem hết vừa tối ngày.

Nói lăng, những người không biết mỗi người tưởng-tượng ra một cách : người thì cho là cái nhà bằng đá nhớn, trong đựng quan-quách ông vua ; người thì cho là cái vườn rộng, giữa xây nấm, quanh giồng cây ; người thì cho là cái nền to như nơi văn-chỉ, phỗng đá voi ngựa đứng chầu. Nhưng dù tưởng-tượng đến đâu cũng không kịp tới cái chân-tướng nhớn-nhao. Lăng đây là cả một tòa thành, cả một vùng núi, chớ không phải một khoảng năm ba sào, một khu vài ba mẫu. Lăng đây là gồm cả mầu giời, sắc nước, núi cao, rừng rậm, gió thổi ngọn cây, suối reo hang đá, chớ không phải một cái nấm con con của tay người xây dựng. Lăng đây là bức cảnh thiên-nhiên tuyệt đẹp ghép thêm một bức cảnh nhân-tạo tuyệt khéo. Lăng đây là cái nhân-công tô-điểm cho sơn-thủy, khiến cho có một cái hồn não-nùng u-uất, như phảng-phất trong cung-điện âm-thầm, như rì-rào trên ngọn thông hiu-hắt. Không biết lấy nhời gì mà tả được cái cảm lạ, êm-đềm vô-cùng, ảo-não vô-cùng, nó chìm đắm người khách du-quan trong cái cảnh tịch-mịch u-sầm ấy. Trong thế-giới chắc còn lắm nơi lăng-tẩm đẹp hơn nhiều : như ở Ấn-độ có cái mả bà chúa toàn bằng ngọc-thạch, ở Âu-châu cũng có lắm nơi mộ-địa rất là u-sầm. Nhưng không đâu cái công dựng-đặt của người ta với cái vẻ thiên-nhiên của giời đất khéo điều-hòa nhau bằng ở đây, cung-điện đình-tạ cùng một mầu một sắc như núi non, như cây cỏ, tưởng cây cỏ ấy núi non ấy phải có đình-tạ ấy cung-điện ấy mới là xứng, mà cung-điện ấy đình-tạ ấy phải có núi non ấy cây cỏ ấy mới là hợp vậy. Tôi vẫn thường lấy làm một cái khuyết-điểm trong tư-cách người dân ta là có tài xây-dựng những đền đài to đẹp, mà khi xây ra rồi không biết bảo-tồn cho được vững-bền lâu, khiến cho có người Tây đã nói rằng : « Không những người

An-nam không làm nổi cầu sông Cái, túng-sử làm nổi nữa, cũng chỉ trong năm năm là cầu đổ vậy. » Bởi thế nên các đình chùa đền miếu của ta như có cái cảnh-tượng bỏ hoang, không ai nhìn đến, cỏ mọc rêu che. Nhưng trong chốn lăng-tẩm này thì hình như cái cảnh-tượng bỏ hoang ấy lại hợp với cái khí-sắc thiên-nhiên, hợp với cái tinh-thần riêng của phong-cảnh, mà làm cho cái vẻ u-sầm lại u-sầm thêm lên vậy. Vì có ông quan hộ-lăng nào siêng việc quá, ngày ngày cho rẫy sạch cỏ trong lăng, năm năm quét vôi lại một lần, quét vôi vàng, rồi lại kẻ thêm một đường xanh đỏ như các cung-điện đình-thự ở Kinh-đô, thì tưởng cái cảnh-sắc nơi lăng-tẩm bấy giờ không gì khó coi bằng! Ai hay cái tính lười-biếng của người mình mà lại làm đẹp thêm được cho nơi thắng-cảnh? Kỳ thay!

Tuy vậy, nói thế không phải là nói chỗ lăng-tẩm quyết không nên tu-bổ. Đổ nát đâu phải chữa đấy, đừng để cho rầm mục tường siêu, nhưng chữa không được làm sai qui-củ cũ. Gạch lát sân có viên nào vỡ thì hàn gắn lại, chớ nên bỏ cả đi mà thay gạch hoa tây vào. Còn ngọn cỏ ở khe gạch, cái rêu trên thềm đá, cây leo trên ngọn tường, lá rủ dưới hồ nước, phàm cái sắc cũ-kỹ, cái vẻ tự-nhiên thì cứ nên để vậy, vì chính những cái ấy nó gây nên cái khí-vị riêng cho phong-cảnh vậy.

Thuyền đỗ bên bãi cát, khách lên bộ, đi qua bãi thì vào đến chân núi Thiên-thu. Có con đường lên, hai bên giồng thông. Bấy giờ giời tuy đã bảng-lảng mà chưa mưa, vừa đi vừa ngắm phong-cảnh vui lắm. Đi ước mười phút thì tới nhà binh-xá là chỗ quan chánh-sứ lăng, quan lãnh-binh cùng quân-lính coi lăng ở đó. Muốn đi xem lăng phải có giấp phép của Bộ mới được vào các cung-điện. Vậy hôm trước tôi đã xin giấy Cụ lớn Công, ngài tử-tế ân-cần lắm, trong giấy nói rõ rằng tôi là chủ-bút báo *Nam-Phong* ở ngoài Bắc về, muốn đi cung-chiêm các Tôn-lăng, dặn các quan chánh-phó-sứ cùng quan lãnh-binh cho người đưa đi xem mọi nơi. Nhưng chẳng may hôm ấy các quan đi vắng cả, tôi lên trình giấy không gặp ngài nào, duy có một thầy đội ở nhà, thầy xem giấy rồi tiếp-đãi tử-tế lắm, thân-hành cùng với hai tên lính đưa chúng tôi lên lăng. Từ nhà binh-xá tới lăng đi ước mười phút đồng-hồ nữa. Hai bên đường rặt thông. Thông là một giống cây nó làm cho trong sạch không-khí. Ngửi hơi thông cũng đủ mát mẻ khoan-khoái trong người. Tưởng cả ngày cứ được như thế, không mưa, thì còn gì sướng bằng. Đến điện trước rồi mới đến lăng, điện ở bên hữu lăng, gọi là *Minh-thành-điện*. Điện trông rất là nguy nga, trước mặt có sân rộng, giồng mấy cây đại to; lại có một thứ cây không biết tên là gì mà hình rất cổ-kính thực là hợp với cái cảnh trang-nghiêm ở chỗ ấy. Trèo bệ đá lên cửa điện, bước vào một cái sân rộng nữa, trong bầy mấy cái thống bằng sứ cực lớn. Thường trong các miếu-điện ngoài sân hay bầy những thống như thế. Chắc là đồ tàu, nhưng không phải đồ thường, hoặc giả Triều-đình ta khi xưa đặt kiểu riêng tự nơi « thổ-sản » chăng. Vì ngày nay không thấy đâu có những chiếc thống nhớn như thế. Hai bên là tả-vu hữu-vu, giữa là chính-điện. Vào chính-điện phải nói với các « mệ » coi trong ấy. Các « mệ » là những bậc cung-nữ của Tiên-đế khi xưa, hoặc là những bậc công-tôn-nữ giở về già xin vào lăng để trông nom việc hương lửa hôm mai. Ở lăng Thiên-thụ này chắc không còn những bậc cung-nữ nữa. Trong điện có cái khám đặt bài-vị đức Tiên-đế, ngoài bầy cái sập rải chiếu để những đồ ngự-dụng như khi sinh-thời: cái khăn-mặt, cái thau, bộ đồ trà, cái tráp giầu, v. v. Hai bên lại bầy những đồ pha-lê cùng đồ sứ tây, chắc là những đồ của các ông sứ-thần Pháp đem sang cống vua ta

khi xưa. Đại-khái cách bài-trí trong tẩm-điện các lăng đều như thế cả, chỉ khác nhau có ít hay nhiều mà thôi. Điện lăng Thiên-thụ này là ít đồ bầy hơn cả; nhiều nhất là điện Khiêm-lăng.

Xem xong trong điện mới ra xem ngoài lăng. Sánh với các lăng kia thì lăng Thiên-thụ là giản-dị hơn cả, nhưng có cái vẻ hùng-tráng, thực là biểu được cái chí to-tát một ông vua sáng-nghiệp. Bốn bề là núi cả, trong sách nói cả thầy ba mươi sáu ngọn đều quây quần về đấy. Giữa mấy từng sân đá rộng thênh-thang, thềm cao rồng chạy; trên một tòa thành tròn ba bề xây như hình cái ngai, trong hai nấm đá hình chữ nhật, tức là mộ đức Thế-tổ Cao Hoàng-đế cùng đức Thừa-thiên Cao Hoang-hậu, hai ông bà nằm song-song ở giữa khoảng giời rộng núi cao, như muốn chứng với Giời Đất rằng công ta đã đánh đông dẹp bắc mà gây dựng nên cái nền nhất-thống của nước Đại-Việt này, từ nay vững như Bàn-thạch, bền như Thái-sơn vậy. Không có đình, không có tạ, không có lâu, không có đài, chỉ trơ-trơ một tấm sân đá mênh-mông, ngoài xa hai cột đồng-trụ cao ngất giời! Hùng thay! Thực rõ cái chí một bậc khai-quốc-đại-anh-hùng, không ưa những sự hư-văn vô-ích. Phàm lăng là xây tự sinh-thời vua, chớ không phải khi vua băng-hà rồi mới xây, cho nên mỗi cái lăng là biểu tinh-thần tính-cách riêng của mỗi ông vua, tự tay đặt kiểu lấy cái nhà ở sau cùng của mình. Như thế thì nơi lăng Thiên-thụ này thực là tấm gương phản-chiếu cái khí-tượng anh-hùng của đức Gia-long ta vậy.

Có người cho lăng đức Minh-mạnh là đẹp, có người cho lăng đức Tự-đức là khéo. Tôi lấy lăng đức Gia-long là hùng hơn cả. Nhưng một triều được mấy vua sáng-nghiệp? Công khai-sáng chỉ một đời, mà nền bình-trị thực muôn thủa. Cho nên các lăng sau này có văn-vẻ hơn nhiều mà thực là kém bề hùng-tráng vậy.

Dù vậy, nếu có người bỏi tôi: « Trong bốn lăng anh thích lăng nào? », tôi xin đáp trước: « Tôi thích lăng đức Gia-long vậy ».

Nhưng dễ vì tôi thiên-vị một lăng đức Gia-long mà đến khi giở xuống xem các lăng khác thì giời không tựa nữa, làm cho mưa rầm suốt ngày hôm ấy!

Khi xuống đến thuyền đã hơn 11 giờ trưa. Nhà đò đã làm cơm xong, anh em vừa đánh chén, thuyền vừa chèo xuống sở Hiếu. Từ sở Thiện-thụ tới sở Hiếu là lăng đức Minh-mạnh mất hơn một giờ đồng-hồ. Nhưng tự bến lên lăng thì gần, không có mấy bước đường. Ngoài bến có cái lầu nhỏ bằng gỗ dựng ngay bờ nước, để khách ngược suôi qua đấy biết là nơi tôn-lăng.

Nơi Hiếu-lăng này ở khuất núi, cái địa-thế không được rại-rễ như nơi Thiên-thụ, nhưng có cái vẻ u-sầm hơn. Chung-quanh bịt tường kín cả, rõ ra một cái thành rộng. Vào trong trông cảnh-tượng khác hẳn ở lăng Gia-long. Cây-cối ùm-tum, đình-tạ, lâu-đài rải-rác khắp mọi nơi. Đây là hồ *Tân-nguyệt*, kia là cầu *Thông-minh*, nọ là núi *Tam-tài*, xa kia là đình *Điếu-ngư*, lại xa nữa là quán *Nghênh-lương*. Tẩm-điện thì ở giữa, trước lăng, chớ không phải ở bên cạnh. Gọi là điện *Sùng-ân*, ở trên cái gò tên là núi *Phụng-thần*. Trong điện bầy-biện cũng như là ở điện Minh-thành lăng Gia-long, nhưng nhiều đồ hơn. Đại-khái thì các lâu-đài, đình-điện chính đặt ở giữa cả, thẳng vào lăng. Sau điện đến cái bi-đình, trong dựng bia « Thánh-đức thần-công ». Phía đông có núi *Viên-trạch* trên dựng *Linh-phương-các*, núi *Đức-hóa* trên dựng *Thuần-lộc-hiên*, núi *Đạo-thống* trên dựng *Quan-lạn-sở*. Phía tây có đảo *Trấn-thủy*, trên dựng *Hư-hoài-tạ*,

sau một ít thì đặt nhà *Thần-khố;* lại có núi *Tĩnh-sơn* dựng *Tả-tòng-phòng*, núi *Ý-sơn* dựng *Hữu-tòng-phòng*. Cứ dọc bấy nhiêu tên cũng đủ biết chốn này là cơ-ngơi của một ông vua thượng-văn, chớ không phải thượng-võ như vua cha là đức Gia-long. Trước mặt lăng có đặt những khu giồng hoa, xây dọc xây ngang như hình chữ triện, trông rất xinh. Lại có một cái cửa nghi-môn bằng đồng như hình cái bài-phường, rồi đến cái cầu, đi thẳng vào thì bước lên bực đá, ấy là cái thành tròn, trong cây mọc như rừng, không biết nấm mộ chỗ nào. Vì từ đời đức Minh-mạnh thì theo lệ cổ khi chôn vua phải chôn mật, đào đường tụy-đạo đem quan vào, xong lấp lại không cho ai biết chỗ. Phong-cảnh ở đấy biệt ra một khí-vị riêng, như âm-thầm, như u-uất. Chỗ này mới thực là cái cảnh tiêu-sắt như cảnh mùa thu. Xem cảnh đoán người thì biết ông vua nằm đấy thực là mang cái tư-cách tinh-tinh một nhà văn-sĩ thi-nhân vậy.

Ba giờ chiều mới về đến sở Xương là lăng đức Thiệu-trị.

Từ bến đến lăng đường đi cũng xa mà giời thì vẫn mưa. Cái qui-mô thể-chế của Xương-lăng đại-đề cũng phỏng theo như Hiếu-lăng. Chỉ khác tẩm điện không ở chính giữa mà ở về bên tả. Điện gọi là *Biểu-đức-điện*. Đối với điện, ở bên hữu thì có *Đức-hinh-lâu*. Lại về đằng sau một ít thì có *Hiển-quang-các*. Trước có cái hồ gọi là *Ngưng-thúy-trì*, trên bắc ba dịp cầu đá. Ngoài *Đức-hinh-lâu* là bi-đình, dựng bia « Thánh-đức-thần-công ». Chính lăng thì cũng y-như Hiếu-lăng, không khác tí gì : ngoài thành tròn bao kín mít, trong cây mọc ùm-tum như rừng. Phong-cảnh ở đấy lại tiêu-sắt hơn ở Hiếu-lăng nhiều. Bấy giờ giời đã về chiều, mưa vẫn không dứt, đứng trong ấy buồn không biết chừng nào. Tưởng cái hồn đức Thiệu-trị còn phảng-phất đâu ở đây, hồn đa-sầu, khi sinh-thời dễ đã biết trước rằng trị-vì không được mấy lâu mà buồn, nên trong phong-cảnh nay còn như ngậm-ngùi ai-oán. Cảnh tiêu-sắt mà có thi-vị vô-cùng.

Về đến sở Khiêm là lăng đức Tự-đức thì đã gần sáu giờ chiều. Sở Khiêm vừa là cung vừa là lăng. Đức Tự-đức trị-vì lâu, ngài kinh-doanh ở đấy rất công-phu, dựng hẳn cái cung để làm nơi nghỉ mát. Ai cũng cho Khiêm-cung Khiêm-lăng là đẹp hơn cả. Tôi thiết-tưởng cái thể-chế khi phiền, về nhân-công nhiều hơn về thiên-thú. Mới bước chân vào trông như một tòa thành-quách nguy-nga, ngổn-ngang chồng-chất những cung cùng điện, những gác cùng lầu, không nhận biết cái thể-chế thế nào. Nếu cứ xét từng cái lầu, từng cái gác, từng cái cung, từng cái điện một thì rất là đẹp, nhưng bấy nhiêu cái họp lại một nơi thì trông ra bề-bộn quá. Cung ở bên hữu lăng, chung quanh xây tường, mặt trước mở một cửa tam-quan trên đặt mấy từng lầu, trong cửa là *Hòa-khiêm-điện*, tức là chỗ thờ Ngài. Phàm tên các cung-điện ở sở Khiêm này đều đặt có chữ *Khiêm* cả. Hai bên tả-lang hữu-lang gọi là *Thể-khiêm* và *Pháp-khiêm*. Phía bắc điện Hòa-khiêm lại có một điện nữa tên là *Lương-khiêm-điện*, bên đông là *Minh-khiêm-đường*, bên tây là *Ôn-khiêm-đường*. Đằng sau, bên tả bên hữu đặt hai viện gọi là *Tòng-khiêm* và *Dụng-khiêm*. Sau nữa là *Ích-khiêm-các*. Lại bên tả cửa cung dựng nhà *Chí-khiêm-đường*, bên hữu đường dựng hai viện : *Ý-khiêm* và *Trì-khiêm*. Ở ngoài cửa cung nhỏn đặt hai cái nhà vuông gọi là *Cung-khiêm* và *Công-khiêm*. Trước cửa cung có cái hồ gọi là *Khiêm-hồ*, trên xây hai cái tạ : *Dũ-khiêm-tạ* và *Xung-khiêm-tạ*. Trong hồ có cái đảo gọi là *Khiêm-đảo*, trên đảo dựng ba cái đình : *Nhã-khiêm*, *Tiêu-khiêm* và *Lạc-khiêm*. Bên tả hồ bắc ba

cái cầu : *Tuần-khiêm*, *Tiền-khiêm*, *Do-khiêm*, v. v. Ấy sau tra sách mới biết rõ các tên như thế, chớ khi đứng trong lăng thì trông trước trông sau đều có nhà cả, không thể nhận được nơi nào sở nào, đằng trước hay đằng sau, bên tả hay bên hữu. Xây dựng nhiều quá thế thực là phiền vậy. Nhìn cơ-ngơi ấy đủ biết ông vua sáng-lập ra là người hiếu-kỳ, càng làm càng muốn cho kỳ mãi ra, mà dễ đến khi làm xong cũng vẫn chưa mãn-ý. Sánh nơi Khiêm-lăng này với nơi Thiên-thụ trên kia thì biết cái tinh-thần của hai ông vua khác nhau là nhường nào ! Đại-để từ lăng Thiên-thụ, qua Hiếu-lăng, Xương-lăng, đến Khiêm-lăng, cái hư-văn càng xuống càng thịnh, mà cái vẻ thuần-phác hùng-hồn lúc đầu càng mất dần đi vậy. Lấy lịch-sử mà chứng thì sự biến-thiên trong tinh-thần ấy cũng có quan-hệ đến quốc-vận nhiều. Nước ta sở-dĩ yếu-hèn chẳng phải là phần nhiều bởi cái tinh hiếu hư-văn ru ?

Khi ở trên sở Khiêm xuống đò về thì vừa nhọ mặt người. Giời vẫn mưa, không dứt hột, quần áo ướt dầm cả, nhưng cũng cam-tâm rằng ngày hôm ấy mắt đã được trông, chân đã được bước vào mấy cảnh thiêng-liêng của cố-quốc, xưa nay vẫn thường mộng-tưởng đã lâu ngày.

* * *

Đã được xem các Tôn-lăng rồi, tôi còn có một cái hi-vọng nữa : là muốn vào xem trong Nội. Nhưng nghe nói vào trong Nội khó lắm, có người bảo phải có giấy tòa Khâm mới được. Tôi bèn vào hầu quan Đồng-lý phủ Khâm-sứ xin ngài cho cái giấy phép. Ngài tiếp rất ân-cần, nhưng ngài nói rằng xưa nay không có người An-nam nào xin vào xem trong Nội, vả tòa Khâm chỉ ban giấy phép cho các ông tây mà thôi, ngài sẽ cho hỏi lại, thế nào bữa sau bảo cho biết. Bữa sau tôi tới hầu, ngài nói việc đó là thuộc về bên Bộ, bên Tòa không thể can-thiệp vào. Bấy giờ tôi mới nghĩ lại mình là người An-nam mà xin phép bên Tòa thì cũng là sai cách thật. Tòa Sứ chỉ đảm-nhận cho người Tây chớ không lẽ đảm-nhận cho cả người An-nam được. Tôi bèn sang hầu quan Tham Cơ-mật, Đặng đại-nhân, trước vẫn đã biết tiếng ngài và đã từng đọc những bài trước-thuật của ngài trong sách biên-tập hội « Đô-thành-hiếu cổ-xã ». Ngài người rất nhã-nhặn, lập tức giới-thiệu tôi cho quan tham Lễ, Bửu đại-nhân, vì việc đó là thuộc về bộ Lễ. Quan tham Lễ lại quả yêu thân-hành đưa đi xem, và cắt nghĩa cho từng tí. Vậy cái hi-vọng tôi mà sở-dĩ thành được, thực là nhờ hai quan tham vậy. Xin có nhời đa tạ hai ngài.

Tôi được xem Thái-miếu, Thế-miếu, điện Phụng-tiên, điện Thái-hòa, Cần-chánh, Kiền-thành. Điện Cần-chánh hiện đương chữa lại, nên từ đấy giờ vào không được xem kỹ.

Thái-miếu là thờ các vua cùng các hoàng-hậu từ trước đức Gia-long. Thế-miếu là thờ từ đức Gia-long giở xuống. Có miếu chính đề « cát-tế », nghĩa là tế những ngày tuần-tiết sóc-vọng, lại có miếu phụ đề « hung-tế », nghĩa là tế ngày giỗ. Ở Thế-miếu, hai bên tả-vu hữu-vu lại có tòng-miếu thờ các công-thần hồi Trung-hưng. Ngoài sân bầy chín chiếc đỉnh nhỏn bằng đồng, trông rất là vĩ-đại. Mỗi đỉnh có tên riêng : chính giữa là *Cao-đỉnh*, tả thứ nhất là *Nhân-đỉnh*, hữu thứ nhất là *Chương-đỉnh*, tả thứ nhì là *Anh-đỉnh*, hữu thứ nhì là *Nghị-đỉnh*, tả thứ ba là *Thuần-đỉnh*, hữu thứ ba là *Tuyên-đỉnh*, tả thứ tư là *Dũ-đỉnh*, hữu thứ tư là *Huyền-đỉnh*. Mỗi chiếc nặng bốn nghìn cân ta, có khắc hình-tượng mặt-giời, mặt-giăng, núi sông, hoa cỏ, các giống vật, vân vân.

Nhiều đồ đẹp nhất là trong điện Phụng-tiên. Vàng ngọc châu báu chẳng thiếu vật gì, bầy chật mười cái tủ kính. Nghe nói hồi Kinh-thành thất-thủ đã mất-mát đi nhiều, không thời còn lắm đồ quí hơn nữa. Lạ nhất thì có cây « thiên-gia bách-bảo thụ », tức ta gọi nôm là cây vàng lá ngọc. Cây cao ước hơn một thước ta, để trong cái hộp bằng mặt kính. Cành cội toàn bằng vàng, mà hoa lá thì bằng các thức ngọc báu, mỗi cái một thứ, không cái nào giống nhau : chân-châu, kim-cương, ngọc khuê, ngọc bích, ngọc lưu-li, san-hô, đồi-mồi, v. v. Những đồ cống-vật bằng pha-lê, bằng sứ tây cũng nhiều.

Điện Thái-hòa ở trong cửa Ngọ-môn, là nơi đặt đại-triều ở đấy. Sơn son thếp vàng lồng-lộng, giữa chỉ để một cái ngai vàng, trông rất là tôn-nghiêm. Ngoài là cái sân rộng có bệ rồng, các quan văn võ đứng chầu ở đấy. Trước sân là hồ Thái-dịch, có đồng-trụ, có phường-môn, cầu bắc ở giữa. Đứng trong điện trông ra ngoài sân bát-ngát, tưởng-tượng những buổi triều-yết thì cái nghi-vệ đẹp biết chừng nào !

Trong điện Thái-hòa, sau Đại-cung-môn, có hai bên tả-vu hữu-vu đặt làm phòng khách phòng ăn theo lối Tây để những khi tiếp các quí-quan.

Vào trong là Cần-chánh-điện hiện đương chữa, hai bên là Văn-minh-điện và Võ-hiển-điện. Những khi thường-triều thì hay đặt ở điện Văn-minh. Vào trong nữa là Kiền-thành-điện, nhưng đến đấy thì thôi, trong là Tử-cấm-thành, người ngoài không được phép vào.

Khi giở ra quan Tham giắt vào qua Nội-vụ, rồi chỉ cho xem cái rạp hát, những khi hội-tiệc Hoàng-thượng thường ra coi hát ở đấy. Bắt đầu đi từ mười giờ, đến ngót mười hai giờ mới ra về. Ấy là mới xem thiệp-liệp ở ngoài, chớ trong còn nhiều cung-điện nữa. Nhưng đó là nơi Chí-tôn, kẻ thường ai dám bước chân vào đấy ? Thành cao cửa kín, cái hồn Nam-Việt hơn trăm năm nay vẫn phảng-phất ở đâu chốn này. Trung-gian vận nước có lúc biến-thiên mà hồn cũ không bao giờ tiêu-diệt. Ngày nay gặp hội thái-bình, Tây Nam hòa-hiếu, cái hồn cũ tất trai-trẻ tinh-anh thêm ra để dun-dủi quốc-dân vào đường văn-minh tiến-hóa. Đó là cái hi-vọng tối-cao tối-thiết của mấy trăm vạn đồng-bào ta vậy.

***

Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên-mụ canh gà Thọ-xương.

Cả cái hồn thơ của xứ Huế như chan chứa trong hai câu ca ấy. Chùa Thiên-mụ là một chốn danh-lam, có cái tháp bảy từng, ở ngay trên bờ sông Hương, làng Thọ-xương thì ở bờ bên kia. Đêm khuya nghe tiếng chuông chùa với tiếng gà gáy xa đưa văng vẳng ở giữa khoảng giời nước long-lanh mà cảm đặt thành câu ca cho con trẻ hát, ấy mới rõ cái tình-tình của người xứ Huế.

Cho nên ở Huế, phong-cảnh đã xinh, những nơi cung-điện lăng-tẩm đã đẹp, mà dễ qui nhất là những nhân-vật của xứ Huế vậy. Tôi tiếc vì không ở được bao lâu, trong khoảng mười ngày lấy đâu mà biết cho khắp những bậc danh-sĩ cao-nhân, thường là người ẩn-dật, không phải hằng ngày mà gặp được. Nhưng phàm những người tôi sở biết đều là có cái tư-cách cao-thượng cả. Cầm, kỳ, thi, họa, là những ngón chơi thường của các bậc ấy. Nay không thể biết được hết những người hay ở Huế, không thể kể được hết những người đã từng biết, chỉ xin nói qua về một nhà nữ-sử với một vị cao-tăng tôi được tiếp trong khi ở Kinh-đô.

Nữ-sử biệu là Đạm-phương, con gái Đức ông Quỳnh-quốc-công là con Đức Minh-mạnh, và là em hai Đức ông

Tùng-thiện và Tuy-lý. Nữ-sử năm nay tuổi chừng ngoài bốn mươi, vợ ông Nguyễn-Khoa L... hiệu Thanh-nguyên, thuộc về giòng-giõi quan nội-tán Nguyễn Khoa Đăng đã nói trên kia. Hai ông bà đều hay thơ, thường xướng-họa với nhau, có đưa cho tôi một tập thơ chữ để đăng báo. Nhời thơ chải-chuốt mà có vẻ phong-nhã. Có lắm bài làm theo lối *liên-hoàn*, lối *hồi-văn* khéo lắm. Phu-nhân lại có làm thơ nôm và biết chữ Pháp nữa, hiện đương tập lược-dịch một bộ tiểu-huyết tây. Tôi có mời phu-nhân giúp vào báo *Nam-phong* thì phu-nhân cũng hứa sẽ soạn một ít thơ văn bằng quốc-âm gửi ra sau. Hiện có mấy bài sau này, giọng êm-đềm thanh-thoát, rõ ra tư-cách nhà thi-nhân.

Hai bài « Nhớ cảnh núi » :

I

Phất-phất mành Tương gió quạt lầu,
Thềm hoa xem đã bóng trăng thâu.
Bàng-khuâng chạnh nhớ niềm làm-hát,
Vắng mặt Lư-sơn những mấy lâu.

II

Dậu trúc bơ-thờ rào hột mưa,
Tiếng chim dìu-dặt giọ hương đưa.
Hồ sen nắng hạ đà phai thắm,
Ngành cúc rừng thu tuyết điểm chưa ?

Một bài « Nhớ-bạn », lối *liên-hoàn* :

Mảnh trăng đêm dọi bóng quanh thềm,
Bóng dọi quanh thềm giấc khó êm
Giấc khó êm vì thương nhớ bạn,
Vì thương nhớ bạn mảnh trăng đêm.

Phu-nhân có một bộ di-văn của Đức ông khi xưa để lại, cả thảy hơn mười quyển chưa từng đem in và công-bố bao giờ. Toàn là những văn nghị-luận thiết-thực, chớ không phải lối văn trường-ốc. Vả Đức ông về đời Thành-thái có sung đi sứ bên Pháp, nên kiến-văn rộng lắm. Khi ở Tây về, đóng cửa làm sách trong mấy năm : bộ di-văn này tức là kết-quả của cái công trước-thuật của ngài hồi bấy giờ. Tôi có xin phu-nhân cho phép đem in để công-bố cho quốc-dân biết cái tư-tưởng một bậc đại-nho của nước ta. Phu-nhân cũng hứa sẽ cho sao lại rồi gửi ra sau, vì hiện chỉ có một bản muốn giữ làm gia-bảo. Đức ông không sinh được người con giai nào, nhưng được người con gái như phu-nhân tưởng cũng là xứng đáng lắm vậy.

Chính phu-nhân cũng có hai cô con gái học Pháp-văn đã thông lắm. Cô nhớn hiện làm trợ-giáo ở trường nữ-học Huế, năm nay sắp ra thi lấy bằng trung-học. Con gái An-nam ta học chữ Pháp mà đến được bậc trung-học tưởng mới có tiểu-thư là đầu, không kể những cô đã từng học ở bên Tây về. Mấy lần tôi lại chơi, không được gặp tiểu-thư để cùng đàm-luận cho biết cái trí-thức một bậc nữ-sinh có tài trong nước, thực lấy làm tiếc lắm. Nghe nói tiểu-thư rất hiếu-học, và tính rất phong-nhã. Cứ xem một cái cách đặt tên cũng đủ biết tư-cách người : phu-nhân nói tiểu-thư không chịu viết tên bằng chữ *Thị* không được thanh-nhã. Nguyên tên họ là Nguyễn-Khoa, tên riêng là Nhơn, bèn đặt tên là Nguyễn-Khoa Diệu-Nhơn. Chữ *diệu* đó thật là khéo, mà rõ ra cái phong-thú con người yểu-điệu tài-tình. Mong cho sự học-vấn của tiểu-thư mỗi ngày một tấn-ích : trong nữ-giới nước ta sau này tất thêm được một ngôi sao mới vậy.

Họ Nguyễn-Khoa vốn là người ngoài Bắc, nguyên quán ở tỉnh Hải-dương. Năm Minh-mạnh mới xin nhập-tịch vào làng An-cựu, thuộc huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên, gần thành-phố Huế. Mười đời giúp việc bản-triều, từ thời-đại các chúa Nguyễn đến giờ. Ông thủy-tổ đã từng theo đức Thái-tổ Gia-dũ Hoàng-đế (Nguyễn Hoàng) từ khi còn đóng-đô ở làng Ái-tử. Các con cháu về sau, hoặc làm quan văn, hoặc

làm quan võ, hoặc giúp việc ở Triều-đình, hoặc xông pha nơi chiến-trận, hoặc cai-trị một trọng-trấn, thực đã hết lòng trung-thành với nước, hình như đem cái vận-mệnh riêng một nhà mà gửi thác cả vào cái vận-mệnh chung trong nước. Trong lịch-sử ít có mấy họ mà mười đời thủy-chung chỉ thờ một nhà vua. Họ Nguyễn-Khoa thực là có công với triều Nguyễn vậy. Vẻ-vang thay !

Cao-tặng hiệu là Viên-thành-thượng-nhân, trụ-trì chùa Ba-la-mật, làng Nam-phổ, cách Huế bốn năm cây-lô-mét. Chùa đó của một ông quan-lớn họ Nguyễn-Khoa dựng ra, thượng-nhân tu ở đấy từ thủa lên bảy, nay niên-tuần đã vào khoảng ngót bốn mươi. Nhờ có ông bạn giới-thiệu, tôi mới được biết thượng-nhân, thực là cảm-phục cái tư-cách phong-nhã, tư-tưởng cao-thượng của người. Thượng-nhân vốn là người hoàng-tộc, nên tuy ở chốn thuyền-môn, mà biệt ra một cái phong-độ riêng, không giống các nhà tu-hành khác. Bước chân vào trong tịnh-xá, tưởng như nơi văn-phòng của nhà thi-nhân tao-khách nào. Không phải là đồ bầy-biện đẹp, không phải là cách trang-sức khéo, nhưng bởi cái khí-vị riêng nó phảng-phất ở trong cái phòng ấy, khiến người khách vào chơi biết ngay ông chủ-nhân là người phong-nhã tài-tình. Mà thượng-nhân quả là người tài-tình phong-nhã thật. Nói thế tất có người lấy làm lạ mà tự hỏi có nhẽ nào một kẻ tài-tình ví như bông hoa thơm, hòn ngọc báu ở đời, lại không đem thân ra hưởng sự phong-lưu phú-quí của đời mà chịu ẩn mình ở chốn cửa Phật là cõi tịch-diệt hư-không. Đạo Phật là đạo xuất-thế mà kẻ tài-tình phải là người nhập-thế, vì cái tài-tình phải ở đời mới có giá-trị : ở chốn Từ-bi thì nhất-thiết chúng-sinh đều mang nghiệp khổ, người nào tài-tình lắm tất nặng nghiệp nhiều, người mộc-mạc thật-thà ấy là người luân-hồi nhẹ kiếp. Tôi cũng thiết-nghĩ như thế, nhưng nghĩ kỹ ra thì tôi tưởng rằng cái tài-tình tuy là vật quí của giời đất mà cách dùng mỗi người có khác nhau. Phần nhiều người lấy tài-tình như cái bả mà làm cho say mê người đời, để chiếm lấy phần sung-sướng ở đời. Nhưng cũng có người bẩm-tính cao-thượng, không lấy sự sung-sướng ấy làm cái mục-đích ở đời, nên không muốn đem cái tài-tình của mình ra thi-thố với đời, làm một vật buôn-bán với đời, mà muốn dùng để đạt tới cái cõi mầu-nhiệm cao hơn cả mọi sự mọi vật ở đời, là cõi Tiên, cõi Phật, cõi Thánh, cõi Thần. Bởi thế nên người tài-tình không tất-nhiên là phải nhập-thế ; dẫu xuất-thế mà cái tài-tình cũng có dùng vậy. Viên-thành-thượng-nhân có nhẽ cũng vào hạng những người cao-thượng ấy.

Vả xưa nay cái quan-niệm của người đời đối với người đi tu thường sai-nhầm. Người đời cho đi tu là bỏ nhà ở chùa, ăn chay niệm Phật, không biết rằng tu thế chưa phải là tu. Người đi tu là người trong lòng khao-khát một sự cao-xa mà ở đời không bao giờ tới được, hoặc vì việc đời phiền-phức không để cho thư-thái trong lòng mà tìm cho tới, hoặc vì lòng mình chìm đắm ở trong bể dục mà mờ ám không trông thấy cái chân-lý ở đâu. Vậy phải ra tay cắt đứt cái giây liên-lạc với đời mà đem mình lánh ở nơi am thanh cảnh vắng, để *sửa* trong mình cho được trong sạch sáng suốt mà đón rước lấy cái thú cao-xa kia. Sự sửa mình ấy tức gọi là tu, chớ không phải ăn chay niệm Phật mà là tu. Nên phàm ai có lòng thành-thực khao-khát một sự cao hơn mọi sự ở đời, mà dùng hết tinh-lực cho tới nơi. thì người ấy dẫu không tu cũng là tu, mà người ăn chay niệm Phật nhưng trong lòng không có sự thành-thực như thế thì người ấy dẫu tu cũng chưa phải là tu. Như thế thì

xưa nay thường nghiệm phàm người tài-tình phong-nhã là những người trông thấy cái cảnh-tượng thô-bỉ xấu-xa ở đời mà chán, khao-khát muốn thoát khỏi cõi trần-tục, lên một cõi cao-xa trong-sạch hơn. Cái lòng khao-khát ấy chẳng phải là nguồn gốc của sự đi tu, sự xuất-thế rư? Cho nên nói rằng sự tài-tình không những là không trái mà lại có nhẽ hợp với cái chủ-nghĩa xuất-thế vậy.

Cái tài-tình của Viên-thành-thượng-nhân thì không phải tìm đâu xa, cứ nghe ngay câu chuyện người nói cũng đủ biết: mỗi nhời như ngọc nhả châu phun, mà tưởng cứ tự-nhiên thành bài thơ ứng-khẩu vậy. Người thơ chữ đã tuyệt-bút mà thơ nôm cũng rất hay. Trong khi nói chuyện người thường đọc cho nghe nhiều bài; nay sao được vài bài nôm như sau này.

Một bài « Nhớ bạn »:

Cao thấp trời chung một hạt mưa,
Ra đời vô núi cũng duyên đưa,
Mấy phen sương tuyết chồi mai nở,
Ngàn dặm tinh-hoài bóng nhạn thưa.
Lò lửa nhớ chừng vầy chuyện cũ,
Bàn cờ theo buổi ngắm trà trưa.
Nghĩ người đạo-khế từng qua lại,
Trăng giọi thềm rêu phải đó chưa?

Một bài « Chơi núi »:

Lững đững bên giời ngọn rớn sưa (1),
Dặng bờ thu thảo ngợt cơn mưa.
Rêu xanh đá mọc nhìn đường cũ,
Khói biếc thành xây tưởng dấu xưa.
Mây phủ dịp cầu sen ẩn vóc,
Cây lồng bóng nước cảnh thừa ưa.
Khách quen năm trước bây giờ đến,
Thử hỏi non sông đã biết chưa?

Thượng-nhân lại thường nhận những câu hát ca-giao nhiều câu rất có ý-vị, người bèn dịch ra thơ chữ tuyệt khéo mà diễn được hết cái tinh-thần của câu nôm.

Như câu:

Núi cao chi lắm núi ơi!
Núi che mặt trời không thấy người thương,

người dịch ra hai câu chữ là:

Kỷ trùng lam thúy vô cùng hận,
幾 重 藍 翠 無 窮 恨。
Nhật ảnh vân già cách cố nhân.
日 影 雲 遮 隔 故 人。

Lại câu:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ người đẫy gấm khăn điều vắt vai,

người dịch là:

Hoàng-hôn vô-hạn hoàng-hôn tứ,
黃 昏 無 限 黃 昏 思。
Hồng phách hà bao nhỡn lệ nhân.
紅 帕 荷 包 眼 裏 人。

Phi tay thi-nhân tuyệt-điệu không dịch được như thế.

Nhưng thượng-nhân không những là một tay thi-nhân có tài, mà lại là một nhà tư-tưởng sâu-sắc nữa. Người nghiên-cứu về Phật-học rất thâm, cốt để giải lấy cái giáo-lý, thấu được những nhẽ mầu-nhiệm của đạo Phật. Người nói chuyện với tôi rằng hiện đã soạn được một bộ *Thích-ca lược-sử* bằng quốc-ngữ mà bằng *văn suôi*, còn đương chú-thích, khi nào xong sẽ gửi để đăng báo. Quốc-dân ta ngày nay đã ai chịu công-nhận rằng chữ quốc-ngữ có văn mà đã mấy người chịu hạ-cố viết văn suôi; nay nghe thượng-nhân nói làm sách bằng quốc-ngữ mà bằng văn suôi, tôi có ý lấy làm lạ, người bèn đáp rằng: « Bên Gia-tô người ta còn làm sách bằng quốc-ngữ, theo như nhời nói thường, để cho nhiều người hiểu mà dễ truyền-bá đạo. Mình há lại không nên làm như thế rư? » Nghe

(1) *Rớn* ngoài Bắc gọi là *giáng*, là cái mây sắc đỏ vàng, sau khi mưa. — *Sưa* là thưa.

câu đó mà tôi mừng rằng đã có một bậc tri-thức biết cho văn quốc-ngữ là có ích-lợi. Thực đáng mừng mà đáng vui thay, vì cái vấn-đề văn quốc-ngữ ấy vẫn là một sự khổ-tâm cho tôi đã lâu nay vậy. Nhân bàn về đạo Phật, thượng-nhân khuyên tôi nên cổ-võ Phật-học trong báo *Nam-Phong*, rồi người phát-khởi ra một cái tư-tưởng lạ. Người nói rằng: « Đạo Phật ở nước ta sở-dĩ không thịnh được là bởi không có một cái Giáo-hội như đạo Gia-tô ở các nước bên Tây. Nay muốn cho đạo Phật thịnh-hành mà có thế-lực trong nước thì phải họp cả các chùa lại, đặt một ông sư-trưởng tức như ông giáo-hoàng, lập lấy một cái tư-bản chung, khiến cho các môn-đồ đạo Phật trong nước thành một đoàn-thể mạnh, như thế thì ích-lợi cho quốc-dân biết chừng nào! Ước gì Vua ta chủ-trương được việc đó thì thực là phúc-đẳng-hà-xa. » Ấy cái hi-vọng của người to-tát như thế, cái tư-tưởng của người cao-xa như vậy.

Tôi ngồi nói chuyện mà không muốn đứng ra về nữa. Thượng-nhân lại giắt ra xem cái vườn hoa riêng của người. Vườn hoa xinh thay! đáng yêu thay! Trông tưởng như một cái hoa-viên trong sách tiểu-thuyết tàu vậy. Những cây, những hoa giồng trong vườn ấy toàn là những cây cùng hoa quí cả, mà là những cây cùng hoa các thi-nhân đã từng đề-vịnh cả. Người chỉ cho xem cây nào lại đọc liền ngay câu thơ theo sau, hoặc là câu của tiền-nhân, hoặc là chính của người. Nghe những tên người đặt cho các cây hoa đó cũng đã có thi-vị lắm rồi: cây này là cây *tì-bà*, lá như hình cái đàn tì-bà, cây kia là cây *mai-khôi*, hoa này là hoa *thập tì-muội hồng*, chậu kia là chậu *túy-ông-lan*. Chỗ thì bụi tùng, chỗ thì khóm trúc, chỗ thì hòn núi giả, chỗ thì cánh dậu thưa. Tôi có ý nhận suốt trong vườn không có một thứ hoa gì là sặc-sỡ nồng-nàn, như ông-bụt tây hay mẫu-đơn tàu. Cái tinh-tình ông chủ-nhân tất cũng có cái vẻ dịu-dàng mát-mẻ như chốn hoa-viên ấy vậy. Người giữ đứng lại để chờ giăng lên mà thưởng nguyệt trong hoa thì mới thú. Nhưng bữa ấy là ngày 20, đợi mãi đến khuya mà giăng chửa mọc. Anh em đành phải xin từ-biệt ra về, trong lòng luống những ngẩn ngơ, vì nhớ cảnh, vì nhớ người.

Thượng-nhân tiễn ra đến cửa chùa, vừa đi vừa ngâm:

Chân-trọng cà-xa tống xuất môn...

Quí hóa thay!

* * *

Ấy người Huế như thế, cảnh Huế như thế. Thiết-tưởng cái cảm-tình của tôi với Huế cũng không phải là quá-đáng vậy. Nếu có người đọc bài này mà cũng sinh lòng yêu mến chốn Kinh-đô cũ của nước nhà, nhân đó yêu đến cả nước nữa, thì « mười ngày ở Huế » của tôi cũng không phải là vô-ích vậy.

Hà-nội, tháng 4 năm 1918

PHẠM QUỲNH.

VĂN-HỌC

BÀN VỀ TẾ GIAO

I

Phát-đoan

Các nước ở Á-châu ta, những nước nào tuân theo đạo Thánh-hiền mà trị nước, thời đều lấy sự tế-tự làm trọng. Sự tế-tự trọng nhất là tế Giời. Giao tức là tế Giời vậy. Từ xưa đến nay, các vua đều có tế giao. Nói về lễ-nghi, thì xưa có khác nay, ta cũng khác Tàu, nhưng nói về tinh-thần thì vua nào cũng lấy sự kính Giời làm cốt, bởi đấy mà suy ra việc hành-chánh lâm-dân.

Kinh Thi có nói : « Giời muốn giúp đỡ dân, mới đặt ra vua ». Lại nói : « Giời thương dân, vua phải vâng theo Giời.» Thế thì vua là chúa-tể trong một nước mà Giời lại là chúa-tể chung của vua với dân. Nhất Giời nhì vua mà dân là hèn-mọn. Hèn-mọn thì không thể trực-tiếp với Giời được, nên nhờ có vua để đại-biểu cho. Cho nên lúc vua tế giao mà cáo Giời nghĩa là đem cái nhậm-vụ của mình đối với dân và cái cảm-tình của dân đối với Giời mà giãi bày trước Thượng-đế. Thượng-đế giáng-phúc cho vua nghĩa là Ngài phù-hộ cho dân được yên-thịnh, tức là phúc của vua.

Cứ theo nghĩa trên đấy, thì tế giao là cái công việc của vua đối với Giời mà cũng là cái công việc của vua đối với dân. Đối với Giời mà tỏ ra rằng mình đã hết cái nhậm-vụ đối với dân, đối với dân mà tỏ ra rằng mình đã thông cái cảm-tình của dân với Giời vậy. Ấy là vua hay kính Giời, ấy là vua hay thương dân. Vua kính Giời, vua thương dân, mà dân thì mù-mịt không biết đến, thế là dân không biết yêu vua, dân không biết thờ Giời. Ôi ! nghĩa tế giao quan-trọng là ngần nào, làm dân thì phải biết.

Bản-triều từ lúc thụ-mệnh chính ngôi hoàng-đế, cử-hành tế Giao hơn trăm năm nay. Thủa Liệt-Thánh, trong nước thái-bình, ở triều có các ông nho-thần tra-cứu lễ đời xưa để giúp vua, ngoài nội có các đấng hiền-giả bàn tán về việc giao, và tụng-dương cái thịnh-đức của vua để ai nấy đều biết. Cho nên lúc bấy giờ thì ai cũng hiểu nghĩa tế Giao cả.

Đến bây giờ, thời-thế tuy khác, lễ tế giao vẫn còn y ; lòng kính Giời thương dân của Hoàng-thượng ta cũng không khác gì Liệt-Thánh. Đến như quốc-dân ta thì phần nhiều chưa chắc đã hiểu nghĩa tế Giao là gì. Cho rằng thời-thế khác xưa thì cũng có nhẽ, nhưng cũng bởi người nước ta cái lòng đối với vua với nước có khi nhạt-nhẽo, huống nữa là đối với Giời. Mà lại không ai đem cái nghĩa ấy ra đề-tỉnh để đến nỗi một cái lễ tế nhớn rất tôn-nghiêm, rất có ý-nghĩa mà không ai hiểu là gì, thì thật cũng khó mà bỏ quá được.

Hoàng-thượng trị vì năm nay đã ba năm, mà là năm tế Giao lần thứ nhất. Tế Giao năm nay tất có khác các năm. Bản-báo chủ-bút đã vào Kinh hầu xem hiện có bài kỷ-thực đăng báo. Nay lại làm bài nghiên-cứu này để thỉnh-giáo các ngài, mà cũng trộm mong rằng cái lòng tôn vua kính Giời của quốc-dân ta cũng nhờ đấy mà phát-đạt thêm một ít.

II

Tế Giao là gì ?

Sách *Châu-lễ* nói : « Tiết đông-chí, tế Giời ở nơi viên-khâu (gò tròn) ở

phía nam quốc-đô, tiết hạ-chí tế đất nơi phương-khâu (gò vuông) ở phía bắc quốc-đô. Viên-khâu cũng gọi là Nam-giao, phương-khâu cũng gọi là Bắc-giao. » Coi đấy biết đời xưa tế Giời Đất chia làm hai lễ. Đến đời sau, Giời Đất tế chung một diên [1] mà chỉ gọi là tế Nam-giao.

Sách xưa luận về nghĩa tế Giao cũng nhiều, rút lại có ba nghĩa.

1° Kinh *Lễ* nói : « Vua thánh mới hay tế Giời, con thảo mới hay tế cha mẹ. » Sách *Xuân-thu phồn-lộ* nói : « Thiên-tử nghĩa là con Giời. Vua phải tế Giời, cũng như con phải nuôi cha. » Lại có nói : « Vua mỗi năm phải tế Giời, là giữ lễ làm con. Hầu dấy binh, phải cáo Giời, là giữ đạo làm con. » Những lời ấy là lấy nghĩa *thờ Giời*.

2° Kinh *Lễ* nói : « Tế giao để giả ơn Giời. » Lại nói : « Muôn vật sinh ra bởi Giời, người sinh ra bởi tổ. Cho nên tế Giời mà đem vị tổ phối hưởng, để mà báo đáp lại. » Những lời ấy là lấy nghĩa *giả ơn Giời*.

3° Kinh *Lễ* nói : « Vua tế Giời, đội mũ miện, có 12 tua, là phép theo số Giời. Cờ cũng 12 tua, vẽ tượng rồng và nhật nguyệt, là rập theo tượng Giời, cho nên tế giao là để sáng đạo Giời. » Sách *Thông-điển* nói : « Đạo Giời biến hóa, thánh-nhơn bắt chước theo. » Những lời ấy là lấy nghĩa *bắt chước Giời*.

Giải nghĩa tế Giao thì như thế. Nay tìm cái cỗi rễ thời tế giao lại *bởi tại cái học-thuyết cùng cái chính-thể của Á-đông ta mà sinh ra*. Ta thử xem cái văn-minh châu Á với văn-minh châu Âu khác nhau bởi gì ? Bởi tại học-thuyết, bởi tại chính-thể. Nói rằng *Giời sinh dân ra phải có vua, không vua thì loạn*, ấy là học-thuyết Á-châu. Nói rằng *người ta ai cũng có cái quyền thiên-phú, ai cũng được tự-do*, ấy là học-thuyết Âu-châu. Học-thuyết khác nhau, nên chính-thể khác nhau : Á-châu thì cho vua là có quyền-lực vô-thượng mà làm theo chính-thể *chuyên-chế*. Âu-châu thì nói dân có cái công quyền dự vào việc chính-trị mà làm theo chính-thể *lập-hiến*. Cứ theo học-thuyết Á-châu thì cái chính-thể Âu-châu chắc hỏng, mà Âu-châu vẫn được thịnh-trị là nhờ chi ? Nhờ có *pháp-luật*, vì quốc-trưởng với dân đều lấy pháp-luật mà hộ mình. Còn cứ theo học-thuyết Âu-châu thì các vua Á-châu có dễ lạm-dụng quyền-lực mình mà sinh ra loạn. Nhưng các vua Á-châu thường được vững bền là nhờ chi ? Nhờ có *Giời*. Quyền-phép vua tuy ở trên dân, mà ở dưới quyền phép Giời vậy.

Tôi nghĩ đến đấy mà chịu cho cái học-thuyết của Thánh-hiền ta là cực kỳ viên-mãn ! Vua ra chính-lịnh gì thì nói rằng vâng mệnh Giời, Giời có tai-biến gì thì đổ cho bởi sự thất-đức của vua. Bởi đấy, vua thời phải sợ Giời, phải sửa mình. Nói tóm lại, rằng mệnh Giời, rằng đạo Giời, chẳng khác gì cái pháp-luật nhất-định để hạn-chế cái quyền-lực của quân-chủ.

Người Âu-châu cũng tôn Giời, nhưng tôn một cách về tôn-giáo. Người Á-châu tôn Giời thì tôn một cách thuộc về chính-trị và thuộc về toàn-thể quốc-dân. Ôi ! cái nghĩa tôn Giời ấy mới thật là mầu-nhiệm !

Vua vẫn ở dưới quyền phép Giời, giá mà cứ ở chốn thâm-cung, cứ nói : ta sợ Giời ! ta kính Giời ! Thế thì cũng chưa được. Thánh-nhân mới đặt ra lễ Giao-tự, để cho vua đường như đến trước Thượng-đế mà chứng cái lòng thành kỉnh của mình. Thế mới hết đạo làm con Giời mà hợp lòng Giời vậy.

III

Về việc tế Giao ở nước Tàu

Lễ Giao bày ra từ đời nào, sách không nói rõ. Từ vua Ngu Thuấn về

(1) Tức là một tiệc.

sau thì đời nào cũng có tế Giao. Nhà Tần bỏ tế giao, chỉ hai đời mà mất nước. Ôi! Giời đề hạn-chế vua, nhà Tần không tôn Giời, còn sợ ai mà không làm càn bậy, làm càn bậy thì tất mất nước.

Nhà Hán vua Cao-đế còn ý theo nhà Tần. Đến vua Văn-đế mới nghị việc tế Giao. Lại đến vua Bình-đế mới lập đàn tế Giao. Lễ Giao phục-nguyên từ đấy, mà Giời Đất tế chung cũng từ đấy.

Vua Quảng-vũ đời Đông-Hán mới lên ngôi, đắp Giao-đàn ở thành Lạc-dương, tế cáo Giời Đất mà tôn vua Cao-đế lên phối-hưởng. Sau đời Tam-đại, tôn tổ phối Giời lại là từ đấy.

Về sau đời nào cũng theo chế nhà Hán. Nữ-chúa nhà Đường là bà Võ-hậu mới đổi đi mà tế riêng; vua Huyền-tôn lại tế chung như cũ. Đến nhà Tống về cái vấn-đề nam-giao phân-tế hợp-tế thật là lôi thôi lắm. Kể phân rồi hợp, hợp rồi phân, biến đổi là bốn lần. Người ưng phân-tế thì nói thế mới hợp cổ-lễ; người ưng hợp-tế thì nói thế thì đã bớt phí mà cũng chẳng trái gì lề lối xưa. Lạ thay! chuyện gì tiện-lợi cho đời nay mà không trái đời xưa thì can gì mà không làm, mà mấy ông Tống-nho thì cứ lắm lời cãi cọ nhau mãi đến nỗi chia bè đảng thù khích nhau thật là vô-lối quá! Nhà Minh vua Thái-tổ nói rằng: « Vua xem Giời như cha, xem đất như mẹ; tế cha tế mẹ mà chia làm hai bàn thì lòng con sao yên! » Ngài mới đặt lệ ra từ đấy về sau, Giời Đất hợp-tế. Đời Mãn-Thanh cũng dùng lệ nhà Minh.

Mãn-Thanh bị đuổi, dân-quốc nổi lên. Bấy giờ Viên Thế-Khải làm Tổng-thống, bàn lại làm lễ tế Giao; duy mũ-miện thì bỏ tua, để tỏ ý Tổng-thống khác Thiên-tử. — Vả chăng Tàu đã đổi làm dân-quốc, thời đã khác hẳn cái học-thuyết, cái chính-thể mấy ngàn năm nay, mà lại tế Giao thì khí khó coi thật. Cho nên báo-quản Tàu lúc bấy giờ nói Viên làm thế là đã tỏ ra rằng có lòng gian muốn xưng đế. — Tuy vậy, Viên mà tế Giao, thì thật có lòng gian thật; còn như lễ Giao, cái chủ-nghĩa đề tôn Giời, là một cái học-thuyết của Thánh-hiền ta nương tựa vào đó. Quốc-thể dẫu khác mặc lòng, Giời thì bao giờ cũng phải tôn. Thế thì tế Giao có hại gì dân-quốc; không hại thì chẳng nên bỏ.

IV

Về việc tế Giao ở nước ta

Nước ta xưa nay vẫn theo đạo Thánh-hiền bên Tàu, nên lễ-chế của nước ta phần nhiều bắt chước Tàu. Về đời thượng-cổ và thời-đại nội-thuộc, thời chẳng nói làm gì. Đời Đinh, đời Lê tin chuộng đạo Phật, cho nên chẳng biết gì đến sự lễ-nghi của Tiên-vương. Đến vua Anh-tôn nhà Lý mới đắp đàn viên-khâu mà tế Giời, nước ta tế Giao là từ đấy. Lệ tế Giao nhà Lý cứ ba năm một lễ lớn, hai năm một lễ trung, mỗi năm một lễ nhỏ. Nhưng lễ trung, lễ nhỏ, không biết làm thế nào, chịu không khảo ra được.

Nhà Trần thay nhà Lý, văn-trị võ-công đời ấy thịnh lắm, còn làm cho rực-rỡ sử-sách đến bây giờ. Thế mà trong một trăm tám mươi năm không thấy nói đến việc tế Giao, Lê hậu-nho khảo-cổ thường lấy làm một sự khuyết-hám vậy. Họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, người Hồ Hán-Thương đắp đàn ở núi Đốn-sơn tế Giời. Giữa lúc tế, bị tay run đổ chén rượu mà bãi tế. Thầy Ngô Ngọ-phong nói Hán-thương là gian-hùng cướp nước, còn có lòng kính gì mà thờ Giời, thật thế.

Vua Thái-tổ nhà Lê dẹp giặc Minh, lên làm thiên-tử. Định lệ đầu mùa xuân thì tế Giao. Vua Thánh-tôn định lại lễ Giao, mỗi năm mỗi tế, trọn đời nhà Lê 300 năm giữ theo lệ ấy mà làm. Đời vua Thế-tôn trong niên-hiệu

Quang-hưng, bấy giờ giặc Mạc chúa yên, vua hãy còn ở tại Vạn-lại. Bèn đắp đàn ở đấy, làm lễ tế Giao; trong bước lưu-ly, còn không quên niềm tôn-kính !

Xét Giao-điển nhà Lê, các đời vua trước, mỗi năm đắp đàn mà tế Giao. Chính giữa đàn thờ Giới Đất ; hai bên các vì Sao. Đến vua Huyền-tôn, mới dựng đền Chiêu-sự, cây gỗ trong đền sơn son thếp vàng, cực kỳ rực rỡ. Ấy là theo lối nhà Minh bên Tàu, nhưng so với lễ đời xưa chỉ quét đất mà tế thì sai nhau xa lắm. Ông Phan Huy-Chú nói làm thế là cải cách thờ quỉ-thần, chớ không hợp lễ thờ Giới. Vì thờ Giới mà làm như thế thì coi ra khinh lờn vậy.

Lại xét cái nghi-chú tế giao của nhà Lê từ trung-hưng về sau, có một điều khiến cho người ta ngao-ngán ! Là gian giữa đền Chiêu-sự là vị ngự-bái, mà hai bên vị ngự-bái thì lại có Vương-thượng và quan Tiết-chế đứng bồi-bái nữa. Vị ngự-bái tức là chỗ vua Lê đứng, còn Vương-thượng là ai ? Là chúa Trịnh. Tiết-chế là ai ? Là quan đại-tướng cũng người họ Trịnh. Truyện xưa có nói : « Chính do nịnh-thị, tế tắc quả-nhơn » là nói vua tuy mất chính-quyền mà tế-quyền vẫn không mất. Họ Trịnh dành cả tế-quyền của vua, thế thì còn vua tôi gì ! còn kể gì lễ Giời mà tế Giời !

V

Về việc tế Giao ở Bản-Triều

Vua Thế-tổ Cao hoàng đế mới tức-vị năm đầu, đắp đàn ở làng An-ninh tế Giới Đất, cáo sự đặt niên-hiệu (là niên-hiệu *Gia-long*). Bản-triều tế Giao từ đấy. Năm thứ hai, khiến bộ Lễ nghị lễ Giao. Năm thứ năm, đắp giao-đàn ở phía nam thành Phú-xuân, tức là đàn Nam-giao bây giờ. Đức Thánh-nhân đặt ra lễ-chế đủ cả, bỏ hết cái qui-mô giản-lậu của nhà Lý nhà Lê mà làm ra phép lớn, để truyền cho muôn đời. Về sau các đấng Thánh-Thần nối lên, thảy đều noi dấu. Nhưng đến cái nghi-văn, thời cũng có tùy thời thêm bớt. Nay chia làm mấy mục mà xét ra như sau này.

1° *Sự sếp đặt chốn Giao đàn.* — Giao đàn đắp trong năm Gia-long thứ 5. Đàn chia làm ba thành. Thành thứ nhất là viên-đàn, thờ Giới Đất. — Thành thứ nhì là phương-đàn, chia làm hai dòng. Bên tả thờ : 1° Đại-minh ; 2° Châu thiên tinh tú ; 3° Phong, Vũ, Vân, Lôi ; 4° Thái-tuế, Nguyệt-tướng. Bên hữu thờ : 1° Da-minh ; 2° Sơn, Hải, Giang, Trạch ; 3° Khâu, Lăng, Phần-điển ; 4° Thiên-hạ thần-kỳ. — Thành thứ ba, góc đông-nam làm chỗ Phần-sài ; góc tây-bắc làm chỗ E-khảm. — Ngoài ba thành làm nền vuông, giồng rặt những cây thông. Bên tả làm nhà Trai-cung, lúc vua hầu làm lễ thì trai-giới ở đó.

Năm Minh-mạnh thứ 20, nhân cớ lúc tế thường phải mưa, mới chế ra màn xanh che trên viên-đàn, màn vàng che trên phương-đàn. Đến năm Tự-đức thứ 14, lại làm giàn trên thành thứ ba mà tế.

2° *Nghi-tiết tế Giao.* — Năm Gia-long thứ 6, đầu đặt lệ *bốc-giao*. Độ tháng giêng, Khâm-thiên-giám chọn ba ngày lành về tháng hai mà tâu lên, Hoàng-thượng dạy bói lại, ngày nào tốt hơn cả thì dùng. Trước tế giao ba ngày, cấm các nha-môn không được tra tù, và cấm không được đồ-tể.

Đầu năm Minh-mệnh làm lễ *thệ-giao*. Trước ngày tế ba ngày, vua hội trăm quan tại đền Thái-hòa mà tuyên-thệ về sự tế Giao. Trước hai ngày, vua đến cáo nhà Thái-miếu. Trước một ngày, giá ngự đến Trai cung. Đến ngày tế, vua suất các quan hành-lễ. Chính lúc tế, Hoàng-thượng mặc áo cổn, đội mũ miện, cầm ngọc Trấn-khuê, đứng dòng

giữa Viên-đàn. Hai ông bưng chén rượu tế tại viên-đàn và tám ông phân-hiến tại phương-đàn thì vua lựa trong các hoàng-tử và các hoàng-thân cùng các đại-thần mà đặt. Các vị ấy đều bận phẩm-phục, đội mũ-miện cả. Quan văn, quan võ từ tứ-phẩm giở lên, lạy dưới thềm thành thứ hai. Văn ngũ-phẩm, võ tứ-phẩm giở xuống, lạy dưới thềm thành thứ ba. Văn lục-phẩm, võ ngũ-phẩm giở xuống quì hai bên đường ngài ngự mà đưa rước. Nhạc dùng nhạc cửu-chương. Múa thì dùng múa bát-dật.

Năm Minh-mạnh thứ 6, dụ truyền cho dân các huyện gần Kinh-thành, đến ngày giá-ngự đến Trai-cung, thì đặt hương-án hai bên đường mà đón rước.

Đầu năm Tự-đức, dụ-chỉ cho các quan ở các tỉnh gần về hầu tế Giao. Năm thứ 13, có lời dụ nói nghi-tiết tế Giao phiền quá, miễn cưỡng mà theo, e có thất-nghi chăng. Bèn định mỗi năm tế Giao, vua chỉ dâng tuần « sơ-hiến », còn tuần « á-hiến » và « chung-hiến » thì có một ông Hoàng-thân với một đại-thần dể thế cho vua. Nay xét sách *Thực-lục*, từ năm Tự-đức thứ 18 giở đi, lúc tế Giao, thường thường có mấy ông thân-phiên đại-thần nhiếp-tế, vì đức Dực-tôn yếu hay se mình. (1)

3° *Ngày tế Giao* — Thủa Gia-long, tế-giao trong tháng hai. Đến đời Minh-mệnh, vua dụ bộ Lễ nói : Đời xưa tế Giao về tiết Đông-chí. Bản-triều tế về tháng hai, không biết lấy nghĩa gì? Bèn đổi lại tháng ba. Lúc Tự-đức, lại đổi lại tháng hai. Năm Tự-đức thứ 19, định lại cứ lựa ngày *tân* trong tháng hai mà tế, không làm lễ bốc-giao nữa.

Lễ tế Giao Bản-triều, mỗi năm mỗi tế. Từ đời Gia-long đến Kiến-phúc cũng vậy. Bây giờ ba năm tế một lần, cái lệ ấy đặt ra từ năm thứ 3 niên-hiệu Đồng-khánh.

4° *Phối Giao.* — Đời vua Gia-long, mỗi năm tế Giao rước vua THÁI-TỔ-GIA-DỤ phối-hưởng. Năm Minh-mệnh thứ 3, rước vua THẾ-TỔ-CAO-HOÀNG-ĐẾ phối-hưởng. Năm Thiệu-trị thứ 3, rước vua THÁNH-TỔ-NHÂN-HOÀNG-ĐẾ phối-hưởng. Năm Tự-đức thứ 3, rước vua HIẾN-TỔ-CHƯƠNG-HOÀNG-ĐẾ phối-hưởng. Năm Thành-thái thứ ba, rước vua DỰC-TÔN-ANH-HOÀNG-ĐẾ phối-hưởng.

Đức CẢNH-TÔN-THUẦN-HOÀNG-ĐẾ, mở vận trung-hưng, công đức tày giời, chép trong sử-sách, thật là rực rỡ thêm cho Liệt-thánh. Năm nay, Hoàng-thượng ta mới rước Ngài thăng-phối, thật là thỏa cái lòng thảo của Bề-trên mà cũng phỉ cái lòng trông của thần dân vậy.

VI

Quốc-dân ta đối với lễ Giao quan-niệm ra thế nào?

Trước kia đã nói : Tế giao là cái công việc của vua đối với Giời mà cũng là cái công việc của vua đối với dân. Muốn chứng-minh cái nghĩa ấy lại xin kể truyện này : Năm Minh-mạnh thứ 21, trước ngày tế Giao, Ngài ngự se, bấy giờ vua HIẾN-TỔ còn làm thái-tử, xin chọn ngày khác. Vua Thánh-tổ nói : « *Ôi ! Cái trách-nhậm làm vua chỉ có bốn điều : Kính-thiên, Pháp-tổ, Cần-chánh, Ái-dân, không bao giờ xao lãng được. Huống nay vì cầu phúc cho dân, mà cất lễ tế lớn, đã có ngày nhất-định, lẽ nào đổi được* ».

Hoàng-thượng ta lên ngôi đến nay, cùng với chánh-phủ Bảo-hộ sắp đặt trăm việc, đều là vì quốc-dân ta. Hội này tế Giao, Hoàng-thượng tất đã hết lòng kính Giời mà cái lòng vì dân cầu phúc cũng không khác gì đức Thánh-tổ. Bây giờ cái quan-niệm của quốc-dân ta phải nên thế nào để đừng phụ tấm lòng của Hoàng-thượng đối với dân ?

(1) Se tức là đau.

Ôi ! Đem cái tình-thế nước ta ngày nay mà so với ngày trước thì khác hẳn. Hội này là hội cạnh-tranh kịch-liệt, ai hay thì nên, ai hèn thì hỏng, mà nước ta lại ở vào chỗ xung-yếu châu Á với châu Âu. Nghề sinh-kế còn kém, dân-trí còn thấp, xét trình-độ tấn-hóa của ta thật là chậm chạp quá. Thế thì cái vị-trí của nước ta ở trên quả đất này chẳng là nguy-hiểm lắm ư ! Nhưng mà may ! Đã hơn 30 năm nay nhờ có Đại-Pháp là một nước tự-do, bình-đẳng, bác-ái để giữ gìn cho ta, dạy bảo cho ta, thì dẫu đến thế nào ta cũng vững lòng được.

Tuy vậy, ta thử nghĩ được thế là nhờ ai ? Có thể nói được là *nhờ Giời*. Giá mà nước ta từ 50 năm ấy về sau, còn cứ độc-lập như cũ, thì đến bây giờ cái vận-mệnh nước nhà ra thế nào, cũng khó mà đoán được. May đâu sớm đi 50 năm mà vào tay một nước mạnh ở châu Âu, lại may đâu không chậm lại 50 năm mà vào tay một nước mạnh ở châu Á. Vào tay nước mạnh châu Âu, mà còn mong có ngày mở mặt ; vào tay nước mạnh châu Á thì tất là không có thủa cất đầu ! Cái gì vinh, cái gì nhục, cái gì họa, cái gì phúc, ta nghĩ lấy thì biết.

Thà sớm đi mà không thà chậm lại, ấy có phải là tại Giời không ? Tôi nghĩ thế mà cám ơn Giời phúc cho nước ta rất lớn ! Tôi nghĩ thế mà lại mong rằng nước ta hưởng phúc Giời còn dài ! Lòng Giời đã thế, thì lòng Hoàng-thượng ta tất theo Giời mà vẫn thế.

Quốc-dân ta bây giờ phải biết lòng Giời như thế mà thuận theo thời Giời, sợ mệnh Giời, đừng có nghịch Giời mà mang lấy họa. Phải biết lòng Hoàng-thượng như thế mà thề theo một lòng tin cậy nước Bảo-hộ, mà vâng Bảo-hộ làm thầy. May ra Giời cũng chiều lòng, có một ngày Bảo-hộ sẽ xem ta như bạn. Non-sông Lạc-Hồng còn dài mãi mãi, vẻ vang rực rỡ, ấy là tại chúng ta ! Như thế thời không phụ lòng Giời, tức là không phụ lòng Hoàng-thượng vậy.

CHƯƠNG-DÂN.

Khúc Đào-hoa tiếu

桃 花 笑 新 曲

Sắc với tài,
Khéo lỏi thôi.
Càng thêm giẫy giụa với đời,
Ông xanh khéo khéo buộc cho người.

Giận cho phận,
Ngán cho đời.
Có khi muốn khóc lại buồn cười,
Kia con chim nhạn tuyệt vời cao bay !

Tri-âm xa cách,
Buồng loan tịch mịch,
Giọt mưa thánh thót ngoài sân khuya,
Đồng hồ trên tường kêu róc rách,
Gió thổi ngoài vườn,
Mọt nghiến trong vách.
Một ngọn đèn xanh mờ,
Ngồi tựa bên án sách,
Nỗi riêng riêng những ngậm ngùi xuân,
Tâm-sự biết cùng ai bộc bạch.

SONG-KIM

Kỳ này có bài Kỷ-sự di Huế dài quá, xin giảm hai mục « Triết-học » và « Khoa-học ».

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CŨ

Cụ Yên-đỗ

Thu-điếu

Ao thu lạnh-lẽo nước trong-veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo-teo.
Sóng biếc theo lan hơi gợn tí,
Lá khô trước gió sẽ đưa vèo.
Từng mây lơ-lửng giời xanh-ngắt,
Ngõ trúc quanh-co khách vắng teo.
Dựa bóng buông cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Thu vịnh

Giời thu xanh ngắt mấy từng cao,
Cần trúc lơ-phơ gió hắt-hiu.
Nước biếc coi như từng khói phủ,
Song thưa dễ mặc bóng giăng vào.
Năm chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

Mừng ông Ngũ-sơn làm Đốc-học Hưng-yên (1)

Lâu nay không gặp ngỡ xa đàng,
Ai biết rằng ra giữ mõ làng.
In sáo vẽ cho thằng mặt trắng,
Bẻ cò tính lại cái lương vàng.
Truyện đời hãy đắp tai cài trống, (2)
Lộc thánh đừng lừa nạc bỏ xương.
Cũng muốn ra chơi chơi chửa được,
Gió thu hiu-hắt đậm mầu sương.

Đông-châu Nguyễn-hữu-Tiến *sao-lục.*

Thơ cối say

Khen con tạo hóa cũng tài thay,
Khéo tạc nên hình cái cối xay.
Tiếng nói ầm-ầm như sấm động,
Miệng cười dăng-dắc tựa mưa bay.
Lưng đeo đai bạc trăm vành nặng,
Giạ chất lòng vàng một ngỗng ngay.
Lại có hai tai thông sáng cả,
Gác ngoài danh lợi lắc đầu quay.

Hàn-ngọc-Trì *sao lục*

Ngạc-đình thi văn tuyển-lục

Ngạc-đình Nguyễn *tiên-sinh húy* Hữu-Tạo, *tự* Thành-chi, *người Đông-ngạc Hà-đông; đỗ Tiến-sĩ năm* Giáp-thìn (*Thiệu-trị năm thứ tư — 1844*), *làm Bố-chính Sơn-tây.*

Năm Nhâm-tuất (*Tự-đức thứ 15 — 1862*), *ở vùng thượng-du Tuyên-quang có giặc Nùng-Thổ nổi lên, đốt phá dân-gian tàn hại. Cụ phụng-mệnh đi chiêu-phủ, khi hành-quân đi trèo đèo lặn suối, có bài thơ tức-sự; lại có một bài ra răn quân-sĩ không được những-nhiễu, bởi vậy đi đến đâu dẹp yên đấy. Thi ca chép như sau này.*

Hành-quân tức-sự

Mở địa-đồ xem suốt tối mai,
Bàn tay như vẽ khúc sông dài.
Miệng ngòi (3) thét ngược đòi Cầu-ngựa,
Lưng núi càn ngang nửa Dốc-nai (4).
Mái cọ (5) tuyết dầm gio lẫn khói,
Bởi chông (6) bùn ngậm rễ chồi gai.
Ta đi nó lại đi rồi lại,
Lần-quất ma rừng ấy bởi ai?

(1) Ngũ-Sơn là biệt-hiệu ông Nguyễn Thượng-Phiên, người làng Liên-bát phủ Ứng-hòa, đỗ khoa Nhã-sĩ đời Tự-đức, làm đến Thượng-thư.
(2) Có bản chép là « Cài trốc ». Tục-ngữ: Đắp mai tai cài mái trốc.
3) Ngòi là ngòi nước chảy. (4) Cầu ngựa, Dốc-nai đều thuộc về vùng thượng-du Tuyên-quang
(5) Mái cọ là mái nhà lợp lá cọ, bị giặc đốt pha.
(6) Là bởi chông trả đền giặc khi trước lại thấy mọc mầm, ý là nói giặc đóng ở đấy đã lâu.

Giới quân-sĩ ca

Nghìn xưa dạy phép hành quân,
Việc quân nên lấy chữ *nhân* làm đầu.
Công danh là chữ về sau,
Những đồ tiểu-lợi hay đâu mà hòng.
Chinh-phu mấy kẻ tương-tòng,
Miếng cơm tấm áo cùng trong cao dầy.
Binh đao chừng mấy tháng nay,
Ân trên che chở, nghĩa thầy xót thương.
Rấn thân vào cuộc chiến-trường,
Nghĩ người gối đất, nằm sương sót tình!
Bên giời chửa dẹp lửa binh,
Biết bao gai góc, đã đành lầm than.
Nào nơi nhà cửa sương tan,
Trông ra thấy những gio tàn khói bay.
Nào nơi đồng nội cỏ dầy,
Trâu bò lạc luống, bừa cày vắng tanh.
Nào nơi hàng quán họp hành,
Xạc xào góc chợ, chông chênh bên đường.
Nào nơi thuyền khách thông thương,
Mái chèo cắm dọc, cánh buồm vắt ngang.
Kìa ai hay lũ nón vàng,
Trách ai ra cũng một phường tham-sì.
Tài mà chi, lợi mà chi,
Chờ cho hết giặc còn gì là dân.
Nhiễu-nhương biết mấy mươi lần,
Tính phần sợ giặc hơn phần sợ quan.
Ngọn cờ treo chữ « *chiêu-an* »,
Binh-qua rồi nữa co-hàn làm sao!
Của ai xin chớ tơ hào,
Kẻo e chinh-chiến biết bao giờ rồi.
Hoặc là lấy của làm mồi,
Dử cho vào lưới vào rồi mất ra.
Hoặc là tiếc của xót xa,
Thấy người nặng gánh nó ra nó liều.
Hoặc là ngõ vắng, đường heo,
Binh quan lên trước giặc theo sau rồi.
Hoặc là dặm vắng đường dài,
Mặt trong bòn của, mặt ngoài vướng chông.
Khuyên nhau một sức một lòng,
Ra tay địch-khái [1] đền công truy-tùy.
Máu tham nào có hay gì,
Đã mòn vai gánh, lại bia miệng cười.
Của người là cái nợ đời,
Của thần kia dẫu đền mười chửa yên.
Câu thề nhớ lấy đừng quên,
Đem nhời khẩu-thiệt, thay quyền phủ Phòng khi quan-pháp vô-thân, [cản.] [2]
Cái gươm vi-mệnh [3] cũng gần không xa.

Đông-châu NGUYỄN HỮU-TIẾN
phụng-sao

DỊCH ĐƯỜNG THI

蘇 臺 覽 古

Tô-đài lãm cổ

舊 苑 荒 臺 楊 柳 新

Nhà không mà liễu buông mành,

菱 歌 清 唱 不 勝 春

Vui xuân xuân biết dãi tình cùng ai.

只 今 惟 有 江 西 月

Hỏi giăng giăng đứng bên giời,

曾 照 吳 王 宮 裏 人

Có từng quen mặt với người ngày xưa.

春 夜 洛 城 聞 笛

Đêm xuân ở Lạc-thành nghe sáo

誰 家 玉 笛 暗 飛 聲

Ấy ai sẽ lựa tiếng sinh,

散 入 春 風 滿 洛 城

Đêm xuân cho khách Lạc-thành lắng tai.

此 夜 曲 中 聞 折 柳

Não nùng nghe suốt canh dài,

何 人 不 起 故 園 情

Mấy chồi tang tử ai ai cũng tình.

---

(1) Là dịch lại kẻ vua giận, ý là trỏ quân giặc.

(2) Là lấy nhời nói mà khuyên răn, để thay quyền rìu búa.

(3) Tống Tào-Bân răn quân-sĩ rằng: « Vi mệnh giả thị thử kiếm! » Nghĩa là đứa nào trái mệnh thì coi cái gươm này!

殿 前 曲
Điện tiền khúc

昨 夜 風 開 露 井 桃
Đêm qua gió động cành dào,
未 央 前 殿 月 輪 高
Giăng dòm cửa điện như chào hỏi ai.
平 陽 歌 舞 新 承 寵
Ân riêng chỉ có một người,
簾 外 春 寒 賜 錦 袍
Xênh xang áo gấm ở ngoài rèm châu.

西 宮 春 怨
Tây cung xuân oán

西 宮 夜 靜 百 花 香
Mái tây đêm ngát mùi hương,
欲 捲 珠 簾 春 恨 長
Rèm châu bỏ mặc mình thương nỗi mình
斜 抱 雲 和 深 見 月
Ôm đàn đứng suốt năm canh,
朦 朧 樹 色 隱 昭 陽
Mơ màng bóng thỏ ở cành Chiêu-dương.

西 宮 秋 怨
Tây cung thu oán

芙 蓉 不 及 美 人 妝
Mặt hoa trông nhạt mầu hoa,
水 殿 風 來 珠 翠 香
Gió dung rèm ngọc, hương pha áo mùi.
却 恨 含 情 掩 秋 扇
Quạt thu che lại cho rồi,
空 懸 明 月 待 君 王
Treo gương ngọc thỏ, đợi người kim [môn.

長 信 秋 詞
Trường-tín thu từ

寒 箒 平 明 金 殿 開
Nhà vàng vắt sạch lưng lưng,
且 將 團 扇 暫 徘 徊
Quạt ngà khép mở độ chừng sớm mai.
玉 顏 不 及 寒 鴉 色
Có đâu mắt phụng mày ngài,
猶 帶 昭 陽 日 影 來
Lại thua cánh ác ở đài Chiêu-dương.

黃 鶴 樓 送 孟 浩 然 之 廣 陵
Trên lầu Hoàng-hạc tiễn Mạnh Hiệu-Nhiên đi ra đất Quảng-lăng

故 人 西 辭 黃 鶴 樓
Khách từ giở gót xuống lầu,
烟 花 三 月 下 揚 州
Đưa đường xuân khéo nhuộm mầu cỏ [hoa.
孤 帆 遠 影 碧 空 盡
Cánh buồm thấp thoáng nẻo xa,
惟 見 長 江 天 際 流
Bên giời man mác nước pha nửa vời.

早 發 白 帝 城
Tảo phát Bạch-đế thành

朝 辭 白 帝 彩 雲 間
Lá thuyền từ khoảng mây xanh,
千 里 江 陵 一 日 還
Một chèo về tới đến thành Giang-lăng.
兩 岸 猿 聲 啼 不 住
Tiếng viên vẻo vót bên rừng,
輕 舟 已 過 萬 重 山
Cánh buồm vượt đã mấy từng núi non.

Văn tế vợ

(*Của Võ Phán-Suất, huyện Nam-chân*)

Than rằng :

Bóng quang-âm vi-vụt, sự đời thôi đề cả khúc « ca-bồn » ;
Hồn kim-cổ bâng-khuâng, cơ tạo thế trách chi người « khóc túi »,
Ca như không mà khóc cũng như [không,

Lăng thêm tủi dầu nói càng thêm tủi.
Sân nhạn thủa sắt-cầm hòa-hợp, vẻ phong lưu phụng múa loan chiều ;
Phòng loan khi mai trúc xum vầy, duyên đằm-thắm hoa cười ngọc nói.
Nhà thanh-bạch lấy kiệm-cần nẩy mực, siêng bề kim-chỉ gác trâm-thoa ;
Cửa nghiêm-từ đem hiếu kính treo gương, mảng việc tảo-tần khuây đệm gối.
Khuê-nghi mấy chút nào sai,
Khổn-hanh ti hào dám lỗi.
Xuân huyên hai khóm, lo mưa ngại nắng dạ hằng chăm ;
Đường lệ mười cành, dỡ gió che mưa tình đã bội.
Ấn họ Mạnh những ngang mày cứ mực, ấm êm đành hương lửa bén duyên ;
Cửi nàng Tô không vác mặt làm thinh, may mắn cũng rồng mây gặp hội.
Rắp cánh hồng dầu muôn trượng xông [pha,
Theo vó kỳ vốn một niềm gắng gỏi.
Miền Hoan-khổn thủa theo đòi thư-kiếm, nghìn dặm diễn một đoàn mẵng sữa, vóc phù-dung từng sương nắng dãi dầu ;
Cửa Tiên-công khi xây đắp đỉnh-chung, mấy thu tròn tìm thú cỏ hoa, chăn thúy-vũ những bèo mây xốc-xổi.
Cầu thề xe ngựa khách đông tây ;
Quản mộng công hầu giời sớm tối.
Miền Nam-hải mấy nao binh-hỏa, chông gai man-mát ngại đi về ;
Mái Đông-dương một gánh giang-sơn, mưa nắng chập chờn riêng ngửa cúi.
Những ngại-ngùng cỏ đón hoa đưa,
Từng lận đận trần pha gió ruổi.
Phố Bồng-lãng buổi rập rềnh sóng ngạc, lắng tin thu vừa yên ngả tiềm tàng ;
Dải Hàm-giang khi phảng-phất thư hồng, pha tuyết giá lại tiếc chừng thăm hỏi.
Đầu sao chân tuyết, chiếc bóng bơ vơ,
Mặt nước da giời, mấy lần lặn lội.
Oan khóc nhẽ buổi chọn canh kén cá, tấm tờ đoan-chỉ mới rành rành ;
Chua xót thay khi rấp ngọc vùi hương, giọt nước lấy-nhi còn hôi-hổi ;
Ôi ! Đồng-đình thu lão, nguyệt lặn ngàn-sương ;
Lãng-uyển xuân tàn, hoa bay đỉnh khói.
Trong hai kỷ kết nguyền bạch phát, êm chăn ấm chiếu đã bao lâu ;
Ngoài ba tuần mơ giấc hoàng-lương, rất tóc lìa tơ sao nỡ vội ?
Gánh nặng những theo dài, dầu mỏi gối chồn chân mà trở lại, sao chẳng rốn ít nhiều năm nữa ? Khi bĩ còn có khi thái mấy, thấy vinh-hoa cho bỗ lúc phong trần ;
Chữ đồng còn tạc đề ; dầu nuốt oan ngậm tủi phải nên lìa, sao chẳng trao mấy chút nhời chi ? Kiếp này đã vậy kiếp sau chăng, may gặp gỡ lại đính nguyền sông núi.
Đã biết cùng-thông là mệnh cả, song gia-đạo được em về vun vén, anh thôi rất đường xanh thời lên cửa tía, trong danh phận thấy một ngày một mới, cũng vì em mà gấm lại hoa thêm ;
Đã hay tu-đoản chẳng giời ru, nhưng mệnh-đồ từ anh phải bôn ba, em dã pha bãi bạc lại lội ngàn sương, lúc tử-sinh còn nửa sợ nửa ngờ, cũng vì anh để mày lầm nguyệt tối.
Giấc nhục vinh tưởng lại luống bồi hồi,
Đoạn ly hợp giở ra càng bối rối.
Chẳng biết rằng duyên rằng nợ, những gian-truân làm nay hợp mai tan ;
Nào xong là hiếu là trung, vì quốc-bộ những ba chìm bảy nổi.
Gặp ghềnh thế-lộ luống băn khoăn,
Man mát gia tình khôn giở giói.
Bốn ân nặng còn hai chưa báo đáp, vì tuổi tác gia mồi tóc bạc, dễ nài ai đỡ việc thần-hôn ;
Sáu tình thâm mới một đã vun giồng, còn thơ ngây bát máu hạt sương, khôn mượn kẻ thay nhời huấn-hối.

Ngờ nên nỗi chiếc-đơn gối đệm, mà phận lỡ-làng phải chịu, đến cơn vui ít để buồn nhiều ;

Thời trước đừng dan-díu chỉ tơ, kẻo công gây dựng chưa cam, thêm lẻ xấu đều hơn tốt lỏi.

Sự chi-thường xiết kể tẻ cùng vui,
Điều dĩ-vãng lọ bàn may với rủi.

Gẫm lại đã đành cho kẻ khuất, tuy chửa hẳn non Bồng hay nước Nhược, song trần-ai từ đấy đã không rồi ;

Suy ra khi hồ chút người còn, há rằng mê nẻo lợi với đường danh, mà thành-thị buổi này thêm ngán nỗi.

Túi cơm giá áo, ngồi đứng bẽ bàng.
Cửa mốc sân rêu, ra vào lủi thủi.

Cảnh tiêu-tao người thấy cảnh rầu rầu,
Người thê-thảm cảnh trêu người ròi rối.

Nương gối mong tìm trong giấc bướm, bướm ngơ-ngẩn mà người đà thăm-thẳm, ngao ngán nhẽ, sương thời tiêu, mây thời tản, hoa thời rụng, nguyệt thời tà ;

Giở gương muốn bỏi dưới hồn loan, loan ủ-ê mà bóng đã mờ-mờ, bát-ngát thay, gương để mốc, phấn để meo, cầm để long, tranh để bụi.

Thôi thôi !

Châu rơi rốn bể, bảng-lảng khôn dò,
Sao lần da giời, mịt-mù dễ với.

Trâm ngọc phải đường kêu thủy-quốc, dẫu bể kia sâu mấy trượng cũng liều ;

Bút son có nhẽ gửi thiên-tào, thời mạng ấy phỏng trăm quan cũng đổi.

Phần vì đức cao dày cảm đội, nợ anh còn chịu đấy chửa đền xong ;

Phần vì tình trứng nước đeo mang, dẫu em để lại cho nào rứt khỏi.

Chữ vô-duyên cam trước đã thẹn-thò,
Câu hữu-đức tưởng sau càng mong mỏi.

Đã cậy hoàng-thiên có mắt, gương nghĩa ngắm lâu dài ;

Sá thù nguyệt-lão đang tay, xe tơ sao dứt mối.

Kiếp ấy dù quên hay nhớ, xum-họp bấy nhiêu năm về trước, khoảng bán-đồ mà nước chảy hoa trôi ;

Giăng kia đã khuyết thời tròn, ước-ao trăm nghìn tuổi về sau, chữ đồng-huyệt lại vàng tương đỏ trói.

Rầy nhân :

Đường đạo viện lề ;
Lễ nhà theo thói.

Ai oán nhẽ ! ân tình bao giả được, gọi là bát nước mảnh hương ;

Hồ thẹn thay ! lễ nghĩa gặp khi này, tạm chút lưng rau đĩa muối.

Bi thiết chữ « *nhất thốn tâm, thiên vạn cổ* », hương đăng một chiện giữ đôi hàng ;

Cảm cảnh câu « *tam xích thổ, bách niên phần* », giấy thảo ba hàng đưa chin suối.

THƠ VĂN MỚI

Ông Nguyễn Mạnh-Bồng *là biểu-tôn cụ Thượng Văn-đình Thái-tử thiếu-bảo hiệp-tá đại học sĩ Quát-tần* Dương Mộng Thạch, *có sao được một ít văn nôm của cụ, bản-quán xin lục đăng dần để cùng các bạn đọc báo một mối phong-nhã cao-thượng. Cái tài học, cái hoài bộ của cụ-tôn chắc Nam Bắc Trung tam-kỳ ta ai ai cũng rõ, bản báo không cần phải trên gấm thêm hoa nữa*

Hát sinh-nhật

Phụ-mẫu cù-lao kim thử nhật, văn-chương tàn thặng hữu dư niên.

Mang tửu-thi vui với thú lâm tuyền, chẳng hoạt-phật cũng thần-tiên trong thế-giới. *Thức mục ngũ đại châu chi đại, Hà thời sơn thủy phục cao thanh ?*

Thôi đừng mang lão-lệ với đàn tranh, kìa kỹ-nữ cũng thương-sinh đâu đấy nhỉ ? Mảnh ti-trúc ai là tri-kỷ, ngón ti-

bà năn-nỉ với ai đây ? Thôi say tỉnh lại tỉnh say, ba vạn sáu nghìn ngày chừng cũng thế. Ngoảnh mặt lại mấy phen dâu bể, thương cuộc đời mà vui-vẻ riêng ai. Thưa cô cô cũng như tôi !(1)

* * *

Chơi chùa Hương-tích ngẫu đề

Hà xứ Đào-nguyên lộ,
Mai-lâm Yến-vĩ khê.

Nam thiên đệ-nhất ai đề ?
Ra vào cõi phật đi về cảnh tiên.
Kìa núi biếc vẫn quen đầu bạc,
Hỏi mấy lời ghi-tạc non sông.
Hỏi tiên trên đỉnh non bồng,
Hỏi phật trong động sắc không thế nào ?
Hỏi thế-giới cớ sao như vậy,
Hỏi giang-sơn còn mấy tang thương ?
Hỏi thế-đạo hỏi văn-chương,
Hỏi ông tạo-hóa chủ-trương bề nào,
Hỏi sơn thủy thanh-cao mãi thế,
Hay cỏ cây nhuộm vẻ mầu thu.
Hỏi hang hỏi động hỏi chùa,
Hỏi chim gõ mõ Thiên-trù mãi không ?
Hỏi khánh đá trống đồng thủa trước,
Hỏi Tầy-oan rửa được bao người.
Hỏi mình chẳng hỏi hỏi đời,
Hỏi non chẳng nói chẳng cười với ai ?
Của con tạo cho người đã biết,
Còn ai là phong-nguyệt chủ-nhân.
Trăm năm mắc nợ hồng-trần,
Thanh-sơn còn được mấy lần gặp nhau.
Tuổi già xin hỏi mấy câu . . . .
. . . . . .

* * *

Tập bình-sử

Từ khi cụ về hưu-trí đến giờ hay trước-thuật, có cùng với các quan đại-thần cùng làm một tập bình-sử, trong tập phần nhiều của cụ, còn của các bậc khác, cụ nhuận-sắc lại; xin lựa đăng dần để cung chúng-lãm.

Trương Phu-Duyệt

Ông Duyệt *là quan Thượng-thư nhà Lê, đời vua* Chiêu-tôn. Mạc Đăng-Dong *bách vua nhường ngôi, với bảo ông ấy thảo bài thiện-chiếu. Ông ấy dương mắt mắng rằng : « Ấy là nghĩa gì ? ». Sau mới bảo* Nguyễn Văn-Thái *làm.*

I

Ủng áo tay mình có sẵn đâu,
Áo ai sắp sẵn đã bao lâu.
Và câu ấp tốn dù che miệng,
Một bút xuân-thu cũng chém đầu.
Sao chẳng ở đâu yên ở đó,
Làm gì trông trước lại trông sau.
To gan nào những ai dương mắt,
Vô-số người ta chực nhổ giầu. (2)

II

Trương này mới gọi là Trương,
Trương này mới có tam cương ngũ-[thường.
Mắt dương trái mật cũng dương,
Rõ-ràng nghĩa-phủ rõ ràng trung-can.
Trương đâu có Trương Phúc-Loan,
Nhắm mắt chẳng biết thế-gian chê cười.
Lấy ông Phu-Duyệt mà coi,
Trăm năm không thẹn tiếng người họ [Trương.

III

Mới nghe hai mắt đã dương to,
Đổi áo thay xiêm khéo giở trò.
Ap tốn vẫn làm thang Thảo Mãng,
Văn-chương lại cái nợ Đường Ngu.
Kìa ai trước mặt toan bưng-bịt,
Có kẻ trong tay muốn thập-thò.
Báo-quốc còn nhờ ba tấc quản,
Bút trong dám điểm một ngòi ô.

I

Phụng đọc nhời thánh-dụ hữu-sở-tư

Mấy nhời trên dụ mấy hàng châu,
Chắc-lậu vâng trong ý-tứ sâu.

---

(1) Hôm sinh-nhật cụ có làm hai bài hát nói cho có đầu, đủ cả câu miễu, kỳ này hãy xin lục một bài, sau sẽ lục đủ cả.

(2) Đăng-Dong tiếm ngôi rồi đòi ông Vũ-Duệ vào hầu, ông ấy nhổ giầu vào mặt. Ông Nguyễn-Thái-Bạt cũng thế.

Hàn-cốc âm-nhai xa-cách lắm,
Lăng-vân lưu-thủy dễ nghe đâu.
Trong lòng kinh-tế khôn bày vẽ,
Ngoài vỏ văn-minh dám nhiễm mầu.
Chẳng nói lấy gì đền vạn-nhất,
Nói ra e-lệ cũng nhiều câu.

II

Tự tả ảnh-tướng

Tuổi ngoại năm mươi tuổi chửa bao.
Râu mày soi đã sáng như sao.
Bạc đương hồi đỏ tiền không sẵn,
Ngọc đợi ai mua giá chẳng rao.
Tôm chực lưng người mà dám chắc,
Cờ ra nước chậm vẫn khoe cao.
Hỏi mình đã vững khôn ngoan chửa ?
Còn muốn đua chen đến bậc nào.

III

Tự-vịnh

Thân ở đời nay nết ở xưa,
Chan-chan kẻ ghét với người ưa.
Hai vai trung hiếu lo còn thiếu,
Một cuộc gian-tân nếm đã thừa.
Mùi sách vẫn say ăn phải sớm,
Mộng đời chửa tỉnh ngủ thường trưa.
Lúc nào xuân chẳng thường đi lại,
Bóng nguyệt long-lanh gió thướt-tha.

IV

Đánh tổ-tôm

Cuộc bày năm cửa rộng quân săn,
Chước chửa nên ăn hóa chửa ăn.
Lão hẳng nằm *khàn* thừa *vạn sách*,
Chí còn bắt *phỗng* đợi *thang văn*.
Ăn kim xoáy nước cải quân đề,
Đánh mánh thây người cạnh cánh lăn.
Gặp nước ta chờ tay mở lấy,
Ù thông một *hội* đố ai ngăn.

V

Ngồi nghỉ không đánh bạc

Canh bạc đè đen gặp tự-nhiên,
Gặp sao không đánh? đánh không tiền!
Ngán cho một lũ minh hèn quá,
Tiếc nỗi năm khuôn vận đến liền.
Lễ mọn chớ hề mong phật-hộ,
Tay không hồ dễ chực mua tiên.
Muốn cho khỏi bệnh đành tìm thuốc,
Chứa ngải ba năm bệnh khác thuyên.

VI

Tương-tư

Yêu nhau vì nết thiếu chi người,
Tháng đợi năm chờ chỉ vị ngươi.
Mắt thép càng trông càng thấy sắc,
Mặt hoa một nở một thêm tươi.
Lắng tai ở chốn ngoài muôn dặm,
Biết sức từ khi quá bốn mươi.
Có phải duyên giời xe hợp lại,
Chung nhau ta mở tiệc vui cười.

VII

Hựu tương-tư

Mình sẵn tư-trang tớ sẵn tài,
Thiên-duyên xe lại vẹn tròn hai.
Trong phòng son phấn mình thừa thãi,
Ngoài khổn kinh-luân tớ kém ai.
Lệch nước nghiêng thành từng buổi nọ,
Tuôn mây đè sóng chắc nay mai.
Cá rồng vì muốn yên làn biển,
Chờ lúc đôi ta đẹp sánh vai.

VIII

Khất-cái

Kẻ lúc trần-ai nọ quản danh,
Nhà đâu bốn biển đến là đành.
Gậy khua Tần Sở còn đang chống,
Bị vét càn khôn chắc đã nhanh.
Khắp nước mấy người thông nói truyện,
Nằm đình sẵn dứa chực cầm canh.
Rồi đây có hội ra tay bát,
Thường vậy phi-thường mới biết anh.

IX

May rủi

Vận rủi cho đời rủi hóa may,
Ngày sau may hóa rủi ngày nay.
Vỡ bình gặp rủi may còn cốt,
Hay thuốc là may rủi đứt tay.

Có rủi mới may không rủi mãi,
Đã may lại rủi chửa may ngay.
Biết cho càng rủi càng may lắm,
Mài sắt nên kim cốt buổi này.

X

Văn-minh tiến-hóa

Của giời nhân sẵn chế thêm ra,
Dẫu Thánh minh tài cũng chẳng qua.
Khéo vụng mỗi ngày thêm mỗi vẻ,
Hay hèn trăm kẻ biến trăm hoa.
Khôn dần không phải sau hơn trước,
Học lẫn đừng chê nó kém ta.
Thay mặt thợ giời ai đó nhỉ,
Quả cầu nghiêng lệch biết chăng mà?

Phượng-Tường NGUYỄN VĂN-DIỄM.

Đề đền Hùng-vương

Miền tây cao ngất núi vua Hùng,
Đất ấy xưa là đất Lạc-Long.
Mười tám đời vua gây mãi giống,
Bốn nghìn năm cháu chửa quên ông.
Sây Lăng sửa Miếu khen ai khéo,
Ăn quả trèo cây nhớ kẻ giồng.
Nước tổ dấu thơm còn đề đó,
Làm bia ghi tạc với non sông.

Hùng-vương Kỷ-niệm-hội

Mồng mười ngày hội tháng ba,
Hội là Kỷ-niệm vua cha nước nhà.
Sông kia một giải Hồng-hà,
Núi kia cao ngất gọi là Hùng-sơn.
Phong-châu nền cũ thác-bàn,
Lạc-Long cùng họ Hồng-Bàng gây ra.
Hơn hai mươi triệu dân ta,
Bốn nghìn năm nước thực là dài lâu.
Gió giăng trải biết bao thâu,
Nước non non nước một mầu thanh cao.
Đường đi tinh chẳng là bao,
Tiên-kiêng ga ấy thẳng vào thong dong.
Hi-cương cổ-tích bên trong,
Đất này là đất vua Hùng ở đây.
Có lăng có miếu mới xây,
Có chùa có tháp có cây cổ-tùng.
Có giếng đá có nước trong,
Hai bà thần-nữ linh-tung vẫn còn.
Dấu thơm từ trước chẳng mòn,
Tiên rồng lại nở ra con tiện rồng.
Ai ôi! đến hội mà trông,
Nơi tung diều sáo nơi giồng du tiên.
Nào cờ nào trống nào đèn,
Nào xe nào ngựa như nêm chật đường.
Leo giây múa rối đủ phường,
Đánh cờ cheo giải lạ nhường vui thay.
Khen ai khéo mở hội này,
Sứ-đường tỉnh-hiến là người chủ-trương
Kia hội-nghị nọ trình-chương,
Công cao đức lớn làm gương đó mà.
Muôn nghìn cháu chắt gần xa,
Rủ nhau thăm tổ ngày là hôm nay.
Văn-minh kết-quả sau này,
Hỏi ai ăn quả nhớ cây ai giồng.
Sinh ra Nam-quốc giống dòng,
Đọc Nam-ca-khúc đề đồng-bào nghe.

DƯƠNG TỰ-NHU
Tri-huyện Cẩm-khê (Phú-thọ)

TỪ-KHÚC MỚI

Trước tôi có bắt chước điệu Tàu đặt ra quốc-văn ta và tự sáng-kiến mấy khúc Từ mới. Vụt đàn có SONG-KIM *Nguyễn tiểu-thư phun-châu nhả-ngọc ra mấy điệu rất êm đềm. Nhân thế, mà tôi phát ra một cái tư-tưởng rằng các nhà Nữ-sĩ làm từ-khúc thì dễ hay, kia như bà* LIỄU-HẠNH *cũng có mấy điệu tả « tứ-thời » thì văn-chương lưu-loát nhởi nhơ réo-rắt biết là chừng nào. Ý chừng nhởi từ nó hởi-hợt, điệu từ nó dịu-dàng, câu-từ nó tỉ-mỉ hợp với tính-cách người đàn-bà lắm. Tôi muốn mong cho đội từ-khúc ngày một thêm quân nên có vài lời gắn bó cùng các bạn hồng-phấn phong-lưu, các bậc tài-hoa khuê-khổn, xin cố mà dệt gấm thêu hoa trong bức tranh văn-chương quốc-âm này, cho ngày một sán-lạn huy-hoàng, há chẳng phải là một việc hay ư?*

ÁI-HOA *chủ-nhân cẩn-bạch.*

Thiên-thai-lộ

天台路新曲

Đánh vật

Một lũ tài giai đương độ thì,
Người trắng toát,
Kẻ thâm sì,
Khố xanh,
Khố đỏ,
Trổ tài thi.
Vai vươn cánh thẳng,
Tay bắt gối quì.
Tranh lèo giật giải tại hồi ni,
Ô huậy ta dây cố sức đi.....

Bùi Huy-Cường.

Nga-mi-dương

蛾眉揚新曲

Giạy con

Mẹ mong con,
Ở' cho tròn.
Học-hành sao vinh-tổ hiển-tôn,
Trăm năm danh-tiết thế-gian đồn.
Con nên chăm chỉ,
Nước chẩy đá mòn.
Xưa nay có chí giời không phụ,
Con đừng nóng nẩy chớ bồn chồn.
Con nghe mẹ,
Mẹ mong con.

Mị xuân-liễu (1)

媚春柳新曲

Xem báo

Chuông Nữ-giới,
Gió Nam-phong,
Tiếng hay bay khắp cả tây đông.
Hỡi giai tài-tử,
Thưa bạn quần-hồng,
Nghe chuông hóng gió mau lên nhá,
Đừng có để phút chôi, giờ chẩy, ngày [trọn, tháng xong.
Sống thừa trong cõi,
Tủi tiếng tiên rồng,
Đối với người ngoài hèn, yếu, dốt!
Mong sao cùng thế-giới tranh-hùng?
Tờ Nữ-giới,
Tập Nam-phong,
Cùng ta ran-rỉu mãi vô-cùng.
Xuân tàn thu sác,
Đông lạnh hạ nồng,
Cơn sầu lại giở ra ngâm đọc,
Nào những mục văn-chương, khoa-học [những truyện anh-hùng.
Giải sầu đỡ muộn,
Tỉnh trí thỏa lòng,
Mới biết báo-trương là ích thế,
Hỡi người cố-quận rỗ cho không?

Nguyễn Ái-Hoa.

Thất-liên-châu

七連珠新曲

Vọng-phu

Anh đi xa thế bao giờ về,
Em xin đi cùng, không cho đi,
Chiều chiều thơ thẩn đứng bên hè,
Trông bóng ác-tà luồn bụi tre,
Bát ngát mây bay tung bốn bề,
Buồng không gió ghẹo bức màn the,
Nhớ người xa vắng lệ lâm-li...
Nghe đàn dế đất khóc tỉ-tê,
Cái mối nhớ thương thêm nặng-nề,
Ngại-ngùng nghĩ lại lúc phân kỳ.
Lòng em ngao-ngán nỗi chi chi,
Anh đi xa thế bao giờ về?

Thượng-vân-thê

上雲梯新曲

Dạ-sầu

Thánh-thót cung đàn bầu,
Nghe ra như oán lại như sầu.
Khiến người cô-khách những rơi châu,

(1) Khúc này bao giờ hai vế cũng phải đối nhau không sai một chữ nào, một vần nào.

Nhớ ai ? ai ở, ở nơi đâu ?
Giăng soi thơ-thẩn tựa bên lầu.

Ai ơi,
Chốn xa khơi,
Một vực một giời,
Nghìn thu đất rộng sông dài,
Ngổn-ngang trăm mối những dùi-mài.

Phân-vân,
Giận cho thân,
Luống oán giời xuân,
Một năm có một lần,
Ấy ai bể ái nguồn ân,
Yêu nhau chi để những nợ nần...

Khắc khoải,
Ngũ canh sầu,
Đứng ngồi giẫn giọc,
Giạo qua mấy dịp đàn bầu,
Một tiếng đàn sa một giọt châu,
Hồn còn phảng-phất những đâu đâu,
Chợt nghe trống đã bên lầu tan canh.

Lương-điền NGUYỄN LÊ-BÔNG

Xuân-yến-khứ

春燕去新曲

Nghe chuông (1)

Chuông vàng gióng giả,
Gọi bạn quần thoa,
Một tấm lòng son ta với ta.
Phá tan giấc điệp,
Tỉnh lại hồn hoa,
Hỡi chị em ơi dậy dậy mà...
Kìa xem năm châu thế-giới nước gần nước xa.
Cái bọn ta đây cũng cũng là...
Con Tiên cháu Thánh,
Trăm trứng cùng ra,
Nào có kém ai con mắt phụng,
Hay là thua họ cặp mày nga,
Mà nỡ chịu tiếng dã-man, đeo điều bắc-ám,
Kẻ chê là quỉ,
Người gọi là ma.
Nghĩ đến càng thêm nỗi xót-xa,
Chị em aiđấy,
Góp lại năm ba,
Nữ-giới-chung,
Báo nước nhà,
Chuông vàng gióng giả,
Gọi bạn quần thoa.

Nữ-sinh NGUYỄN SONG-KIM.

THƠ VĂN ĐÀN BÀ

Tự-tình

(Làm khi bà cụ ở trại Hoàng-anh gửi lên Phúc-yên cho cụ ông khi cụ ông còn làm Giáo-thụ phủ Đa-phúc

Hoàng-anh gió mát giăng thanh,
Tiên hoa mượn bút tả tình làm khuây.
Nương dâu bãi bể ai bày,
Hồng-quần sao khéo đọa dầy hồng-nhan.
Kiếp này đã trót đa-mang,
Kiếp sau chung-đỉnh giời van cũng chừa.
Ruột tằm trăm mối vò tơ,
Gỡ ra cho hết bao giờ cho xong.
Thương ơi ! cũng giống Lạc Hồng,
Cũng nòi bào-hốt cũng dòng thư-hương.
Mười lăm năm khúc đoạn-trường,
Dẫu vàng đá cũng phải tan-nát lòng !
Thù gì hở chú Hóa-công,
Mà mang mình buộc vào vòng nhân-gian.
Những là nạn-khổ sầu-oan,
Biết ai ai biết mà than nỗi mình.
Nhớ ai vò-võ An-thành,
Nghĩ người vẩn-vẽ cửa Trình sớm trưa.

(1) Cảm tình với Báo Nữ-học-chung số 15 đường Taberd Sài-gòn mới xuất bản trong Nam-kỳ, bạn gái ta, nên mua xem lắm (SONG-KIM).

Khi bão gió lúc tuôn mưa,
Khi mong bắc nhạn lúc đưa nam hồng.
Khi nắng dãi lúc đèn chong,
Nước non ai có thấu lòng chăng ai ?
Bầu không này đã sạch rồi,
Giang-sơn dành để cậy người tình-thâm.
Nực cười cái kiếp Quan-âm,
Tay con tay mỗ còn chăm tu-hành.
Nào tiên nào phật chứng-minh,
Nào ai là khách Đài-thành biết chưa ?
Có khi buồn tính nước cờ,
Mã, xa lạc lối vần vơ trong bàn.
Có khi gẩy khúc kim-tiền,
Phiếm loan ngao ngán tay tiên rụng-rời.
Có khi mở sách làm vui,
Lục-Nga ngâm lại ngậm-ngùi song thân.
Có khi mượn chén tẩy-trần,
Men xông mùi nhớ bương ngăn giọt sầu.
Thôi ngày trọn lại đêm thâu,
Thôi buồn nét ngọc lại rầu vẻ hoa.
Thôi thôi cũng mặc giời già,
Nước non ta chắc vẫn là còn lâu.
Tuần giăng giăng đã đứng đầu,
Tròn xoay cung quế một mầu long-lanh.
Hay là tạo-hóa xoay quanh,
Đúc lò chung-đỉnh để dành cho ta
Vuông tròn rõ bảy rành ba,
Xem cho rõ mặt mới là cam tâm.
Rõ cơn mây vẫn mưa dầm,
Ơn thâm mong giả nghĩa thâm cho bằng.
Nghìn tầm có thấu cho chăng,
Cho cam lòng khách cung giăng vơi đầy.
Ngọt bùi trải mấy đắng cay,
Vinh-hoa cho bõ những ngày gian-nan.

NHÀN-KHANH

Mừng trường nữ-học mới mở

Ân nhờ Đại-quốc rộng lòng thương,
Lại mở mang thêm Nữ-học-đường.
Nào sách, nào đèn, nào kỷ-án,
Cũng thi, cũng cử, cũng văn-chương.
Dù mài có chí nên đài-các,
Tô-điểm nhờ ai mới vẻ-vang.
Đào liễu ganh đua mừng gặp hội,
Văn-minh lên bước sẵn cầu thang.

Cảm-hoài

Vui với non sông thú cỏ hoa,
Tri ân-thơ dưới nguyệt một mình ta,
Tình riêng há phải lòng huê nguyệt,
Trăm mối tơ vương nỗi nước nhà.

NGUYỄN THỊ-QUỲNH

Đề bức tranh sơn thủy

(*Dịch cổ-văn Tầu*)

Đỏ xanh thợ khéo điểm chơi,
Tới miền mao-ốc vẽ vời nước non.
Kia địa-giác thu tròn nho nhỏ,
Nọ thiên-nhai bút thỏ vờn ra.
Giăng kia ngắm mãi không già,
Mặt giời ngắm mãi không xa non đoài.
Mây lớp-lớp đứng ngoài không tản,
Nước long-lanh không cạn không đầy.
Bướm già bay hóa không bay,
Hoa đào trải mấy tháng ngày vẫn non.
Kia tấm đá không mòn vẫn đứng,
Nọ cành tùng vẫn vững mầu tươi.
Xa trông thì nhạt hơi hơi,
Gần trông thì tỏ mười mươi mặn mà.
Môn-đình nọ phải bước ra,
Giang-sơn muôn dặm ngồi nhà đủ coi.

Nữ-sinh NGUYỄN SONG-KIM

TẠP-TRỞ

TỒN-CỔ-LỤC

IV

Ông Hoàng Sầm 黃岑

Ông người làng Thủ-sơn (thuộc huyện Hiệp-hòa, tỉnh Bắc-giang bây giờ) con nhà làm ruộng, bố mất sớm để lại cho vài sào ruộng, mẹ con cày cấy nuôi nhau, đã 24 tuổi không biết vạch một nét. Cùng huyện có quan Thượng-thư là Nguyễn Doãn-Địch 阮允迪 hưu-trí về làng, Lý-trưởng bắt dân phu đi đón, ông cũng phải đi phu, được làm phu cáng cho cô ả, dòm trộm thấy cô tư-sắc nhất đời, không ngờ động lòng. Về nói với mẹ muốn lấy, mẹ chửi bảo rằng không được. Ông không nghe, lấy sẵn buồng cau giục mẹ đi hỏi, thân-hành đi theo, sợ mẹ nói dối chăng. Bà mẹ cho là con dở người, không muốn theo ý, đến cửa quan Thượng dùng dằng không dám vào, quan Thượng chợt trông thấy người thập-thò ngoài cửa lấy làm lạ, sai người ra hỏi, bà mẹ sợ quá nói rằng: « Con tôi cứ bắt tôi đi, xin quan-lớn tha tội cho. » Quan Thượng cười mà nói rằng: « Việc ấy có hại gì? » Gọi ông vào xem tướng, thì thấy đóng cái khố một rập đầu trước sân Nguyệt-đài. Quan Thượng lại cười mà nói rằng: « Con gái ông Thượng, có nhẽ nào gả cho con nhà thường dân, ngày sau sự-nghiệp như ta, mới có thể được. » Ông lạy hai lạy nói rằng: « Kính nghe mạnh quan-lớn, xin quan-lớn chớ sai nhời. » Giở lại về nhà, không bàn gì với mẹ, bán ngay một sào ruộng, được 30 quan tiền, ra kẻ-chợ, tìm ông thầy có tiếng để học, được ba năm học đã giỏi đỗ khảo-khóa huyện Hiệp-hòa, thi hương đỗ luôn Thủ khoa, đi tìm người làng nhắn về quan Thượng rằng: « Xin đừng sai nhời ước xưa », rồi lại giở về kinh.

Khi bấy giờ cô ả quan Thượng, cũng có một vài nơi hỏi, nhưng chưa đâu xong, hãy còn ở nguyên nhà.

Đến khoa *mậu-tuất* (1538) niên-hiệu *Đại-chính* nhà Mạc, mới 27 tuổi, thi đỗ đệ-nhất-giáp Tiến-sĩ đệ-tam danh 第一甲進士第三名 (tức là đỗ Thám-hoa 探花) về vinh-qui điện-nhận [1] cũng trong một ngày, ai cũng khen là người có chí, sau làm đến Thượng-thư được phong tước Hoàng-phúc bá.

Kính-phủ

Dịch sách Tang-thương ngẫu-lục.

* * *

Nhời bàn của người dịch. — Tục ngữ có câu rằng: « có chí làm quan có gan làm giàu. » Người ta thông-minh, ai cũng như ai, chỉ hơn kém nhau, có chí hay không có chí mà thôi. Nhưng chí lại phải có khí nữa, chí là ông tướng khi là quân, tướng không có quân thời tướng đỗ, quân không có tướng thời quân loạn. phải có đủ khí chí. mới gọi là nam-nhi được.

Khi ông Hoàng-Sầm, mới trông thấy cô con quan Thượng, mà tự nghĩ rằng: « Mình là thằng làm ruộng, chân lấm tay bùn, khi nào dám mon men đến những người nõn-nà như ngọc, dịu-dàng như tiên, Tây-thi mất vía, Hằng-nga giật mình », thời là người không có chí.

(1) Điện nhận 奠雁 là cưới vợ,lục ngày xưa cưới vợ chọn hai ông già mang hai con nhạn đi trước.

Đến khi vào hỏi, quan Thượng thách những điều khó khăn, tuổi đã ngoài 20, chưa biết một chữ, mà hẹn phải đỗ tiến-sĩ, phải làm đến Thượng-thư, còn mong gì nữa, cày mây cuốc nguyệt cho xong, thế là người không có khí.

Như ông là người vừa có chí vừa có khí.

Kết duyên cho được chị Hằng mới nghe. Thấm-thoắt trong ba năm giời, đất bằng nổi tiếng sấm vang, nào là thi đỗ, nào là quan sang vợ đẹp, đương là lưng đeo khố cao, vượt một bước, chen vai cùng hàng khanh-tướng.

Vinh-hoa bõ lúc phong trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

Sách có câu rằng: « *Nhi-nữ tình trường anh-hùng khí đoản* 兒女情長英雄氣短. » Nghĩa là bởi tình nhi-nữ, làm ngắn bớt khí anh-hùng. Ông Hoàng-Sầm thì bởi nhi-nữ, mà sinh ra có chí khí thế mới biết cái tình êm-ái của nhi-nữ, không có sức mà thật là mạnh.

Người ta mà có chí-khí, thời trong thiên-hạ, không có việc gì là việc khó, ai mà nói rằng: « Việc ấy là khó, việc ấy không có thể làm được » là người ấy tự bỏ mình, thật cũng đáng thương mà đáng tiếc.

Con vua thời lại làm vua, con nhà thầy chùa đi quét lá đa, câu ấy không biết ai đặt ra, làm cho hao mòn chí-khí người ta, biết là bao nhiêu? Bởi một câu ấy, có người chưa cho con đi học đã nói rằng: « Nhà chúng tôi không có đất, cho cháu học dăm ba chữ, họa may ngày sau làm được chánh phó chăng. » Thế là chưa cho con đi học đã hạn cho con chỉ được đi đến đấy thôi.

Cũng có người thông-minh có thể làm nên được bậc kia khác, thời lại cho là người ta sinh ra có bờ, mà sự khôn biết không có bờ, lấy cái có bờ đuổi cái không bờ chả uổng công ru? Thôi những các công việc ấy để phần các bậc hiền-triết.

Có biết đâu tinh-thần người ta cũng không có bờ; đương khi đức Khổng-tử ngồi trên hạnh-đàn giảng-đạo, ông Thích-già đứng gốc bồ-đề thuyết-pháp, chí-khí bền mạnh biết là dường nào? Có ngờ đâu tinh-thần còn đến bây giờ, cho nên sự học-hành tuy là con đường thăm-thẳm, dài nghìn muôn dặm, đi bằng tinh-thần ai đi cũng được. Ông Hoàng-Sầm, mới được như thế đã tự-túc là người có chí-khí; nhưng chưa biết dùng hết chí khí cũng hơi tiếc.

Tuyết-trang TRẦN VĂN-NGOẠN

TIỂU-THUYẾT

CÂU CHUYỆN GIA-TÌNH

(Tiểu-thuyết mới)

Ngán thay! cái thị-dục loài người càng nhớn, thì sự đua tranh trong xã-hội càng gớm ghê; đường sinh-nhai người ta càng khó-khăn, thì cảnh đoàn-viên trong gia-đình càng tiêu-tán. Tưởng những nhà, cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cháu xum-họp một nhà, chia bùi xẻ ngọt, dã có phúc là nhường nào; lại ái-ngại thay cho những nhà cốt nhục như sâm thương, gia đình như băng thán. Kia những kẻ gieo bút lòng-quản, theo thầy học nghề, hoặc lên rừng lách núi mà kiếm ăn, hoặc vượt bể ra ngòi mà buôn bán, phép nước nặng hơn tình nhà, công danh thiết hơn ân ái, đã đành thế bách hình khu, nên phải chia tình cắt ái; lại còn những kẻ thiếu-niên khách-khí, ham ăn ham chơi, quá nỗi nên mê, ưa mới nới cũ, đã làm tổn phí bao nhiêu là nước mắt khóc thầm của vợ con, tấm lòng ân-hận của cha mẹ, nỗi hờn giận của anh em, tình yếm-bạc của thầy bạn, mà cái hạnh-phúc xum-họp trong gia-đình đã nên một vật rất hiếm-hoi đang buổi văn-minh còn non nớt!

Hãy nghe câu chuyện gia-tình của một bà già này, dù cảnh-ngộ không lấy gì làm li-kì, mà tình-trạng thực đủ làm chứng cái khốn-nạn chung trong xã-hội.

Một ngày mùa đông, buổi sáng mới hửng mặt giời, ngọn cỏ còn đầm-đầm giọt sương, đường đi nhêm-nhếp chơn như mỡ; có một bà già tay cắp mẹt hoa, vừa đi vừa lẩm bẩm: « Giời chẳng thương ai, cứ mưa gió mãi. Hoa tươi rụng cả, còn hoa tàn bán cho ai, lấy gì mà mua quà cho cháu. » Trông bà già có nét mặt tinh-anh và nghiêm-nghị không phải là người quê mùa? Tôi đến mà hỏi: « Bà bao nhiêu tuổi? con cháu ở đâu mà bà còn phải lẫm cẫm như thế?»

Bà già trông lên mà nói rằng: « Già đã gần bảy mươi tuổi. Con già đi vắng cả; già phải ở nhà giữ cháu. Độ này giời mưa mãi, ngồi lâu cũng buồn, hôm nay hửng giời, kiếm mớ hoa đi bán. Thầy mua cho già thì may lắm. »

Tôi nói: « Bà bán cả mớ hoa này cho tôi. Sớm ngày giời còn lạnh, bà vào đây mà ngồi cho ấm, người già cả không nên phạm sương tuyết. » Nói rồi, tôi giắt bà già vào ngồi bên lò sưởi. Tôi cũng ngồi một bên mà hỏi chuyện: « Tôi thấy bà lại nhớ đến mẹ tôi thuở xưa; mẹ tôi nuôi tôi vất vả cũng như bà, bây giờ tôi không còn có mẹ nữa. Con bà làm nghề gì? nhân sao mà đi vắng? »

Bà già đang ngồi, xoa hai bàn tay trên bếp lửa, sa sầm nét mặt mà nói: « Già là một người rất không may ở đời này. Già ở hóa đã ba mươi năm nay; nhà nghèo, chỉ bới đất nhặt cỏ, nuôi hai con đi học. Ngày quên ăn, đêm quên ngủ, trông thấy con ấy là ngọc giải phiền, không nỡ một lúc nào mà mẹ con xa vắng nhau. Con nhớn đi học chữ nho đã đậu Tú-tài, con nhỏ đi học chữ tây cũng đã đi làm việc Thương-chánh. Thày nghĩ già đã tốn bao nhiêu là mồ-hồi nước mắt; ai chẳng bảo trồng cây đến ngày ăn quả, thế mà già có con cũng như không. » Nói đến đấy, bà già lắc đầu ba bốn

lượt, rồi cứ đăm đăm trông xuống cái mẹt hoa.

Tôi đứng dậy rót cho Bà-già một chén nước mà nói rằng : « Tôi tưởng cái buồn trong trí-khôn bà đã nặng nề lắm, Bà hãy nói rõ chuyện cho tôi nghe, họa tôi có thể giải đỡ cho bà chút nào chăng. »

Bà-già nói : « Già gặp thày là buổi mới, có đâu dài chuyện cho rườm lỗ tai. »

Tôi nói : « Tôi cũng muốn nghe ; Bà cứ nói ».

Bà-già uống cạn chén nước, rồi nói rằng :

« Con nhớn già dã có khoa-danh mà chưa làm nên sự-nghiệp ; cứ giữ tiếng cười cho danh-giáo, không dám cày ruộng cũng không dám đi buôn, con còn nhỏ, mẹ thì già, nhà thanh-bạch tám chín miệng ăn chỉ trông vào mười ngón tay người vợ. Mấy năm trước còn dạy mươi lăm đứa học trò ; từ khi bãi thi, người trong làng không ai cho con đến học nữa. Nước đến chân bấy giờ phải nhảy ; song ngoại nghề làm thầy dạy học, cũng không biết lấy gì làm sinh-nhai. Năm nay có người đón đi ngồi bảo trẻ làng xa, còn thấy mang theo một tay nải đầy những sách cũ ; không biết còn đem cái văn-tự vô-dụng ấy chực gieo vạ vào đâu nữa. »

Tôi nói : « Sao bà nói thế, văn-tự nào là văn-tự vô-dụng ? Người ta đi học cho biết đạo làm người, chớ không đi học để mà kiếm ăn. May gặp bước thì hiển-thân dương-danh, chẳng may ở nhà, cũng để giữ gìn phong hóa. Nếu cứ biết kiếm ăn mới gọi là đi học, có khi những người lắm tiền nhiều bạc, đều là đại-thánh đại-hiền. »

Bà-già cứ tủm-tỉm mà nói rằng : « Già là đàn-bà không dám nói đạo thánh, chỉ biết làm người ai cũng phải có bổn phận : làm con phải đền ơn cha mẹ, làm chồng phải giúp vợ, làm cha phải nuôi con, ở đời phải biết tranh-cạnh, phải biết biến-thông, dù không có tài có đức để ấm-tí cho mọi người, cũng không chịu mang tiếng hư-sinh để đà-lụy đến kẻ khác. Người không như thế học mấy cũng là người dần. Như con già ra ngoài không ganh vác gì với xã-hội, ở nhà cũng không no-ấm cho vợ con. Như thế, thày bảo là hữu-dụng hay vô-dụng ? »

Tôi nói : « Bà biết nhẽ này, chưa hay nhẽ khác : người ta không ai giống ai : có kẻ làm thợ có kẻ làm thày ; mỗi người có một thời, mỗi thời có một việc. Kia những kẻ đã làm nên công cao nghiệp lớn, lúc nhỡ thời cũng phải phong-trần ; huống chi đang lúc thế-cố đổi thay, nào đã biết ai hay đã biết ai dở. Như thày Tú nhà bà biết giữ đạo ông cha thế là hiếu, biết giạy bảo con trẻ thế là nhân. biết yên nghèo giữ phận thế là trí, không tham danh trục lợi thế là hiền ; dù không hay thảo-vác, mang tiếng vô-tài, song đối với nhân-quần cũng không phải là phường mối mọt. Thôi, bà ơi, không nhà ai được trọn-vẹn, có kẻ hay cũng có người dở. Bà đã được một thày làm nên, thì một thày chịu kém cũng là phải. »

Bà già nghe nói khác nét mặt mà nói rằng : « Nhà thày nhạo-báng già làm chi ; già đã nói : già có con cũng như không, nếu có ai ra gì, già đã không phải lầm than như tình-cảnh nhà thày đã trông thấy. Việc học-hành già không biết ai tấn-tới mà ai dọa-lạc ; song cái gia-đình hạnh-phúc đến bây giờ thực đã hỏng cả mọi điều. Một người cứ gàn-gàn dở-dở, đã đành là người hủ-lậu, còn một người cũng ngông-ngông nghênh-nghênh lại càng khó chịu. Tự khi ra khỏi nhà đến giờ tính nết đổi hẳn ra một người khác. Lúc ở nhà thật là hiếu hữu, bây giờ

động nói thì giở lý giở luật ra con người vô-tình : khi ở nhà thật là thuần hoà, bây giờ động việc thì cậy thế cậy quyền ra con người táo-tợn ; khi ở nhà ăn kham ở khổ, đến bây giờ học thói sa-sỉ tưởng thế là văn-minh ; khi ở nhà nhịn bạn nhường thày, đến bây giờ cậy trí khoe tài, cho ai cũng là mọi rợ ; thực con già đẻ ra, mà già cũng không thể nào ưa được. »

Tôi nói : « Có khi bà chưa xét cho kỹ đó mà thôi. Tính-chất người ta hay theo học hành mà biến-hóa : như người nhà quê ít học, tính còn chất-phác ; khi ra tỉnh có học-vấn hóa ngay ra người văn-hoa. Lạ gì trước mình hay cẩu-thả, nay thấy người giữ luật theo phép thì tưởng là vô-tình ; trước mình hay du-dự, nay thấy người quả-quyết nhanh-trai, thì tưởng là táo-bạo ; trước mình hay bỏn-sẻn, nay thấy người rộng-rãi thì cho là sa-hoa ; trước mình hay a-dua, nay thấy người khẳng-khái thì cho là kiêu-ngạo. Tính đã khác nhau tự-nhiên tình sinh nghi-kỵ ; kỳ thực học nào cũng phải lấy luân-lý làm trọng, có lẽ nào ra khỏi cửa mà đã mất cái gia-đình giáo-dục đi. »

Bà già nói : « Thầy nói khi cao quá, chưa phải là những điều con tôi đã mơ-tưởng đến. Chẳng qua mới nghe lý mới học mới, thì tưởng trí-thức mình đã cao hơn ông cha, mà sinh ra lòng kiêu-ngạo ; mới nghe nghĩa bình-đẳng thì tưởng dân-ngu được địch thể với quân-tướng, con-ở được kháng lễ với chủ-nhà, mà trên dưới lỗn-hào, không còn có lễ nghĩa gì để giữ lấy phong-hóa nữa ; mới tập thói tự-do thì tưởng của ai cũng có thể chiếm-cứ, gái nào cũng có phép chơi chung, mà hoang-dâm tùng-dục không còn có liêm-sỉ gì để nuôi lấy lương-tâm nữa. Cũng vì thế mà mẹ con mất ân, vợ chồng mất nghĩa, anh em như mâu thuẫn, thân thích như người dưng, không ai thương ai, không ai mến ai, cảnh-tượng trong một nhà nhạt như nước bèo, lạnh như giá tuyết. »

Bà già nói đến đấy, lấy một tay vịn lên cái ghế nghiêng đầu mà thở dài. — Tôi nói : « Bà hãy ngồi yên mà nghỉ, chớ nói vội cho khỏi mệt. »

Bà già nói : « Hôm nay ấm giời, già thấy tinh-thần cũng khỏe ; để già nói nốt câu chuyện gia-tình. Thày là người có văn-chương, cũng nên đem vào nhật-trình để làm gương cho thiên-hạ. »

Bà già cứ nói : « Người con thứ già mới ra làm việc còn chân-nâng ; vợ cũng không chịu đi theo chồng cứ xin ở nhà mà nuôi mẹ. Nàng-dâu già cũng là con một nhà quí-hóa ; từ thuở còn đỏ cút, vẫn đi học với con già cùng một thầy. Hai đứa con trẻ yêu nhau dị thường, ngày chung sách tối chung đèn, ai trông thấy cũng phải quở quang là một đôi kim-đồng ngọc-nữ. Vì thế hai nhà định hôn đến năm mười ba tuổi thì cưới. Năm nay hai mươi ba tuổi, đã được hai con ; vợ chồng chưa hề có một điều gì sếch mếch.

« Con già làm việc ở tỉnh, cứ ngày nghỉ thì về thăm mẹ không sai lệ thường. Về sau dần-dần mới có bè có bạn, những lúc nói cười lả-lớn đã thấy nhiều điều khó nghe ; song nể bạn và chiều con, già cũng không nỡ chấp trách. Đến bây giờ xét ra cho kỹ thì cái phong-ba trong gia-đình, thực đã sinh ra từ đó.

« Một hôm đứa con dâu hốt-hoảng chạy đến mà nói : nó có của riêng một trăm đồng bạc giấy để trong hòm áo. Nay khóa còn mà bạc mất. — Già nghe nói ngơ-ngác ; nhà không có người lạ, biết nghi cho ai. Trông đứa con dâu mặt càng nhợt, tay càng run, miệng muốn nói mà lại không nói.

« — Già hỏi : có phải con sốt rét hay không ? — Nó nói không. — Già hỏi :

Sao con sợ? điều gì con cứ nói. — Nó nói: Chính nó đã trông thấy chồng nó lẻn vào buồng, lấy cái thìa khóa riêng trong túi mở hòm mà lấy bạc. Nó sợ quá cứ đứng nép một bên. Chồng nó lẻn ra khỏi nhà rồi đi mất. Khi nó vào soát lại cái hòm áo thì bao nhiêu đồ nữ-trang đã không có cánh mà bay đi mất cả. Nói rồi, nó cứ lấy tay bưng mặt mà khóc.

« Già nghe nói như giời nghiêng như núi đổ, cứ ngao-ngán không biết nghĩ ra làm sao: Con mình làm gì mà túng bấn? Nếu có mắc tai hại gì, sao không nói với vợ hay với mẹ? Sao tự mình đã phạm điều thiết-đạo, toan đổ tội cho ai? Hay đã thua cờ thua bạc, hay đã say giai đắm gái, hay đã nghe ai xui khiến? Thôi, con mình còn ngựa con sảo đá, mình không biết phòng sau giữ trước, thực mình đã sô con mình ngã xuống vực sâu.

« Hôm sau, già vừa lên đến tỉnh đã thấy người quen mách bảo: Con bà độ này hay đua theo chúng bạn rượu trẻ, cờ bạc, nghe đâu dan-díu với một người làng chơi đã mấy tháng nay say mê lắm.

« Già tìm đến ngay nhà con già ở. Đến nơi, con ra mừng rỡ và hỏi: « Mẹ ở nhà đến ngay đây, không vào chơi đâu chớ? ở nhà có sự gì lạ không? Và mẹ có việc gì hỏi con không? Già nói: « Để mẹ ngồi nghỉ, sẽ có câu chuyện nói với con » — Con nói: « Con không có thì giờ mà chờ mẹ được. Xin phép mẹ cho con đi chừng bốn mươi nhăm phút sẽ về. » Nói rồi ra đi. Già gọi thằng ở mà hỏi. Mới biết tối nào con già cũng đi với một và người bạn ba bốn giờ sáng mới về và độ này hay sinh ra gắt gỏng.

« Một lúc lâu, đứa con về. Già ghé lại sẽ nói: « Con có thật lòng trả lời, để cho mẹ hỏi. Có phải con đã đua theo chúng bạn, cờ bạc đĩ bợm mà quên cả mẹ con và vợ con đi không? Có phải con đã thua lừa mắc lận, mà phải phạm điều thiết-đạo hay không? Có phải con đã liều mình vào đường tội-lỗi, để ô-nhục đến danh tiếng ông cha con không? Xưa nay mẹ vẫn cho con trẻ dại, mà dung-thứ cho con, con có biết không? Nay con đã uống phải thuốc độc mà hóa ra người điên, để làm cớ lo phiền cho mẹ và mất lòng trông cậy cho vợ. con có cam lòng hay không?»

« Đứa con nghe nói, lúc so vai lúc bĩu miệng, rồi nói rằng: « Những sự mẹ nghe ai nói đều không thật cả, con chưa hề có lấy của ai là của con không có phép được lấy, con chưa làm sự gì can-phạm đến tiếng ông cha; mẹ nói những chuyện hồ-đồ không lấy gì làm chứng-cứ; con không phục. »

« Già nói: « Vậy mẹ con cũng phải có chứng-cứ hay sao? con đã làm cho mẹ lo con dại, vợ sợ chồng hư, như thế đủ làm chứng-cứ. Con phải biết rằng: mẹ chỉ mong cho con nên người chân-chính, vợ chỉ mong cho chồng nên người vẻ-vang; sao con nỡ đem tình thân yêu mà chia cho kẻ khác; đem của hữu dụng mà lạc phải đường tà. Không thế, thì một trăm đồng bạc và những đồ tư-trang của vợ con, con đã đem đi đâu mất cả? »

« Đứa con nói: « Ai đã nói với mẹ điều ấy? » Già nói: « Ấy vợ con đã nói. »

« Đứa con nói: « Mẹ có tin nhời nói nó không? »

« Già nói: « Chẳng những tin mà lại thương tình. Vì dầu mẹ đã hết lòng thương mẹ. »

« Đứa con nói: « Quân này đã gian lại ngoan. Nằm đồ cho mình những điều chẳng chơi, đã cáo gian lại làm cho người ta mất danh giá. Không có lẽ người mất của thấy kẻ dan mà lại nín lặng; chẳng qua là gái đĩ già mồm, đã hai cc còn chưa hết lòng chồng, mặt mũi không còn trông thấy nhau nữa.»

« Già nói: « Thôi con nói thế đã đủ. Trước mẹ còn khuyên cho con biết

hối, vì không muốn trong nhà có một đứa con cán dỡ như thế. Nay đã trầm mê ám chướng, bệnh quỉ phải có thuốc tiên. Mẹ không cho con xa mẹ một ngày nào ; phải xếp giọn mà về nhà lập tức. »

« Đứa con nói : « Xin mẹ thứ cho con điều ấy. Nay con đã là người làm việc đi hay ở mình không được tự do ; vả cứ tuổi con bây giờ, theo luật, cũng có quyền được tự-chủ một nửa. »

« Nghe con trả lời, già cứ hả miệng không nói sao được nữa, giận quá, đứng phắt dạy mà về. Ra khỏi nhà vào một nhà người chị em mà nghỉ. Nghĩ đứa con mình bấy giờ đã hóa ra một con thú dữ, song còn mong mê có lúc tỉnh cứ cho người đến tìm, nhưng nó cũng không đến nữa.

« Bấy giờ già ở tỉnh, giận cũng vô ích oán cũng vô ích, bất đắc dĩ phải trở về nhà. Vừa đến nhà thì thấy hai đứa con dâu, chị em đang ngồi trò chuyện, vừa nói vừa khóc.

« Con dâu nhớn nói rằng : « Nếu cô anh Tú ở nhà, hẳn không để cho mẹ phải âu sầu lo nghĩ, vì đã biết mà giữ em. Chú nó cũng là người thông minh có chí lớn; chỉ hiềm thiếu-niên chưa từng chải, sao cho khỏi mắc kẻ xui dại, song có dại rồi mới có khôn. Đã bước chơn vào đường giao thiệp, thế tất phải có chúng có bạn, có ăn có chơi, kiếm thì ít mà tiêu thì nhiều, sao cho khỏi mắc công mắc nợ. Vả lại xa nhà vắng bạn, trong những lúc giăng khuya hoa sớm, sao cũng phải có người chò chuyện cho giải cái lữ-hoài. Thím phải biết rằng cá cả không ăn rêu, thuồng luồng không ở cạn ; người hay tiêu tiền ấy là những người kiếm ra tiền. Như anh Tú nhà này có một hào buộc cho thủng thắt lưng, thì có đời nào mà [illegible]m ra một đồng kẽm. Chị em mình [illegible]phận đàn bà, chỉ biết trên thờ mẹ dưỡi nuôi con ở cho trọn đạo ; còn nông nỗi chồng dở chồng hay, không đến ngữ mình phải lành chanh lành chói. »

« Nghe nhời con dâu nói, dù là những nhời miễn cưỡng song cũng có lý, làm cho già tan nước mắt ra tiếng cười. Từ bấy giờ cũng cứ gượng gạo làm vui, cho con dâu mình nó khỏi tủi. Được ít lâu nghe tin đứa con phải đâu vào nhà thương, rồi cũng tự xin đổi đi một tỉnh khác. »

Nghe rồi tôi nói : « Nhời nói bà là nhẽ thật, gia-tình bà là sự thật ; song bà không nên thấy con mình hư hỏng, mà nghi cả mọi người. Không nên thấy một nhà mình kém vui, mà nghi cả sự học hành trong nước. »

Bà-già vội vàng nói rằng : « Có đâu, có đâu. Già vẫn nghe nói : Sự học cũ là nền văn hóa của nước ta, từ mấy nghìn năm đến giờ, người ta có luân lý, có cương-thường, có chính-trị, có lề thói cũng là bởi đó ; còn học mà hủ bại là người. Ai bảo cứ chăm chỉ câu văn cho khéo, còn tình dân kế nước không nhận là việc học trò. May mà thi đỗ thì ra làm cha mẹ dân, không đỗ xoay về làm thầy như thầy cúng, thầy giò, thầy bùa, thầy địa, đều là nghề nói dối mà kiếm ăn, như thế mà cứ chỗm chệ lên bậc thượng lưu, phép nào mà nước không nghèo dân không dại. Còn học mới là học về thực-nghiệp, nhờ có nước Đại-Pháp mở đường giắt lối, học cho mở mang trí thức, học cho rộng đường làm ăn, chính là việc rất cần trong nước ta. Ai bảo chỉ đua ăn đua chơi gọi là cải-lương. Chẳng những làm cho chậm bước văn-minh mà lại phụ lòng bảo-hộ. Già thấy tình-cảnh trong một nhà mà cũng lo thay cho hàng xứ ».

Nói rồi vừa nghe chuông đánh mười giờ. Bà-già vội vàng nhặt lấy tiền hoa, rồi từ giã mà về.

Tôi đưa bà-già ra khỏi nhà cứ yên ủi năm bảy lần, và trông theo bà-già mãi. Những nhời bà-già nói đến bây giờ còn phảng phất trong trí khôn.

Nam-định NGUYỄN BÁ-HỌC *thuật.*

THỜI-ĐÀM

(Từ ngày 20 tháng 3 đến ngày 20 tháng 4 năm 1918)

VIỆC THẾ-GIỚI

Tin Âu-chiến. — Trong hạ tuần tháng ba mới rồi, sự chiến-tranh quay ra một cuộc-diện mới, hiện nay vẫn chưa quyết: quân Đức đánh thế thủ mãi không xong, bèn giở ra thế công, hết sức đánh rất hung vào hàng trận Anh ở đất Pháp. Mục-đích quân Đức là muốn đánh gấp cho tiệt-diệt được quân Anh trước khi quân Pháp kịp đến cứu-viện. Nên đã chú-ý lắm và họp-lập quân ở đấy rất nhiều. Cứ điện-tín ở trận-tiền về thì trước khi khởi-công quân Đức đã để sẵn đến 85 sư-đoàn quân dự-bị. Ngay ngày đầu dùng 33 sư-đoàn, rồi mỗi ngày sau thêm 10 sư-đoàn nữa. Quân Anh lúc mới đầu bị công-kích một cách đường-đột như thế phải lùi mất một ít. Nhưng vừa lùi vừa chống lại, đánh hại quân đức rất nhiều. Sau lùi đến nơi trận-địa vững vàng thì dừng lại đấy mà hết sức chống cự. Lại vừa bấy giờ thì quân Pháp đến cứu-viện kịp ở phía Nam sông Tùng-mặc (Somme) và tả-ngạn sông Ngõa-tí (Oise), ngăn hẳn quân Đức không tiến được nữa. Rút lại cái kết-quả của quân Đức đánh công-thế cũng là không được gì, không thể phá được vỡ hàng quân Pháp-Anh tuy phải lùi một ít lúc mới đầu mà nay lại càng vững vàng lắm, vì quân Đức hiện đã dùng gần hết quân dự-bị mấy ngày đầu, mà quân dự-bị của quân Pháp-Anh bây giờ mới bắt đầu dùng đến. Quân Đức mong đánh dẫn đi luôn mấy ngày rất hăng cho bên này không kịp phòng-bị, cái lối dụng quân của các tướng Đức xưa nay vẫn thế. Nhưng không ngờ rằng quân Pháp-Anh chống lại cũng dữ quá, Đức đánh hăng bao nhiêu thì quân lại nhược bấy nhiêu, mà cái mục-đích vẫn là chưa tới được. Hiện quân Pháp-Anh chỉ đợi đánh phản-kích lại, thì Đức bấy giờ đánh mấy trận trước đã hầu kiệt-lực rồi. Cho nên các nhà bình-giả chuyên-môn nói rằng trận này có thể là trận kết-cục, vì Đức đã đánh đến miếng sau cùng mà không xong thì không còn sức đâu mà đánh lâu được nữa. Có ý nhận lần này quân Đức dụng người phi lắm, không có ý rẻ người mà dùng đạn-dược nhiều như những lần trước: quân tràn vào các hàng trận Pháp-Anh như nước vỡ đê. Nhưng càng tràn vào bao nhiêu thì pháo-binh Pháp ở sau quân tầu-bay Anh ở trên không, bắn càng chết nhiều bấy nhiêu. Nơi chiến-trường đặc những thây người Đức, thật có thể chất thành đống thành gò được. Các báo tây nói phỉ cái tâm-địa những tướng Đức, không tướng nào nỡ dùng quân một cách tàn nhẫn như thế. Nhưng mà đã dùng đến thế thì thế nào mà duy-trì lâu được nữa ? Nên nói ngày kết-cục có nhẽ sắp tới vậy.

Thế quân Pháp-Anh thì hiện nay vẫn mạnh lắm. Hai quân vẫn liên-lạc nhau, dù quân Đức đã dùng hết sức mà không thể lìa được. Hiện hai chính-phủ Pháp, Anh, Mĩ đã đồng lòng giao quyền thống-súy cả các quân đội ở đất Pháp cho đại-tướng Pháp Phúc-sĩ (Foch), là một bậc danh tướng đệ-nhất thời nay, đã từng nhiều phen trước-danh trong trận này. Xem đó thì đủ biết bên đồng-minh một lòng hiệp-lực để theo đuổi sự chiến-tranh cho đến cùng vậy.

Phụ-lục. — Trong tiểu-thuyết Tàu như sách *Tam-quốc* thường kể những trận đánh nhau hàng mấy mươi vạn quân, nhưng chẳng hay những số ấy thực-hư thế nào. Hiện nay bên Âu châu có những quân-đội đến mấy triệu người mà là thực số như thế. Có nhà báo tây đã tính như một quân ước một triệu người, thì đại-loại chia ra các hạng như sau này.

Lính hạng nhì...	76 vạn,	8 nghìn			
Lính hạng nhất..	11 vạn,	5 nghìn	2 trăm		
Cai.....	6	—	4	—	
Cai coi binh-lương.	—	3	—	8	— 4 mươi
Đội.....	1	—	5	—	4 — 6 —
Đội coi binh-lương..	—	3	—	8	— 4 —
Đội coi sổ sách.....	—	3	—	8	— 4 —
Phó quản.....	—	3	—	8	— 4 —
Chánh quản.....	—	3	—	8	— 4 —
Thiếu úy (quan một)	—	4	—	0	— 1 —
Trung-úy (quan hai).	—	7	—	6	— 8 —
Đại-úy (quan ba)....	—	4	—	8	— — —
Thiếu-tá (quan tư)..	—		—	9	— 6 —

Trung-tá (quan năm hạng nhì).....	—	nghìn	2 trăm	4 mươi
Đại-tá (quan năm hạng nhất).....	—	—	2 —	4 —
Thiếu-tướng (quan sáu, hạng ba).....	—	—	1 —	2 —
Trung-tướng (quan sáu, hạng 2).....	—	—	—	6 —
Đại-tướng (quan sáu hạng I, coi các quân-đoàn).	—	—	—	3 —

Tổng-cộng là 1 triệu người ; hàng tướng 210 viên ; hàng tá 1 nghìn 4 trăm 4 mươi viên ; hàng úy và quân đội 1 vạn 6 nghìn 4 trăm 9 mươi viên ; hàng linh 98 vạn 1 nghìn 8 trăm 6 mươi. Bấy nhiêu người ăn hết mỗi ngày 2 nghìn 5 trăm con bò. Lúc bình-thời thì cả quân-đội các nước Âu-châu ăn hết mỗi tháng là 2 triệu con bò.

VIỆC Á ĐÔNG

Thời sự Tàu. — Ngày nay nước Tàu tình hình ở trong bối-rối là bởi sự đảng tranh mà nên. Đảng Bắc-dương ở bên Bắc, đảng Quốc-dân ở bên nam đều giữ thế-lực mà đối-đãi với nhau. Lâu nay cuộc chính-trị chia xẻ, giáo mác cùng tìm nhau, sóng nọ chưa yên, sóng kia đã dậy, hai đảng ấy hình như đắp nên một cái trường-thành để chia bờ Nam cõi Bắc hai bên, ở nước Tàu ra vậy. Gió cuốn Ba-thục 巴蜀 sóng vỗ Động-đình 洞庭 và tiếng súng nổ ở Châu-giang 珠江 đều bởi đảng-khỏa gây ra. Mà cái mệnh-vận của quốc-gia không biết sau này làm ra đến thế nào ! Người đời nay đứng ngoài mà coi, cùng trông cho phái quân-nhân, bọn chính-khách ở nước Tàu, đều giắt tay nhau mà gây cuộc hòa-bình cho cố-quốc, không ngờ đâu đảng nọ đối với đảng kia chưa hay dung-hòa vào nhất-trí, mà trong một đảng lại chia ra chi này phái khác cùng chành-chọi lẫn nhau, như tình-thế nước Tàu bây giờ vậy. Đảng Bắc-dương có hai phái : một là phái Trực-lệ 直隸派 thì tổng-thống Phùng Quốc Chương 馮國璋 làm chủ, hai là phái An-Huy 安徽派 Tổng-lý nội-các trước là Đoàn Kỳ-Thụy 段祺瑞 làm chủ. Kiện-tướng của phái Trực-lệ là ba quan Đốc-quân ở mặt Trường-giang 長江, Kiện-tướng của phái An-huy là bọn các quan Đốc-quân ở các tỉnh phương Bắc.

Từ khi Phùng Quốc-Chương vào yên-kinh làm Tổng-thống, có ngay cái sự bọn Lý-Thuần 李純 liên-điện phản đối Nội-các mà Tổng-lý Đoàn Kỳ-Thụy phải từ chức. Bọn Đoàn bị cái phen đả kích ấy, tất không thể nào mà cam-tâm với bọn Đốc-quân Trường-giang. Rồi kế ngay quân đội Trực-Nam đến bức Nhạc-châu 岳州. Trong tỉnh Tứ-xuyên 四川 cũng cáo-cấp luôn luôn. Phái An-huy trong khi hội-nghị ở Thiên-tân 天津 quyết hẳn tiến lấy võ-lực mà đè ép các tỉnh phương Nam, Song le lại có ba quan Đốc-quân về mặt Trường-giang là Lý Thuần 李純 Vương Chiếm-Nguyên 王占元 Trương Quang-Viễn 張光遠 đương ở quãng giữa, gánh lấy cái trách-nhiệm điều đình khiến cho bọn chủ-chiến ở miền Bắc không đạt được mục-đích. Vả lại Phùng Tổng-thống thì có thái-độ dĩ dung, mới hóa ra cái ác-cảm của bọn kia đối với phái Trường-giang lại đổi ra mà chủ nhập vào Phùng. Phùng muốn dùng kế vớt-vát lại, nên mới từ Kinh-sư mà xuống Nam-phương, để liên-lạc cái cảm-tình của các quan Đốc-quân lại, muốn được nhất-trí mà đối phó với đảng Nam để duy-trì lấy lòng các quan Đốc-quân miền Bắc. Không ngờ sau khi về Bắc-kinh, quân đội phái đi đánh Nam-phương chưa chỉ-huy được như-ý thì lại có sự Phùng Ngọc-Tường 馮玉祥 phản-đối lại, đảng Nam tiến-bộ càng thịnh, thời-cục rối-rít không vãn-cứu được. Tổng-lý Vương Sĩ-Chân 王士珍 nhân thế mà từ chức, lấy Tiền Năng-Huấn 錢能訓 thay chân. Bọn Đoàn càng bức càng riết khiến cho Phùng càng thêm lang-bối. Kế ngay đến Đốc-quân Phụng-Thiên 奉天 là Trương Tác-Lâm 張作林 lại phái binh đi vào Sơn-hải-quan 山海關 giữ lại những quân-giới ở Bắc-kinh mua của Nhật-bản, lại tiến lên bức Bắc-kinh để thị-uy với Phùng. Hiện trong báo Thượng-hải 上海 chép rằng : lần ấy Trương đem quân vào yêu-cầu ba khoản : 1° lập lại nội-các, 2° hết sức đánh đảng Nam, 3° chuất bãi ba Đốc-quân ở Trường-giang đi. Xem như thế thì Trương có ý khôi-phục Nội-các Đoàn Kỳ-Thụy vậy. Nhân thế mà Phùng thông điện đi khắp trong nước, cố xin từ chức. Song le mục-đích phái An-huy ngày nay chẳng qua chỉ khiến cho Phùng phải khuất-phục dưới chính-sách mình mà thôi, chứ không có ý muốn làm đổ Phùng để cho người khác thay. Cho nên có điện từ chức mà tự thực vẫn

không thành. Ngày nay Đoàn Kỳ-Thụy lại bước chân vào mà thực-hành « trách-nhiệm nội-các ». Cái bọn phạm về việc đế-chế như là Lương Sĩ-Di 梁士詒 cũng đã được tha, tưởng nay mai cũng lại nhẩy nhót trong trường chính-trị vậy. Lại cứ theo báo Tầu chép rằng: bọn trước kia chủ-bòa như Đốc-quân Giang-tô 江蘇 Lý-Thuần dễ thường chuyền lại thân với Đoàn Kỳ-Thụy cũng chẳng biết đâu.

Phương-diện quân Nam bây giờ hình ra thất-bại, Trường-sa 長沙 đã vào tay quân Bắc. Gần đây phái chủ-chiến ở Bắc-kinh có thế-lực lắm có lẽ nhân thế mà dùng cái thủ-đoạn tích cực đối-phó với đảng Nam. Thế thời cũng đáng ngán thay cho bọn quốc-dân vậy.

* * *

Tin bên Tây về việc Tầu Nhật bí-mật ngoại-giao. — Báo Thái-ngộ-sĩ ở Thiên-tân tiếp thông-tin ở Bắc-kinh gửi cho ngày 29 tháng 3 rằng: Tổng-lý Đoàn Kỳ-Thụy sau khi tiếp được điện-tín của quan Chương 章 công-sứ Tầu ở Nhật-bản gửi về, thì hôm qua đã vào yết-kiến Tổng-thống thương-sác cái việc nước Tầu nước Nhật hai bên ở chỗ Mãn-châu và Tây-bá-lợi-á phải nhất-chí hành-động, điều do tự Bắc-kinh thu xếp để làm. Cho nên đã khiến tham-chiến Ngạn Vân-Bằng 靳雲鵬 tới bàn với sứ thần Nhật. Ngạn tướng-quân hội-đồng với ngoại-giao bộ để làm việc. Cứ như lời một người Tầu kể chuyện lại thì bàn những điều khoản: 1° nước Tầu xin nhất-chí hành-động để giữ cuộc hòa-bình bên Viễn-đông này, chỉ có không can-thiệp đến lĩnh-thổ và sự độc-lập của Tầu, với không có phá-hoại những cái ước đã định với các nước khác làm hạn, 2° phải giải nghĩa minh-bạch hai chữ Viễn-đông và hai chữ Mãn-châu ra thế nào, mà các kỳ hạn cũng phải qui-định, 3° nước Tầu đã chịu tổn binh phí, đến lúc yếu-cần thì nước Nhật phải giúp tiền cho mới được. Nay hai nước bàn định các điều đã xong được cái đại-cương rồi, chỉ còn Ngạn tướng-quân cùng với công-sứ Nhật là trung-tướng Trai-Đằng 齋藤 bàn-bạc với nhau không biết có phải chỉ là về vấn-đề quân sự hay không? Cũng đã cùng bộ ngoại-giao bàn-bạc đến vấn-đề ngoại-giao. Cái vấn-đề Mãn-châu kể vào trong sự bàn-bạc ấy cũng gợi lòng ngờ cho người ta vậy.

Việc Nhật-Bản

Về việc đổi Nội-các và xuất-binh. — Cứ ngày 19 tháng trước có tin Đông-kinh lại, thời độ này nhân sự ngoại-giao của Nhật-bản đối với nước Nga nước Tầu, nhiều mối phiền-phức các chính-đảng cùng các phái thực-nghiệp-giới Nhật-bản, đều trông mong được có một tòa Nội-các thống nhất cả các đảng trong nước. Quan Tướng-quân Tam-Phố 三浦 nghĩ việc ngoại-giao bây giờ quan-hệ trọng lớn lắm.. Nếu không thống-nhất được chính-kiến của toàn-quốc về tiền-đồ nước nhà đối với ngoài có nhiều điều không lợi cho nên có cái lời chủ-trương phải có tòa Nội-các thống-nhất cả trong nước. Các chính-đảng về cái vấn-đề Nội-các cũng vận-động nhiều. Đây góp cả tin-tức các nhà báo mới độ này chép như sau này: Quan Thủ-tướng Tự-Nội 寺內 độ này trong mình yếu, vợ ngài cũng mắc bệnh nặng và những công-việc trong nước ngoài nước không thu được cái hiệu-quả tinh trước nhân thế có ý mỏi, muốn nghỉ việc, cho nên đến kỳ nghị-hội thôi hội hoặc xin từ-chức không biết chừng. Còn đến tòa Nội-các nói sau này thế nào thì các phương-diện ý-kiến phân-vân chưa thấy được nhất-chí, tựu-trung có lời bàn lấy Tây-viên-tự-hầu 西園寺侯 đứng lên tổ-chức một tòa Nội-các thống-nhất cả các đảng. Phần nhiều người tán-đồng cái lời bàn ấy, Hội Hiến-chính-đảng quốc-dân, viện qui-tộc, cùng một phần hội chính-hữu đều tỏ cái ý tán-thành. Cũng có đảng mong cho Sơn-Huyện công 山縣公 lại ra làm Nội-các. Nhưng Tây-viên-tự cùng Sơn-Huyện chưa dễ lại ra làm được, bởi thế lại có sự vận-động tổ-chức lại Nội-các trong nguyên-lão-viện cùng phái quan-liêu nhân tòa Nội-các sau này thiếu người có tư-cách xứng đáng, cho nên muốn nhân tòa Nội-các này mà tổ-chức lại thôi. Gọi là tổ-chức lại Nội-các tức là [illegible] Nội-các Tự-nội trước từ-chức hết cả rồi lại đ[illegible]ng Tự-Nội đứng lên tổ-chức tòa Nội-các nối [illegible]u. Cách tổ-chức tòa Nội-các mới này lượng hết những người có thế-lực trong viện qu[illegible]ộc để toan cái sự thực cả nước nhất-chí. Ấy [illegible] cái hi-vọng của những người chủ-trương t[illegible]chức lại Nội-các vậy.

Nội-các Nh[illegible] sau này, hẳn là thay mới hay là tổ-chức lại, ngay bây giờ, chưa rõ ra được.

Nhưng xét cái tình-hình trong chính-giới Nhật-bản gần đây và coi dư-luận các phương-diện thì sau khi nghị-hội bế-hội trong chính-giới Nhật chắc có biến-động nhiều ít. Nay cái mối biến-động đã hơi lộ ra rồi mà xét cái nguyên-nhân biến-động thì bởi việc ngoại-giao phiền-phức đương lúc này, cho nên chính-cục Nhật-bản không biến-động thời cái phương-trâm của Nhật-bản đối với ngoài cũng nhân đó mà biến-động theo chắc ?

Các Đại-sứ nước Pháo, nước Anh, nước Ý ở Nhật-bản đã nói với chính-phủ Nhật bảo-hộ sự lợi-ích của Đồng-minh ở Tây-bá-lợi-á (Sibérie) vậy thời bây giờ Nhật-bản xuất-binh đã được các nước đồng-ý rõ rồi chỉ nước Mĩ chưa nói rõ ý-hướng. Quan Thủ-tướng Anh vì truyện ấy từng đi thăm quan Công-sứ Mĩ ở Anh mà chính-phủ Mĩ cũng chưa thanh-minh đồng-ý với các nước cho nên sự Nhật bản xuất-binh tuy dần-dần mở rộng cục-diện mà về việc ngoại-giao vẫn không khỏi còn có việc dùng-dằng. Cứ tin-tức gần đây, Nhật-bản còn đợi điều-tra tình-hình ở Tây-bá-lợi-á cùng việc chính-trị nước Nga, rồi sau mới thực-hành xuất binh, coi thế thì biết Nhật-bản đối với ngoài là thận-trọng lắm. Nhưng Nhật-bản xuất-binh chắc có một cái hi-vọng gì, có một cái mục-đích gì quan-hệ về sự lợi-ích nước mình, cho nên thế nào cũng thẩn-thận lắm mới được

Báo Nữu-ước chép lời bàn của một ông đại-viên Nhật-bản sang Ba-lê đi ngang qua Mĩ, cứ ông ấy nói « Nhật-bản phen này mà xuất binh có hai cái nhiệm-vụ ; 1° bảo-toàn Hải-sâm-uy cùng Tây-bá-lợi-á 2° bênh vực nước Nga để ngăn cản quân Đức sâm-lược, quyết nhiên không phải là đối kháng với Nga, chỉ cốt thay nước Nga mà giữ nước Nga để cự với nước Đức. Ở Hải-sâm-uy còn nhiều lương thực khi giới đều hữu-dụng cho Nhật-bản cả. Một bộ-phận lớn mà Nhật-bản đã bỏ đi rồi, Nhật-bản có thể lấy lại đem về được. Vả chăng việc ấy thật là bảo-hộ cho lợi ích các nước Đồng-minh nhiều ». Người đại-biểu báo Nữu-ước hỏi « Nhật-bản có thể đem đại-quân đi và tiếp tế được quân-lính luôn luôn không » ? Ông quan Nhật nói : « Nước Nga [illegible] duy-trì được sự chế tạo quân-lính quy-đội ra trận không bao giờ thiếu, Nhật-bản cũng thế có gì mà không được ? » Người đại-biểu báo lại hỏi : « Nhật-bản làm việc ấy có lợi-ích gì cho Đồng-minh không ? » Ông quan ấy nói : « Tôi đã nói trước rồi, Nhật-bản cố giữ được Hải-sâm-uy rồi mới tra rõ những người Nga có được bao nhiêu người vào làm quân Nhật mà chống quân Đức. » Người đại-biểu báo lại hỏi : « Nhật-bản có thể đem đại-quân vào trong nước Nga đánh nhau với quân Đức không ? » Ông quan ấy nói : « Nhật-bản thật không có thể đem binh tới Mạc-tư-khoa (Moscou) trực-tiếp đánh nhau với người Đức, bởi về đằng quân-sự về đằng kinh-tế có nhiều cái lý-do không thể được. Nếu thực như thế thì cách cái vòng chiến-tranh xa quá, mà Nhật-bản cốt ý là không phải muốn lấy nước Nga, chủ-nghĩa Nhật-bản chỉ cốt là bảo-toàn lấy một bộ phận của nước Nga, những chỗ muốn theo cái chủ-nghĩa cự lại người Đức tức là cứu-viện những người Nga còn muốn giữ đất. Vì mình là người Nga, và còn là đồng-chí với Nhật-bản cùng các nước Đồng-minh.

* *

Việc ngoại-giao Nhật-bản. — Quan ngoại-tướng Nhật-bản là Bảo-Đã 本野氏 trong ngày 27 tháng trước, diễn-thuyết tại nghị-hội về việc ngoại-giao có nói : «Hôm trước nghị-hội mới khai hội tôi có diễn-thuyết phương-trâm ngoại-giao nước nhà đã kể hết cái tình, sau này tình-thế lại biến-đổi khác cho đến lúc bây giờ thành ra cuộc Nga với Đức đan-độc giảng-hòa. Các châu ở men bờ bể Ba-la đích (Baltique) và xứ Ba-lan (Pologne) đã phục theo chính-phủ Đức cả. Cứ cái tình-hình như thế cũng đã nên phải lo lắm rồi. Quốc-dân nước Nga sẽ định làm chính-thể gì vốn không phải chính-phủ mình biết được, chỉ một điều nước Nga nếu ở dưới thế-lực nước Đức thì mình không có thể bỏ qua được. Lúc này thế lực nước Đức sửa soạn xâm vào tới Tây-bá-lợi-á (Sibérie). Truyện đó nước Nhật ta phải lo đã đành mà các nước Đồng-minh nước nào cũng lấy làm chú-ý lắm. Nhân thế mới phát khởi ra cái vấn-đề nước Nhật ta xuất-binh Tuy vậy nhưng trong đó cũng nhiều điều truyền bậy-bạ. Ta tưởng phải đem cái địa-vị chính-phủ ta, giải thích một phen cho minh-bạch, thứ nhất là chính-phủ ta chưa từng nói với nước nào đề-nghị cái sự xuất-binh, cũng chưa hề nghe các nước khuyên nước Nhật ta xuất-binh. Đến như việc Tây-bá-lợi-á (Sibérié) nước Nhật ta vẫn chú-ý thật, nếu sự thế đến nỗi nước

ta thay những nước tiếp cận ta có điều nguy-hiểm gì thì nước ta vì sự tự-vệ mình tất phải hết sức mà đối-phó, việc đó đã đành như thế rồi. Nhưng bản-tâm nước ta chẳng những không có ý gì thù-địch với Nga, mà lại nhân cái chính-sách xâm-lược của Đức thì ở mặt Âu-Nga, chính-phủ Nhật ta lấy làm giận lắm, cho nên đối với người Nga thật có lòng thương sót muốn giữ cuộc hòa-thân với Nga luôn luôn. Ta cũng tin chắc các nước Đồng-minh đối với dân Nga cũng đều như thế cả. Nói tóm lại cái vấn-đề nước ta xuất binh là một việc trọng đại lắm. Dù muốn một phải thực-hành việc ấy chính-phủ ta tất xem xét thận trọng lắm rồi mới dám quyết vậy. »

VIỆC TRONG NƯỚC

Hoàng-Thượng tới Bắc-kỳ. — Đến khi số báo này xuất-bản thì Hoàng-thượng đã tới Bắc-kỳ rồi, Dân-gian đương vui vẻ đón vua, thực là một cơ-hội đã hai mươi năm nay chưa từng có. Các báo tây báo ta đã nói tường về cái chương-trình những ngày giờ Long-giá ngự-du mọi nơi. Hoàng-thượng tới Hà-nội chiều ngày 26 tháng 4 tây, sáng ngày 7 tháng 5 thì ngự-giá về Kinh, ở Bắc-kỳ trọn vẹn mười ngày. Trong mười ngày ấy chính-phủ Bảo-hộ đã sửa soạn để Hoàng-thượng đi thăm đủ mọi nơi nên đi. Trước là đi kỷ-niệm những chốn nghĩa cũ tình xưa như nơi tượng-đồng quan cố toàn-quyền PAUL-BERT khi xưa ngài đã đặt Tiên-đế là đức Đồng-khánh lên ngôi, như đền Sinh-từ thờ ngài Vĩnh-lại quốc-công Nguyễn Hữu-Độ là ông ngoại Hoàng-thượng. Rồi đi du-lịch những nơi thắng-cảnh trong xứ, như núi Kỳ-lừa, động Cửa-Lục. Thứ nhất là đi quan-sát cái tình-trạng xứ Bắc-kỳ về đường kinh-tế công-nghệ, như đi thăm cửa Hải-phòng, thăm các xưởng chế-tạo cùng các nhà máy nhớn, thăm các nơi đồn-điền to. Thiết-tưởng khi Hoàng-thượng hồi-loan thì trong mắt thánh đã thu được cái ảnh-tượng chân-thực của xứ Bắc-kỳ này và lòng tất cảm-phục cái công khai-hóa của nhà-nước Bảo-hộ, trong khoảng ba bốn mươi năm đã làm cho xứ này được thịnh-vượng như thế. Hoàng-thượng tất cũng sẽ đoái nhớ đến lũ dân xứ Bắc tuy lâu nay đã xa-cách Triều-đình mà tấm lòng trung nước mến vua vẫn đằm thắm đậm đà như xưa. Như thế thì hội Bắc-tuần này cũng là một điềm hay riêng cho xứ Bắc-kỳ và chung cho cả nước Việt-Nam ta vậy.

* * *

Quan Công-bộ Thượng-thư Đoàn đại-nhân. — Hồi về Kinh, bản-báo chủ-bút có được vào hầu quan Công-bộ kiêm binh-bộ thượng-thư ĐOÀN ĐÌNH-DUYỆT, lại được nghe dân-sĩ nghị-luận về cái chính-tích hay của ngài ở tỉnh Bình-định năm trước, mới biết ngài thực là một tay chính-trị giỏi của Triều-đình ta ngày nay. Ngài rõ ra tư-cách một ông quan mới, giản-dị hoạt-bát, cần-mẫn, siêng năng. Thân là quan đại-thần, mà không nề chính mình đi giám-đốc các công việc, không để phó mặc cho người dưới. Các quan Tây thấy thế lấy làm trọng và phục lắm. Ngài về Bộ Công được mấy năm nay mà những cung-điện dinh-thự trong thành đã khởi công sửa sang xây dựng nhiều lắm. Ngài dùng những người làm việc trong bộ phần nhiều là lấy ở chân những học trò trường Bách-nghệ ra, thuộc nghề và biết về cả.

Nghe người ta nói năm trước ngài làm Tổng-đốc Bình-định, dân tỉnh ấy được nhờ nhiều lắm. Dân-gian thường vì uống nước không được sạch mà sinh ra dịch-tệ tật bệnh nhiều, ngài bèn sức cho đào giếng và dạy cách lọc nước, không bao lâu dịch tệ tắt, tật bệnh lớt. Thậm-chí có người chủ hàng bào-chế làm đơn thưa rằng vì ngài mà hàng họ ế khách họ mất! Nghĩ người đầu đơn đó mà buồn cười thay!

Ngài lại làm đường xá rất nhiều cho việc giao thông trong tỉnh được tiện lợi, lập trường học rất nhiều để khai trí cho dân. Dân tỉnh Bình-định thực được ơn nhờ ngài vô cùng vậy. — Ước gì trong quan-trường ta được nhiều người như quan thượng Đoàn thì việc cai-trị trong nước lo gì mà chẳng được hoàn-toàn.

Quan Thượng Đoàn có sung chức hộ-giá Hoàng-thượng ra Bắc. Ngài lại vốn là người ngoại Bắc tuy nguyên-quán ở tỉnh Hải-dương.

* * *

Quan chánh tòa-án Đề-liệt-từ-lê mất. — Quan chánh Tòa-án Đông-dương Đề-liệt-tơ-rê (DELESTRÉE), chiều ngày 18 tháng 4 hốt nhiên mất khi đi xe hơi đi bắn ở Phủ

Đa-phúc về. Nghe nói rằng ngài bị trúng-thử mà mất chóng như thế. Năm nay ngài mới có 47 tuổi, người vốn mạnh khỏe. Ngài vào làm việc án từ năm 1896 ; năm 1905 ngài mới sang Đông-dương này sung chức « Kiểm-sự » cho quan chánh tòa-án (*substitut du procureur général*), năm 1909 thì bổ làm phó-chưởng-lý (*avocat général*). Năm 1915 nhân chính-phủ nước Xiêm-la xin một quan pháp-luật-cố-vấn (*conseiller juridique*) để định lại pháp-luật cho nước Xiêm, ngài được cử vào chức ấy. Năm ngoái quan chánh tòa-án cũ về Tây nghỉ, ngài bèn ở Xiêm về đây quyền nhận chức ấy.

Tuy ngài tại chức chưa được bao lâu mà đã làm nên nhiều việc. Chính ngài tuyên-bố bộ Tân-luật Bắc-kỳ và đương chăm nom về sự thi-hành. Cứ xem những nhời hiểu-dụ của ngài cho các quan phủ huyện kiêm việc án đệ-nhất-cấp thì đủ biết cái cách ngài thi-thố thận-mật và chu-đáo biết chừng nào. Sự-nghiệp chưa thành, người đã vắng mặt, thực là đáng tiếc thay !

Nhưng không những cái sự-nghiệp ấy to mà cái tính-cách người cũng khả-phục nữa. Cứ xem nhời di chúc ngài làm tự ngày 5 tháng 10 năm 1916 nói khi chết xin cất đám rất giản-dị, đừng có trang-hoàng gì mà cũng đừng có điếu viếng gì, thì đủ biết người cao-thượng biết chừng nào. Lại trong cách ngài đối-đãi với những người làm việc dưới quyền cũng rất là tử-tế nhân-từ. Chắc các viên-chức tòa án ai ai cũng một lòng thương tiếc một ông quan thầy hay như thế.

Quốc-dân ta, nhất là dân xứ Bắc này, cũng nên tiếc một quan tư-pháp xứng đáng như thế, đã hết sức trông nom cho việc cải-lương pháp-luật trong bản-xứ được thập-phần hoàn-hảo. Sau này dân nhờ luật mới mà được hưởng cái hạnh-phúc sự công-bằng thì phải nhớ rằng quan chưởng-lý Bê-liệt-tử-lê đã có một phần vào đấy vậy.

* * *

Lớp diễn-thuyết ở trường Quốc-tử-giám (Huế). — Theo lời Thánh-dụ cùng tờ tư-lục của quan Học-bộ, ở trường Quốc-tử-giám (Huế) có đặt một lớp diễn-thuyết, mỗi tháng mấy lần các bậc đường-quan đến diễn cho những thầy học-sinh ở Quốc-tử-giám cùng trường Hậu-bổ về nghề làm phủ-huyện. Nay bản-báo có sao được bài diễn-thuyết của tư của quan Binh-bộ tham-tri Võ-Liêm, xin đăng sau này. Bản-báo đã mượn người sao-lục cả các bài trên bài dưới, để in tiếp theo cho đủ, mong rằng nay mai sẽ nhận được. — Về cái cách dạy học bằng lối diễn-thuyết bản-báo đã có bàn qua trong bài luận-thuyết về trường Sĩ-hoạn đang trong số báo thứ 3. Cách ấy rất có ích, nhưng nay trường Sĩ-hoạn đã sắp bỏ, nên chẳng bàn lại làm gì nữa.

Nhời diễn-thuyết của quan Tham Võ như sau này :

« Hoàng-triều Khải-định muôn năm năm thứ hai, tháng hai ngày hai mươi hai, tôi là Binh-bộ-tham-tri Võ-Liêm tuân lời Thánh-dụ và tờ lục-tư quan Học-bộ đại-thần, đến phiên ra dạy diễn-thuyết cho các thầy sanh viên trường Hậu-bổ và Quốc-tử-giám nghe, để ngày sau các thầy ra làm quan Phủ, Huyện cho dễ.

« Tôi tưởng rằng gánh phủ huyện đã khó, các thầy ra làm quan phủ huyện ngày sau càng khó ; mà quan ra diễn-thuyết cho các ông đi làm phủ huyện nghe, nào có dễ đâu ; nay Thánh-thượng nhơn-tâm nhơn-chánh, dân-gian lợi-bệnh, chẳng hề một khắc nguôi lòng, tôi vẫn nghe Thánh-dụ cho thị-thần rằng thừa-lưu tuyên-hóa, trách thần-dân phủ huyện là hơn ; trông làm sao cho phủ huyện lắm kẻ tuần-lương, thời dân được nhờ mà nước mới trị, Thánh-thượng trên đã có lòng cầu hiền như khát mà quan Học-bộ đại-thần dưới lại hết lòng đào-tạo, những trông lắm kẻ thành-tài, ngày sau gánh vác việc đời, cho được nhiều người mạnh-sức. Vậy thời trách-vọng các thầy cũng lớn, thanh-giá càng cao ; phủ huyện là cái bước đầu phải cho vững vàng mới được.

« Nhưng vậy phủ huyện vẫn có nhiều điều giản-trước, mà lời diễn-thuyết chẳng cần những sự hy-kỳ ; các thầy xét lại mà coi, như trong lời Thánh-dụ phải quan diễn-thuyết, chỉ nói rõ mấy chuyện điền-thổ mạnh-án mà thôi ; nghĩ lại cho kỹ, thời gánh phủ huyện ra làm-dân lý-chánh, không chỉ khó hơn sự điền-thổ mạnh-án ; mà can đến dân sanh lợi-bệnh, cũng không chỉ quan-hệ hơn sự điền-thổ mạnh-án. Những các việc khác, như kiểu-lương đạo-lộ, thời có tổng-lý sai-bát, quan lục-lộ hội-đồng ; việc thân-thuế điều binh, thời có tổng lý trung-thôi, gia-thuộc đốc-sức : dầu cho đến tình-tệ kẻ dưới, hễ

còn nhiều mẹo để-phòng, tông-tích đứa gian, hãi còn nhiều phương từng tập; bằng đến chuyện điền thổ mạng-án, thời thật nhiều điều gian-sáp, xử-đoán cho có dễ chi đâu! Việc công-điền-thổ chưa khó bằng việc tư-điền-thổ, việc tư-điền-thổ, chưa khó bằng việc địa-đái; án thiết-đạo còn có án cường đạo, án cường-đạo còn có án mạng-kiếp; xử-đoán nhiều khi gian-ngại, tình-lý ẩm nỗi nghiêu-khê, mới biết việc phủ huyện chẳng chi khó hơn điền-thổ mạng-án, mà lời Thánh-dụ nói rõ ra bốn chữ ấy, thật là bức quan-châm, lời bảo-huấn, dậy cho thứ-lịnh muôn đời. Vậy nên các quan cũng lấy mấy việc ấy mà diễn-thuyết trước, nay tôi lại cũng theo mấy khoản các quan đã diễn-thuyết đó, mà diễn thêm ra; nghĩ tôi kinh lịch chẳng được bao nhiêu, kiến-thức chưa mấy, vâng lời trên sai ra diễn-thuyết, phải làm cho đủ bài đủ bản với người ta, hãi xin kể ra sau này:

« *Khoản thứ nhất*: *về việc bàn giao*. — Khi quan mới quan cũ đổi đông nhau nhận án kiếm xong rồi, văn thơ nhiều nỗi, dầu muốn giao cho lại mục rồi sẽ kiếm xét về sau cũng được; còn tù phạm là nhiều sự khó chẳng nên để trễ làm chi. Số là ngày xưa có một ông huyện, đắc-chỉ thăng đi phủ khác, chưa kịp bàn giao, thời một tên trọng-tù trong lao trốn mất, ông huyện ấy mới mưu với tên lệ-mục, dấu sự ấy đi, anh lệ-mục ta nghĩ rằng tù trốn hôm trước hôm sau, tội mình cũng vậy; thà rằng chịu ơn quan trên, toàn nghĩa thầy trò, sẽ đổ lỗi cho quan sau cũng được. Thầy-trò bàn-bạc an rồi, đến ngày sau quan huyện mới tới nha, khi bàn giao ấn kiếm rồi, vẫn cũng có đem tù phạm ra điểm mặt kêu tên, nhưng khi ấy anh lệ-mục ta đã có thuê một người ngoài đem vào, điểm cho đủ số, xong rồi quan mới giao cho lệ-mục canh-thủ, chờ ấy tờ giao bàn sự thanh, bẩm tỉnh; chiều hôm ấy quan cũ bước ra khỏi huyện, thời đêm ấy anh lệ-mục ta, mới ta mất tù, cùng làm bộ thắp đèn thắp đuốc, đánh mõ đánh cồng, tìm kiếm một hồi, trở về thưa quan chịu tội. Ấy thật lỗi quan trước đổ cho quan sau, tôi mới phải ăn cơm mới nói chuyện cũ. Vậy nên trong khi giao nhận án-kiếm xong rồi, phải sức nhận các tù phạm, đem ra trước mặt mà điểm từng tên; phải hỏi đứa nào, tên gì họ gì mấy tuổi, làng nào tổng nào phủ huyện nào cha mẹ anh em sống chết, vợ con đã có hay chưa, can về khoản gì, trước sau khai báo làm sao, rồi dở sách tù phạm ra, mình phải xét lấy từng điều, có phải hay không; dầu có tình chi giả mạo, thời cũng tế mối ra liền, tù phạm xong rồi, mới hòng bẩm tỉnh. Ấy là việc bàn giao, tôi xin dặm vào một đều ấy nữa.

Khoản thứ hai: *Về việc điền-thổ*. — Việc điền-thổ đã có bài diễn-thuyết trước lệ-luật tinh tường. Tôi lại nghĩ rằng việc điền-thổ khó là sự xử-đoán, mà sự xử đoán khó là tại giới-hạn; nhiều khi hai làng kiện dành địa giới, năm nọ năm kia, phủ huyện gỡ chẳng xong, tỉnh tòa nói cũng không chạy, chỉ vì giới-hạn cứu không minh-bạch, xứ sở mô-hồ, làng này tranh khi làng kia, thật là khó gỡ.

« Còn tư-điền thổ, như những chỗ tờ khế minh-bạch, đông tây xứ sở rõ ràng, thời có mấy khi đến kiện, chỉ có những đám điền thổ tờ khế để lâu đời giới-hạn không rõ, đông tây xứ sở xưa nay danh-hiệu khác nhau. Vả lại những đứa đi kiện, tuy có tinh gian, nhưng trong tay nó cũng có một cái giấy mực chi, sự tích chi, có đủ lẽ mà kêu nài được, thời nó mới kiện; bằng cứ tờ khế, thời xứ sở cứu chẳng phân-minh, dầu có đến khám đi nữa, thời bên nguyên chỉ chỗ ấy là xứ nọ, bên bị lại chỉ chỗ xứ kia, không biết sao mà đoán định.

« Cho nên chi những chỗ điền thổ, giới-hạn không minh-bạch làm vậy, chẳng những phải sức làng đem lân-cựu địa-bộ mà xét, còn phải đòi lân bang điền-chủ kẻ ai kết đất ấy, xưa nay bên nào canh-tác, lại phải đòi lân-điền các chủ đều đem khế khoán lên tra, so xét giới-hạn đông tây xứ-sở làm sao, xứ này đem ra xứ khác, bên nọ so với bên kia; phải cho kỹ-càng, mới đoán định được.

« Tôi lại xin nói một câu này nữa, phủ huyện là dân chi trách, thứ nhất phải bình-dị cận tình, khoan phần nào thời dân nhờ phần ấy, người ta nói sung thời sướng, nghèo thời nàn có đời nào anh nghèo kiện lại anh giàu đâu có giở kiện ra thời nha lại hảo-lý cho đến lân-bang điền-chủ, cũng theo một phía vỏ lẽ, còn anh nghèo có đám ruộng đám đất nhỏ đó, đã bị hào-cường xâm-chiếm, tổng-lý thân tình không xử, mới kiện đến quan, kiện xử chưa xong, ruộng thời tiêu

mấ', cơm ăn cầm hơi, trông lên cho thấy mặt quan, chưa dám trông xử đoán chi, chỉ xin thấy mặt quan huyện kêu một đôi lời cho hả hơi ra, kẻo bị phủ-cường ức hiếp; chẳng nhẻ đến nha, thời quan đi khám cầu khám đường, vào tỏa vào tỉnh, chờ đến ngày quan ra khách thời hãi còn lâu; một đôi khi thấy quan ngồi rảnh, muốn lên vào hầu, lại bị nha lại cấm ngăn, không cho vào cửa, ngày qua tháng trọn, nợ tiền cơm quán đã nhiều, có khi phải đợ con đợ cháu, thế nhà thế vườn, kiện vẫn không xong, hầu quan chưa được, có lên về nhà một bữa, để đi xây tạm người ta, thời quan lại bắt là phóng-trạng-bất hậu; dần cho đến nỗi tức mình không biết làm sao, ra giữa đám điêu-thổ đó có nằm mà chết đi nữa; thời quan cũng cho một chữ khinh-sanh mà thôi (*tự tri lý khuất, hữu thử khinh sanh, cứu vô hà nhân oai-bức dịch tình vô lự thâm cứu, vân vân...*). Như vậy thời hạ-dân tình trạng, thống khổ biết là chừng nào. Hôm kia tôi đã nghe quan Hộ-bộ đại-thần, nói rằng: dân bây giờ là nó oán quan lắm, vì nó khổ lắm mà quan không xét thấu cho. » Các ông làm phủ huyện xin thương lấy dân, ấy là bồi bổ khí mạnh cho nhà nước; cửa vua muôn dặm xa xôi, dân-tình trăm phần cực-khổ, làm cha mẹ dân phải nghĩ làm sao?

« *Khoản thứ ba: Về việc mạng án.* — Việc mạng-án có hai quan học-bộ-đại-thần dạy hôm trước châu-mật tinh-tường, sự lý tuy nhiều, chẳng qua là hữu-mạng hữu-phạm, hữu-mạng vô-phạm, hai lẽ ấy mà thôi, trong bài ấy lại có dạy câu rằng: thứ nhất phải giữ lòng bình-doãn; ấy thật là một lời yếu-lãnh, ý tứ không cùng; như các thầy còn chưa thể nhận, tôi xin diễn giải nghĩa ấy sau này mà xem:

« Mạng-án phân ra ba tiết: 1° là khám-mạng, 2° là tra-cung, 3° là định-án. Tôi tưởng khi khám biên tử-thi và khi tra-cung án-phạm, còn nhiều tình-lý nghiêu-khê; lúc khám biên thương-tích chẳng những là hung-phạm cố ý tử-trí nhân, mà khi giải nhân-phạm về nha tra-cứu, có những đứa có tội mà tội nó chối rằng không, cũng có khi đứa không tội, mà nó nhận rằng có, vì rằng ngoài dân nhiều đứa điêu-thoa hay thảo chúc-sử cho nhà khổ chủ, bày điều yêu sách làm khó cho quan.

« Khi quan đến khám biên thương tích, thời khổ-chủ giả làm than-khóc, chẳng cần kêu một tiếng chi, khám xong lấy chữ tổng-tiếp-nhân chứng ký nhận, chờ quan về nha, khổ-chủ mới nghe lời chúc sử, kiếm lẽ kêu nài. Hoặc kêu rằng thương-tích nhiều mà quan khám ít đi, trong khi ấy nó loạn lạc tinh-thần, phải nghe lời quan mà ký. bây giờ rõ lại, mới biết là quan có dụng tình mà bỏ bớt thương-tích đi; hoặc kêu rằng quan khám rồi về nha, dụng tình bên hung-phạm, thay án khám đi, chữ nó ký nhận, thời về trương sau, còn mấy trương trước chỉ có nha với tổng lý giáp kiềm, nên quan mới thay đổi được; ấy là khổ-chủ cũng có khi sanh sự cho quan làm vậy. Cho nên khi đi khám án mạng, tổng-tiếp khổ-chủ đã đủ mặt rồi, cần phải bảo nhà khổ-chủ khai ra là thấy ấy thương-tích mấy chỗ và những chỗ nào, rồi bắt khổ-chủ nó kệ biên rõ, tộc-thuộc tổng-lý nó đều phải ký chứng vào trong tờ ấy. Như nó không biết chữ thời bắt tộc-thuộc nó viết, giả thử nó khai không biết thương-tích mấy chỗ, cũng bắt nó kết rằng không, quan phải giữ lấy tờ ấy. Khai kết sự ấy xong rồi, thời mới hội khám; khi nào khám thời cứ những chỗ nó khai mà khám cho hết, rồi sẽ tìm chỗ trí mạng, theo phép tẩy oan, khám nghiệm về sau. Hễ là khám xong được một tích nào, thời phải bắt khổ-chủ tổng lý nhận vào, dưới một tích ấy; khám biên ký nhận trong một tờ giấy mà thôi; như khám đến mười chỗ tích cũng phải ký nhận đến mười chỗ, đều phải kỹ càng như thế. Khám biên làm vậy, thời xem ra thương-tích chỗ nào, ký nhận chỗ ấy, ngày sau khổ-chủ dầu có nghe lời sinh sự cũng là hết ngõ kêu nài.

« Đến lúc tra cứu tù-phạm, thời phải giữ lòng bình-doãn, dụng trí thông-minh, khi chánh phạm cùng nhân-chứng đã chịu khai thú rồi, cũng phải hỏi đi hỏi lại đến năm bảy lượt, xem thử có phải vì nó sợ quá mà khai, khi tra-cứu có lúc oai-nghiêm, mà có lúc cũng phải bình-tâm nhẫn-khí, để cho nó được thung-dung khai thú thổ-xuất chân-tình; lại phải xét tinh-thần từ-khí nó ra thế nào, có điên-đảo chi không; oan uổng chi không; một đôi khi thong thả, hỏi đi hỏi lại, xem nó thú nhận, trước sau có phải một lời hay không; rồi lại phải cho người dò xét ngoài dân nghe xem tình-từ nó thú làm vậy đã phải hay chưa, không thấy phần nào nghi, mới dở lệ-luật ra mà qui kết.

« Đến khi định án chiếu theo luật lệ kết nghĩ, lại phải thẩm đi xét lại, như tội làm vậy mà tình thế nào, tình làm vậy mà lý-thế nào

cần phải tham chước tình-lý mà đoán tội-danh, mới gọi thận-hình mà hiệp những lời bình-doãn ; vậy nên ngài dạy thứ nhất phải giữ lòng bình-doãn thời ít nhầm lỗi mới gọi ra giảng tuần-lương.

Khoản thứ tư : về việc phòng-sát. — Ra làm phủ huyện mọi sự phải mình thân-lý, nhiều khi nha thuộc tổng lý đều theo một phía, đều nói một nhời, báo cáo sự tình vẫn không chắc thật ; vả chăng dưới dân nhiều đường lợi bệnh, một mình xem xét không cùng. Vậy nên trong một tổng phải tìm đôi ba ông quan thân (không có người danh vọng, phải người xác hậu thì hơn) ; lại nội trong hai ba làng, phải chọn những người tân cựu hào-mục (cần phải những người đứng đắn) ; đều phải hết lòng thành tín mà đãi người ta ; rồi sẽ cậy những người ấy, có ý xem xét cho mình, như việc tổng trên thì hỏi những kẻ quan-thân tổng dưới ; việc làng nọ thì hỏi những hào-mục làng kia, thì những người ấy đã không tuẫn-ẩn, mà tiêu tức nghe được rõ ràng ; chẳng những là việc dân-gian lợi-hại đạo-kiếp tai-thương đã đều rõ đặng, dầu đến hào-mục tinh-tệ, khoản điền thổ nào, việc mạng án nào, tình-lý phải trái làm sao, cũng nhờ những người ấy báo-cáo, thời được tinh-tường ; cho đến dân-gian động-tĩnh thế nào, cần phải những người ấy mách bảo, dò xét cho mình, lại càng chu mật nghề làm phủ huyện, khoản ấy cũng là một sự cần, đừng nên bỏ quá mới phải.

Những điều trên ấy, vẫn là theo mấy khoản diễn-thuyết trước, mà diễn thêm vào ; các thày ngày sau làm phủ huyện, nhời chi có quên thì thôi, còn một đôi câu tôi xin phải nhớ.

Thứ nhất phải tuân thể nhời thánh-dụ, lấy các việc mạng-án điền-thổ làm khó, phải xem đi xét lại thì lâm-dân lý-chính, mới gọi tuần-lương. Thứ hai phải tuân nhời quan Học-bộ đại-thần, ở với dân dưới, đừng có hà-khắc, ở với người trên, phải cho hết lòng thì xử-kỷ tiếp-vật khỏi điều trở ngại. Các thày đều người thông-minh tài-trí, nói ít biết nhiều, thử coi mà xem tinh lư-diêm khổ biết bao nhiêu, chẳng khác con thơ trông mẹ ; bước phủ huyện khó là như thế, cũng như gái mới làm dâu. Vậy xin các thày Quốc-tử-giám dở *Liệt truyện* mà xem, có phải là quốc-triều lương-thú lương-lệnh cho đến danh-thần lương-tướng, phần nhiều ở Quốc-tử-giám mà ra ; bây giờ Quốc-tử-giám về đây lại càng ngay đường văn-trị, thẳng bước văn-minh, mấy thầy phải gắng làm sao, chớ để các ngài bác. Chớ để người đời trước trở lại cười mình không kịp đời xưa mới phải. Tôi lại xin các thày ở trường Hậu-bổ khi ra làm phủ huyện xin đừng nghĩ mình là người trường Hậu-bổ ra, mà cũng đừng xưng mình là ở trong cửa Hậu-bổ ra ; phải giữ cho đến đường đi nước bước nhời nói việc làm, miễn làm sao cho bền quai dai cuống, mát gió xuôi buồm, qua khỏi cầu phủ huyện lên thẳng đường quan ; trước chẳng phụ ơn chánh triều và hai nhà nước giáo-dục, sau chẳng phụ công quan Học-bộ đại-thần ngày tháng xem xét, các quan thày sớm tối khuyên răn ; dựng một tấm cờ đào trước cửa trường Hậu-bổ, thì trường Hậu-bổ mới có người với người ta.

Non sông gặp gỡ, ngày hãi còn dài, ta sẽ gặp nhau nhiều khi nói truyện.»

* * *

Bài diễn-thuyết ngày khai-giảng trường Canh-nông thực-hành Tuyên-quang. — Ngày 15 tháng 4 tây trường Canh-nông thực-hành ở Tuyên-quang khai-giảng. Quan Án-sát Nguyễn-văn-Bân có đọc một bài diễn-thuyết sau này :

« Các thày học trò,

« Nay tôi lấy làm vui lòng, mà đến đây, xin có mấy nhời chúc mừng trường Canh-nông thực-hành mới mở.

« Phàm nghề nào cũng là hữu dụng cả, mà nghề canh-nông là cần dùng thứ nhất, sách có nói : *nông giả thiên hạ chi đại bản*, nghĩa là việc nông là gốc trong thiên-hạ, nay xét ra thực thế, thiên-hạ cần nhất lá lương thực, mà lương-thực ở việc canh-nông mà ra, cho nên buôn bán cũng nhờ mùa màng có tốt thì mới thịnh-vượng, công nghệ cũng nhờ mùa màng có tốt thì mới phát-đạt ; xem thế thì biết việc canh-nông là gốc các nghề khác.

« Người Annam ta là giòng-giõi ông Thần-nông, nước Annam ta là nước chuyên nghề làm ruộng, là nông-dân, nước là nông-quốc, lưu truyền đã hơn bốn nghìn năm nay, cứ đệ-niên [illegible]c gạo trong nước ta xuất-cảng đã được nhi[illegible],đủ tang chứng là nước chăm nghề làm ruộng, đáng nhẽ việc canh-nông tinh-thông [illegible]tới rồi thời phải, thế mà xét lại vẫn [illegible]pt lối cũ, chưa biết cách bón mùa, pha đ[illegible]chưa biết xét chất cỏ tính cây, mà những đ[illegible]ông-khi, thời từ xưa đến nay vẫn thế, khô[illegible] thay đổi chút nào, trách nào

việc canh-nông trong nước không được thịnh lợi.

« Từ khi có Qui-quốc Bảo-hộ, đã đặt ra sở canh-nông ở Hanoi, để xét việc giồng cây và cách pha đất, nhưng chửa dựng ra trường giậy học.

« Nay nhờ có quan Toàn-quyền Albert Sarraut cùng với đức Hoàng-thượng ta, đồng tâm hiệp lực, nhiệt-thành về sự khai-hóa, năm ngoái mở tràng Cao-đẳng-học-đường ở Hanoi, thời tràng Cao-đẳng-nông-học đã cùng với các tràng chuyên-môn mọi khoa,cùng mở ra giậy học rồi, năm nay lại mở ra tràng canh-nông thực-hành ở tỉnh Tuyên-quang này để luyện tập lấy người làm việc canh-nông.

« Cái đất chỗ làm tràng học này, trước là một chỗ cây cối um tùm, cỏ ranh rậm rạp. Nhà nước đã tổn phí bao nhiêu tiền, mới lập nên sở canh-nông này, mới rồi quan Công-sứ De Galambert thay mặt nhà nước có đặt Hội-đồng mua đất để mở rộng thêm sở trường canh-nông thực-hành, lại có quan Giám-đốc canh-nông Bidence, coi đặt chỗ đất làm trường, và chăm chỉ việc canh-nông, vậy nên ngày nay các thầy học trò được đến đấy học hành, sẵn có chỗ học chỗ ăn và chỗ ngủ.

« Các thầy thử xem chỗ nhà tràng này, làm lên trên cái gò núi thâm thấp, dưới có con sông Lô chảy quanh, bên kia sông thì là tỉnh-ly, có các tòa công-sở, và phố xá chợ búa đông đúc, thực là một chỗ thành-thị nhớn, và vui vẻ nhất ở miền thượng-du, lại sẵn có lâm-toàn-chi-thú, phía trên thì có núi Sầm-sơn, dưới núi có mỏ Tràng-đà, những dân đường xuôi lên làm mỏ, có hàng mấy nghìn người, bên kia sông lại có mỏ than, dân phu các nơi đến ở làm mỏ ấy cũng đông lắm, chung quanh thì có các đồn-điền, việc khai-khẩn giồng dọt thịnh lợi lắm.Chỗ trường học này, trông thực là thanh-thú như bức tranh họa thiên-nhiên, các thầy ở trung-châu lên học, trông phong cảnh trường này, có phần mát mẻ thỏa thích.

« Ngày nay là ngày khai trường học, tôi đến đây chào mừng nhà trường, chào quan Giám-đốc canh-nông và thầy giáo, cùng các thầy học trò, lấy làm vui lòng mà mừng rỡ lắm.

« 1° Mừng nước Nam ta ngày nay đã có trường canh-nông thực-hành.

« 2° Mừng tỉnh Tuyên-quang này ngày nay có trường ấy, chắc sau này việc canh-nông nước ta, có thể thịnh-vượng hơn trước nhiều, mà nhất là tỉnh Tuyên-quang lại càng thịnh-vượng hơn trước, mai sau việc canh-nông trong nước phát-đạt, có tiếng vẻ-vang ở cõi Á-đông này, cũng là trông mong vào các thầy thiếu-niên ngày nay. Hễ về sau càng phát-đạt bao nhiêu lại càng nhớ ơn đức Hoàng-thượng ta cùng quan Toàn-quyền Albert-Sarraut, nhiệt-tâm khai hóa, mà dựng ra trường học bấy nhiêu, và cảm ơn quan Công-sứ De Galampet cùng quan Giám-đốc canh-nông Bidence đã có công giúp vào nhà trường này.

« Xin chúc Đại-Pháp Bảo-hộ vạn tuế !

« Đại-Nam Hoàng-đế-bệ-hạ vạn tuế !

« Quan Toàn-quyền Albert Sarraut tràng thọ » !